

CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

_____ 808 _____

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**“ĐẦU TƯ CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
207.412 M² TRONG TỔNG SỐ DIỆN TÍCH
ĐẤT 384.561 M²”**

**ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN LAI UYÊN, HUYỆN BÀU BÀNG,
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

BÌNH DƯƠNG, THÁNG 07 NĂM 2022

CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

808

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**“ĐẦU TƯ CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
207.412 M² TRONG TỔNG SỐ DIỆN TÍCH
ĐẤT 384.561 M²”**

**ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN LAI UYÊN, HUYỆN BÀU BÀNG,
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG**



Nguyễn Cảnh Thành

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	vi
DANH MỤC HÌNH	vii
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.1. Tên chủ cơ sở	1
1.2. Tên cơ sở	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	2
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	2
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	3
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	4
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	4
1.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở	4
1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	5
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	8
1.5.1. Vị trí địa lý của cơ sở	8
1.5.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở	10
1.5.2. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của cơ sở	13
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	16
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	16
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	18
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	23
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	23
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	23
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	24
3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải	24
3.1.2.2. Công trình thoát nước thải và điểm xả nước thải sau xử lý	27

3.1.3. Xử lý nước thải.....	28
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	51
3.2.1. Công trình thu gom khí thải	51
3.2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải (Không có).....	51
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải thông thường.....	51
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	54
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	56
3.6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	57
3.6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố tại nạn lao động, tai nạn giao thông.....	60
3.6.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ	63
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	64
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	64
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải	64
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	65
4.1.3. Dòng nước thải của cơ sở.....	65
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:	65
4.1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải	69
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	70
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	70
CHƯƠNG VI	73
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	73
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	73
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	73
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	73
6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	74
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	76
CHƯƠNG VII	77
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	77

CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ	78
PHỤ LỤC	80
PHỤ LỤC 1: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ	81
PHỤ LỤC 2: CÁC BẢN VẼ.....	83

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Mô tả chi tiết
1	BTCT	: Bê tông cốt thép
2	BTLT	: Bê tông ly tâm
3	BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
4	CHXHCN	: Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa
5	CTR	: Chất thải rắn
6	CTNH	: Chất thải nguy hại
7	CP	: Cổ phần
8	ĐTM	: Đánh giá tác động Môi trường
9	HTX	: Hợp tác xã
10	KCN	: Khu công nghiệp
11	KDC	: Khu dân cư
12	KHCN	: Khoa học Công nghệ
13	KH & KT	: Khoa học & Kỹ thuật
14	KT-XH	: Kinh tế - Xã hội
15	KV	: Kilo vol
16	MT	: Môi trường
17	MTV	: Một thành viên
18	PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
19	PVC	: Nhựa PVC
20	QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
21	QLMT	: Quản lý Môi trường
22	TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
23	TMDV	: Thương mại dịch vụ
24	TN & MT	: Tài nguyên và Môi trường
25	TVMT	: Tư vấn Môi trường
26	TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
27	VLXD	: Vật liệu xây dựng
28	VNPT	: Tập đoàn Viễn thông Việt Nam
29	XLNT	: Xử lý nước thải

Công ty TNHH Hoàng Hùng
Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường - Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng
số diện tích đất 384.561 m²

30	UBND	: Ủy Ban nhân dân
31	WHO	: Tổ chức Y tế Thế Giới

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Bảng thống kê chi tiết lô đất xây dựng	2
Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng điện tại Cơ sở	5
Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nước của dự án	8
Bảng 1. 4. Tọa độ địa lý giới hạn của dự án	9
Bảng 1. 5. Diện tích các hạng mục công trình xây dựng của cơ sở	11
Bảng 1. 6. Bảng tổng hợp sử dụng đất toàn dự án	13
Bảng 1. 7. Cơ cấu sử dụng đất của dự án	14
Bảng 3. 1. Bảng thống kê mạng lưới thoát nước mưa	24
Bảng 3. 2. Bảng thống kê mạng lưới thoát nước thải	25
Bảng 3. 3. Nhu cầu sử dụng hóa chất cho hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở	40
Bảng 3. 4. Danh mục công trình xử lý trong HTXL nước thải của Cơ sở	41
Bảng 3. 5. Danh mục máy móc thiết bị trong HTXL nước thải của Cơ sở	42
Bảng 3. 6. Danh mục các thông số kỹ thuật của thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục	48
Bảng 3. 7. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở	52
Bảng 3. 8. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát tại cơ sở	54
Bảng 3. 9. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	55
Bảng 4. 1. Tổng hợp lượng nước thải của cơ sở	65
Bảng 4. 2. Đặc trưng nước thải đầu vào trạm XLNT tập trung	66
Bảng 4. 3. Đặc điểm các loại nước thải thể hiện theo từng nhóm ngành nghề	67
Bảng 4. 4. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sau khi xử lý của cơ sở	68
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau HTXL	71
Bảng 6. 1. Kế hoạch lấy mẫu dự kiến	73
Bảng 6. 2. Kế hoạch lấy mẫu chất thải	73
Bảng 6. 3. Tổng hợp chương trình quan trắc môi trường định kỳ	74
Bảng 6. 4. Tổng kinh phí dự toán cho giám sát môi trường hàng năm của Cơ sở	76

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Hình ảnh bố trí các nhà xưởng tại Cơ sở.....	3
Hình 1. 2. Hiện trạng tại Cơ sở	4
Hình 1. 3. Vị trí của dự án đối với các khu vực xung quanh	9
Hình 1. 4. Hiện trạng khu đất dự án	14
Hình 3. 1. Sơ đồ minh họa đường nước mưa tại Cơ sở.....	24
.....	26
Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của Cơ sở	26
Hình 3. 3. Sơ đồ minh họa đường nước thải tại Cơ sở.....	28
Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ bể tự hoại 3 ngăn	29
Hình 3. 5. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung	31
Hình 3. 6. Quy trình vận hành hồ sơ cố của Công ty	39
Hình 3. 7. Sơ đồ quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	52
Hình 3. 8. Sơ đồ quản lý và xử lý chất thải rắn sản xuất không nguy hại	54

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Chủ cơ sở: Công ty TNHH Hoàng Hùng
- Địa chỉ văn phòng: thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Cảnh Thành
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0274.3737378
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3701624019, đăng ký lần đầu ngày 30/09/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13/05/2022 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
- Quyết định số 253/QĐ – STNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc phê chuẩn Báo cáo Đánh giá Tác Động Môi trường của dự án “Đầu tư cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng diện tích đất 384.561 m²” ngày 03/03/2020.
- QĐ điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng số diện tích 384.561 m²”
- Quyết định chủ trương đầu tư số 2974/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/10/2019 về việc chấp thuận nhà đầu tư Công ty TNHH Hoàng Hùng và quyết định số 3098/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ngày 24/10/2019 về việc bổ sung điều chỉnh khoản 4, khoản 5 Điều 1 của quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 11/10/2019.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng số diện tích đất 384.561 m².
- Địa điểm cơ sở: thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án: Giấy phép xây dựng số 776/GPXD ngày 05/03/2020; Giấy phép xây dựng số 976/GPXD ngày 20/03/2020, Giấy phép xây dựng số 2707/GPXD ngày 20/07/2020.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 253/QĐ-STNMT ngày 03/03/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở “Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng số diện tích đất 384.561 m²”

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án với tổng vốn đầu tư 800.000.000.000 VNĐ (Tám trăm tỷ đồng) thuộc lĩnh vực Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khác quy định tại Khoản 2, Điều 9 của Luật Đầu tư Công số 39/2019/QH14 thông qua ngày 13/06/2019 thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm B.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Chủ cơ sở là Công ty TNHH Hoàng Hùng đầu tư, xây dựng Cụm nhà xưởng cho thuê hoàn chỉnh về mặt cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống cấp điện, xử lý nước thải với số lượng 18 nhà xưởng. Sau đó cho các Công ty trong và ngoài nước thuê xưởng với các chế độ ưu đãi hợp lý.

Bảng 1. 1. Bảng thống kê chi tiết lô đất xây dựng

STT	Ký hiệu lô	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
I	CN	Đất nhà máy kho tàng	207.412,0				
1	CN1	Xưởng 1	12.180	1	11,30	60,76	200,46
2	CN2	Xưởng 2	10.985	1	11,30	167,16	65,72
3	CN3	Xưởng 3	11.830	1	11,30	171,16	69,12
4	CN4	Xưởng 4	11.830	1	11,30	171,2	69,10
5	CN5	Xưởng 5	12.530	1	11,30	181,28	69,12
6	CN6	Xưởng 6	23.807	1	11,30	181,28	131,33
7	CN7	Xưởng 7	11.795	1	11,30	170,64	69,12
8	CN8	Xưởng 8	11.795	1	11,30	170,64	69,12
9	CN9	Xưởng 9	11.795	1	11,30	170,64	69,12
10	CN10	Xưởng 10	11.795	1	11,30	170,64	69,12
10	CN11	Xưởng 11	11.795	1	11,30	170,64	69,12
11	CN12	Xưởng 12	11.795	1	11,30	170,64	69,12

STT	Ký hiệu lô	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
12	CN13	Xưởng 13	11.795	1	11,30	170,64	69,12
13	CN14	Xưởng 14	10.745	1	11,30	155,46	69,12
14	CN15	Xưởng 15	9.485	1	11,30	137,22	69,12
15	CN16	Xưởng 16	8.295	1	11,30	120	69,13
16	CN17	Xưởng 17	7.175	1	11,30	108,88	65,90
17	CN18	Xưởng 18	5.757	1	11,30	86,6	69,11

(Công ty TNHH Hoàng Hùng)



Hình 1. 1. Hình ảnh bố trí các nhà xưởng tại Cơ sở

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Các doanh nghiệp khi thuê nhà xưởng sẽ tiến hành thực hiện hồ sơ môi trường riêng cho từng doanh nghiệp. Chủ đầu tư sẽ yêu cầu các doanh nghiệp thuê nhà xưởng chỉ được phép hoạt động khi lập các hồ sơ môi trường phù hợp với công nghệ sản xuất kinh doanh của Cơ sở rồi nộp lên cơ quan có chức năng quản lý như Sở TNMT Bình Dương hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bàu Bàng để được xét duyệt, thẩm định hồ sơ trước khi đi vào đầu tư hoạt động sản xuất chính thức.

Ngành nghề thu hút đầu tư trong Cụm nhà xưởng cho thuê bao gồm các ngành nghề sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường bao gồm:

- + Công nghiệp may mặc, không có công đoạn dệt nhuộm
- + Công nghiệp sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất.
- + Công nghiệp sản xuất bao bì.
- + Công nghiệp sản xuất lắp ráp dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi.
- + Công nghiệp điện tử và vi điện tử.
- + Công nghiệp cơ khí không thực hiện công đoạn xi mạ: dập khung, lắp ráp, chế tạo xe máy và phụ tùng.
- + Công nghiệp sản xuất máy công cụ, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.
- + Công nghiệp sản xuất sofa (bàn, ghế, giường và các sản phẩm liên quan).

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Dự án Cụm nhà xưởng cho thuê xây dựng hoàn chỉnh về mặt cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống cấp điện, xử lý nước thải với số lượng 18 nhà xưởng.



Hình 1. 2. Hiện trạng tại Cơ sở

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Công ty TNHH Hoàng Hùng đầu tư, xây dựng Cụm nhà xưởng cho thuê hoàn chỉnh về mặt cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống cấp điện, xử lý nước thải với số lượng 18 nhà xưởng. Sau đó cho các Công ty trong và ngoài nước thuê, không thực hiện sản xuất nên không có nhu cầu về nguyên

nhiên, vật liệu, hóa chất cho quá trình sản xuất, chỉ phát sinh của các đơn vị thuê nhà xưởng.

1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.2.1. Nhu cầu sử dụng điện

⚡ Nguồn cấp điện: Khu vực quy hoạch được cấp điện từ tuyến dây hiện hữu 22kV nằm trên đường Lai Uyên 84 hiện hữu phía Đông của Cơ sở.

Bảng 1. 2. Nhu cầu sử dụng điện tại Cơ sở

STT	Chức năng	Diện tích (m ²)	Suất phụ tải po		Hệ số đồng thời ks	cosφ	Công suất tác dụng (kw)	Công suất biểu kiến (kva)
			Giá trị	Đơn vị				
1	Đất nhà máy, kho tàng	207.412,00	250	kW/ha	0,9	0,9	4666,8	5185,3
2	Đất các khu kỹ thuật	5.751,00	150	kW/ha	0,8	0,9	69,0	76,7
3	Đất công trình hành chính, dịch vụ	4.305,00	100	kW/ha	0,8	0,9	34,4	38,3
4	Đất cây xanh	77.286,80	10	kW/ha	0,5	0,9	38,6	42,9
5	Đèn chiếu sáng đường	132	100	W	1	0,9	14,67	16,30
Tổng cộng công suất							4.824	6.029,4

(Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm nhà xưởng cho thuê, 2019)

⚡ Trạm biến áp:

Cơ sở xây dựng 8 trạm với công suất như sau: Trạm 1 - 630KVA; trạm 5 - 400kVA; trạm 2 - 400kVA, trạm 3 - 1000kVA; trạm 4 - 1000kVA; trạm 8 - 1000KVA; trạm 9 - 2000 KVA, trạm 10 - 400 KVA.

⚡ Phân đường dây trung thế:

Phân đường dây trung thế được đầu nối tại đường Lai Uyên 84 hiện hữu phía Đông của dự án và đường số 4 của dự án.

Mạng lưới điện trung thế được thiết kế đi nổi trên trụ BTLT 14m theo đường Lai Uyên 84 hiện hữu từ vị trí đầu nối đến các trạm biến áp trong khu hoạch.

Dây trung thế đi nổi sử dụng cáp 3xACX240mm² +AS 120mm² đi nổi trên trụ BTLT cao 14m.

✚ **Phần đường dây hạ thế:**

Hiện nay mạng lưới hạ thế được thiết kế xây dựng bằng hệ thống mương cáp và dây cáp hạ thế đi ngầm để cung cấp các khu vực chức năng trong khu quy hoạch, tại các khu vực bố trí tủ điện tổng để từ đó cung cấp vào đến các công trình trong khu.

Lưới điện sử dụng cấp điện áp 220V ba pha bốn dây, trung tính nối đất.

Đường dây 3P-1N được thiết kế theo tiêu chuẩn đường dây cáp đi ngầm, (3P + 1N)-0,4KV.

Dây dẫn: chọn dây dẫn trung bình có quy cách và chủng loại cáp từ CXV/DSTA (3x50mm² + 1x35mm²) đến CXV/DSTA (3x240mm² + 1x120mm²) để đi đến các tủ điện phân phối.

Bố trí các tủ phân phối điện tại từng công trình khi có vị trí cụ thể.

Bố trí các hố ga điện tại các vị trí rẽ nhánh hoặc tại các tuyến có chiều dài dây quá 100m để thuận lợi cho việc đấu nối, kiểm tra và luồn dây cáp.

✚ **Phần hệ thống chiếu sáng:**

- *Nguồn cung cấp:*

Toàn khu quy hoạch được điều khiển bằng 02 tủ chiếu sáng lấy điện từ các trạm biến áp T3-III-560KVA, T9-III-630KVA. Vị trí đặt tủ gần trạm biến áp.

Để tăng mỹ quan cho toàn khu quy hoạch ta chọn phương án thiết kế chiếu sáng đi ngầm.

Sử dụng cáp đồng bọc CXV/DSTA-0.6/1KV luồn trong ống uPVC chôn trong đất.

Các tuyến đường sử dụng trụ đèn STK cao từ 7m-12m tùy thuộc vào bề rộng của lòng đường. Khoảng cách giữa các đèn từ 25m-40m.

Sử dụng cáp đồng bọc CXV/DSTA-0.6/1KV luồn trong ống uPVC D60 cho những đoạn cáp trên vỉa hè và ống STK D76 cho những đoạn ống băng đường.

Chú trọng sử dụng các bộ đèn tiết kiệm năng lượng, sử dụng các hệ thống điều khiển chiếu sáng công cộng theo công nghệ hiện đại nhằm nâng cao hiệu suất chiếu sáng. Để giảm chi phí trả tiền điện, ta chọn chiếu sáng 2 chế độ, từ 17 giờ đèn sáng toàn bộ 100% & sau 22 giờ đèn chỉ sáng 50% số lượng đèn lắp đặt.

- *Đặt điểm kỹ thuật:*

Cần đèn chiếu sáng: Làm bằng ống sắt tráng kẽm Ø60, dài 3m, tầm với 1,7m, bán kính uốn cong R700, góc nghiêng so với mặt phẳng ngang là 15°.

Bố trí dây dẫn: sử dụng dây dẫn loại cáp bọc 4x25mm².

Tất cả dây dẫn trên đèn dùng loại cáp bọc CVV 2x25mm² luồn trong cần đèn, lên đèn qua các cầu chì với dây chì 5A.

Đèn Led áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật:

Đèn Led 100W

+ Vật liệu chế tạo: Hợp kim nhôm đúc.

+ Vật liệu mặt đèn: Kính chịu lực.

+ Công suất: 100W.

Tủ điều khiển: Hệ thống điều khiển hoàn toàn tự động kích thước 500x800x200mm.

Bộ hẹn giờ (timer) có nguồn nuôi phụ khi mất điện loại 2 kênh, khi cài đặt phải thay đổi ngày chế độ với nhau.

⚡ Nhu cầu tiêu thụ điện:

- Điện năng tiêu thụ hàng tháng của Cơ sở được cung cấp từ tuyến dây hiện hữu 22kV nằm trên đường Lai Uyên 84 hiện hữu phía Đông của dự án. Hiện nay Cơ sở chỉ hoạt động khoảng 30% công suất, nhu cầu tiêu thụ điện năng thực tế căn cứ theo hóa đơn điện 3 tháng gần nhất thì lượng điện năng tiêu thụ tại Cơ sở trung bình khoảng 10.491 Kwh/tháng.

- Khi Cơ sở hoạt động đạt công suất tối đa thì nhu cầu sử dụng điện tại Cơ sở ước tính khoảng 34.970 Kwh/tháng.

1.4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước

⚡ Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước cho Cơ sở được lấy từ tuyến ống cấp nước hiện hữu ở D200 trên đường ĐH.610 cách khu quy hoạch khoảng 490m đi theo đường Lai Uyên 84 về phía Nam.

⚡ Nhu cầu sử dụng nước

Nước thải phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên, nước từ khu trung tâm điều hành – dịch vụ, nước sản xuất từ các nhà xưởng. Vì vậy, lượng nước được sử dụng tại Cơ sở cho hoạt động của công nhân viên, nước cho các hoạt động trong quá trình sản xuất của các nhà xưởng.

Hiện tại Cơ sở chỉ hoạt động khoảng 30% công suất, nhu cầu sử dụng nước thực tế căn cứ theo hóa đơn nước 3 tháng gần nhất thì lượng nước tiêu thụ tại Cơ sở trung bình khoảng 194 m³/ngày.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước hiện tại và khi hoạt động đạt công suất tối đa như sau:

Bảng 1. 3. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

TT	Hạng mục	Lượng nước sử dụng (m ³ /ngày)		Ghi chú
		Hiện nay	Tối đa	
1	Sinh hoạt của cán bộ công nhân viên	2,7	9	
2	Nước dùng cho sản xuất	37,3	1.539	
3	Nước tưới cây	7,2	24	
	Rửa đường, quảng trường và tưới bằng cơ giới	12,3	41	
4	Nước thất thoát trong quá trình hoạt động	2,4	8	0,5 % của nước cấp cho sinh hoạt + cho công cộng + các nhà máy xí nghiệp
5	Nước cấp cho PCCC	21,6	72	
Tổng cộng (không tính nước PCCC)		83,5	1.621	

(Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hùng)

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Vị trí địa lý của cơ sở

Dự án được thực hiện tại Thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với diện tích sử dụng đất là 384.561 m². Tờ cận tiếp giáp của Dự án như sau:

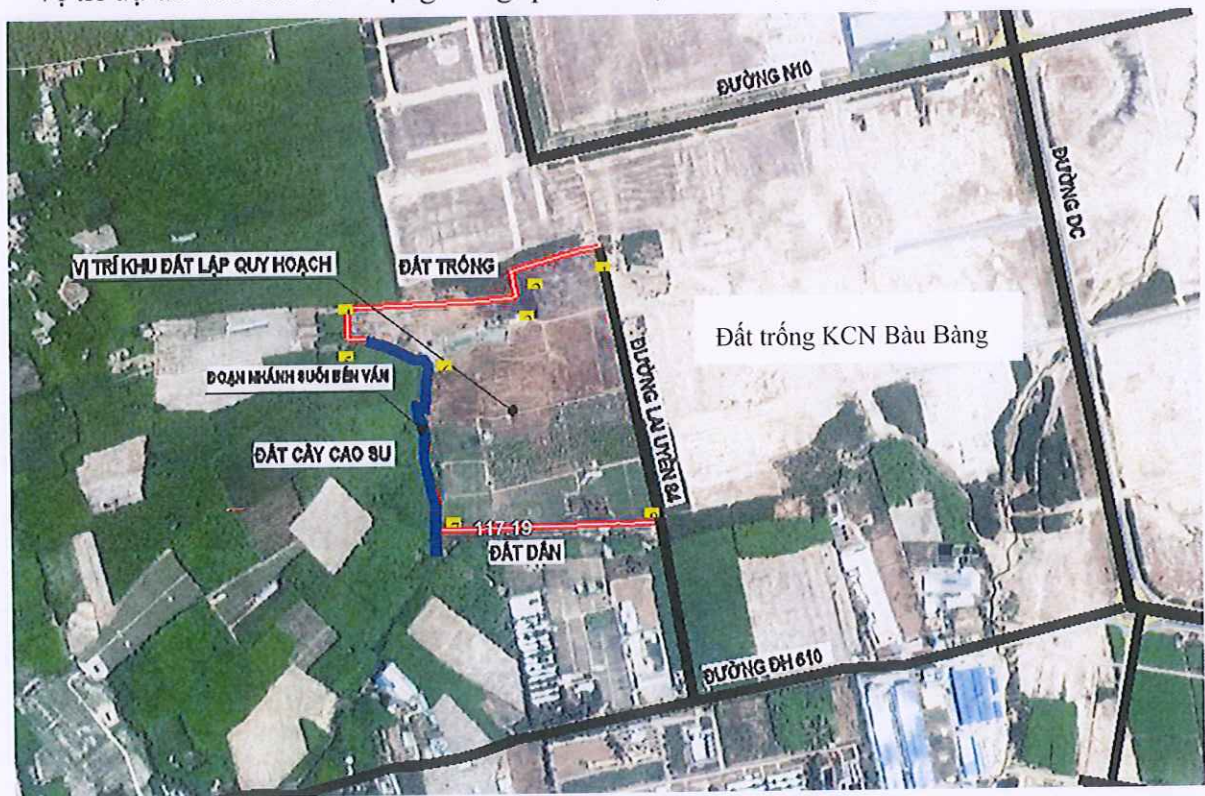
- Phía Đông :Giáp đường Lai Uyên 84 (Dự kiến mở rộng lộ giới đoạn đi qua dự án khoảng 12m) và khu đất trống KCN Bàu Bàng.
 - Phía Tây: Giáp đoạn nhánh suối Bến Ván và đất trồng cây của các hộ dân.
 - Phía Nam: Giáp đất trồng cây của các hộ dân.
 - Phía Bắc: Giáp đất trồng cây cao su của các hộ dân.
- Tọa độ địa lý giới hạn khu đất dự án (VN 2000), xem bảng sau:

Bảng 1. 4. Tọa độ địa lý giới hạn của dự án

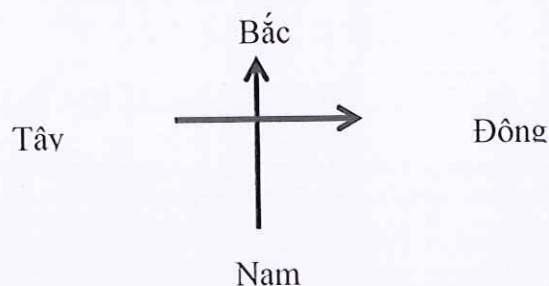
Kí hiệu	X(m)	Y(m)
1	674023.57	1244902.84
2	673781.37	1244847.98
3	673780.08	1244786.76
4	673333.72	1244745.43
5	673337.18	1244667.45
6	673539.98	1244593.43
7	673584.14	1244157.85
8	674173.41	1244172.87

(Nguồn: Bản đồ địa chính khu đất Dự án, 2019)

Vị trí dự án với các đối tượng xung quanh được thể hiện trong hình sau:



Hình 1. 3. Vị trí của dự án đối với các khu vực xung quanh



❖ **Khoảng cách từ Cơ sở tới đối tượng tự nhiên**

Khu vực xung quanh Cơ sở có các đối tượng tự nhiên sau:

- Suối Đồng Cò đoạn đi qua khu vực Dự án thuộc địa bàn xã Long Nguyên và thị trấn Lai Uyên chảy dọc theo hướng Bắc - Nam đi qua khu vực dự án có chiều dài khoảng 1,6km. Suối có kích thước rộng 2-3m, sâu 1,5m. Suối Đồng Cò có nước vào mùa mưa và cạn nước vào mùa khô.

- Suối Bến Ván: Suối Bến Ván thuộc địa bàn thị trấn Lai Uyên chảy dọc theo hướng Bắc - Nam đi qua KCN Bàu Bàng. Suối Bến Ván có chiều dài khoảng 10,7 km, độ rộng trung bình khoảng từ 2 m – 5 m và độ sâu lòng suối khoảng 1,5 m – 4 m (độ sâu mực nước khoảng 0,8 m - 4 m). Vị trí khu đất Dự án cách suối Bến Ván khoảng 1,5km về hướng Nam.

❖ **Khoảng cách từ Cơ sở tới các đối tượng kinh tế - xã hội**

Vị trí tương đối của Dự án với khu vực như sau :

Về dân cư: Dự án nằm trên khu vực không tập trung đông dân cư. Dự án cách UBND thị trấn Lai Uyên 10km về phía Bắc. Dự án cách khu dân cư gần nhất khoảng 600m về hướng Nam. Do đó khi Dự án đi vào xây dựng và hoạt động sẽ ảnh hưởng tới các đối tượng này.

Về các nhà máy sản xuất xung quanh: Dự án nằm tiếp giáp với khu đất trống của KCN Bàu Bàng theo hướng Đông Bắc và cách nhà máy đang hoạt động gần nhất trong KCN Bàu Bàng khoảng 300m. Nhìn chung đây là KCN đã được kiểm soát bằng các biện pháp kỹ thuật và quản lý nên không gây ảnh hưởng đến dự án. Mặt khác khi đi vào hoạt động, các nhà xưởng chủ yếu được cách ly với khu vực bên ngoài, các chất ô nhiễm phát sinh được kiểm soát và xử lý hiệu quả nên khả năng ảnh hưởng hoặc chịu sự tác động bởi các công ty khác ở khu vực lân cận là không đáng kể. Đồng thời Công ty sẽ xây dựng tường xung quanh cao 2,5 m nhằm hạn chế được lượng bụi, khí thải phát tán ra bên ngoài.

1.5.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của Cơ sở

Hiện trạng trên toàn bộ khu đất của dự án có tổng diện tích 384.561 m² đã được xây dựng hoàn chỉnh 18 nhà xưởng vào năm 2021 với Dự án Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng số diện tích đất 384.561 m², trong đó có 6 xưởng (CN13, CN14, CN15, CN16, CN17, CN18) đã thuê (xưởng CN13, CN14 thuê chủ yếu bỏ kho hàng hóa; xưởng CN15, CN16, CN17, CN18 đang lắp đặt máy móc sản xuất).

Diện tích các hạng mục công trình thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. 5. Diện tích các hạng mục công trình xây dựng của cơ sở

STT	Ký hiệu lô	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
I	CN	Đất nhà máy kho tàng	207.412,0				
1	CN1	Xưởng 1	12.180,0	1	11,30	60,76	200,46
2	CN2	Xưởng 2	10.985,0	1	11,30	167,16	65,72
3	CN3	Xưởng 3	11.830,0	1	11,30	171,16	69,12
4	CN4	Xưởng 4	11.830,0	1	11,30	171,2	69,10
5	CN5	Xưởng 5	12.530,0	1	11,30	181,28	69,12
6	CN6	Xưởng 6	23.807,0	1	11,30	181,28	131,33
7	CN7	Xưởng 7	11.795,0	1	11,30	170,64	69,12
8	CN8	Xưởng 8	11.795,0	1	11,30	170,64	69,12
9	CN9	Xưởng 9	11.795,0	1	11,30	170,64	69,12
10	CN10	Xưởng 10	11.795,0	1	11,30	170,64	69,12
10	CN11	Xưởng 11	11.795,0	1	11,30	170,64	69,12
11	CN12	Xưởng 12	11.795,0	1	11,30	170,64	69,12
12	CN13	Xưởng 13	11.795,0	1	11,30	170,64	69,12
13	CN14	Xưởng 14	10.745,0	1	11,30	155,46	69,12
14	CN15	Xưởng 15	9.485,0	1	11,30	137,22	69,12
15	CN16	Xưởng 16	8.295,0	1	11,30	120	69,13
16	CN17	Xưởng 17	7.175,0	1	11,30	108,88	65,90
17	CN18	Xưởng 18	5.985,0	1	11,30	86,6	69,11
II	KT	Đất các khu kỹ thuật	5.751,0				
1	PCCC	Phòng cháy chữa cháy	700,0	1	5,00	-	-
2	XLNT	Trạm xử lý nước thải	1.500,0	1	5,00	-	-
3	PT	Khối phụ trợ	3.540,0	≤ 2	11,30	-	-
4	TĐ	Trạm điện	11,0	-	-	-	-
III	DV	Đất hành chính dịch vụ	4.305,0				
1	DV	Đất dịch vụ	4.305,0	≤ 3	11,30	-	-

STT	Ký hiệu lô	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tầng cao tối đa (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)
TỔNG			217.468,0				

(Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hùng)

❖ Mô tả về kiến trúc và kết cấu hạ tầng hạng mục công trình trong khu quy hoạch

✚ **Đất xây dựng công trình:**

Có tổng diện tích 217.468,0m² chiếm 57,73% trên tổng diện tích đất trong cơ cấu là 376.688,6m², bao gồm diện tích xây dựng nhà máy kho tàng khoảng 207.412,0m². Diện tích xây dựng các khu kỹ thuật khoảng 5.751,0m² và diện tích hành chính dịch vụ khoảng 4.305,0m².

Dự án xây dựng nhà xưởng là thực hiện xây dựng cơ bản từng khu nhà xưởng với vách ngăn và mái che, có xây dựng nhà vệ sinh, bể tự hoại và lắp đặt đường ống thoát nước thải sản xuất trong từng nhà xưởng.

✚ **Đất cây xanh:**

Có diện tích 77.286,8m² chiếm 20,52% trên tổng diện tích đất trong cơ cấu là 376.688,6m². Cây xanh được bố trí xung quanh khu vực quy hoạch bằng hình thức tập trung và phân tán nhằm chống bụi và tiếng ồn, tạo cảnh quan và cải tạo vi khí hậu.

✚ **Đất giao thông - bến bãi:**

Có diện tích 81.933,8m². Phân bổ theo hình ô cờ đảm bảo về tính chất sử dụng cho nhà máy cũng như về phòng cháy chữa cháy.

✚ **Đất hành lang bảo vệ:**

Có diện tích 7.872,4m². Nằm ở vị trí giáp ranh phía Tây, tuyến hành lang bảo vệ suối và một phần hành lang bảo vệ đường giáp ranh phía Đông dự án.

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cho từng lô đất

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất ...) được quy định phù hợp với từng khu chức năng và đúng với tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

✚ **Các chỉ tiêu toàn khu**

- Mật độ xây dựng thuần (net-tô): ≤ 57,7%.
- Tầng cao xây dựng tối đa: 3 tầng.
- Chiều cao xây dựng tối đa là 11,30m trừ các hạng mục silo, ống khói.

- Hệ số sử dụng đất: $\leq 1,0$.
- Tỷ lệ đất cây xanh: 20,5%.
- Tầng hầm: không sử dụng.

✚ **Các chỉ tiêu cụ thể**

❖ **Công trình nhà máy, kho tàng:**

- Tầng cao xây dựng tối đa: 01 tầng;
- Chiều cao xây dựng công trình tối đa 11,3m.

❖ **Các công trình kỹ thuật:**

- Tầng cao xây dựng tối đa: 02 tầng;
- Chiều cao xây dựng công trình tối đa 11,3m.

❖ **Các công trình hành chính dịch vụ:**

- Tầng cao xây dựng tối đa: 03 tầng;
- Chiều cao xây dựng công trình tối đa 11,3m.

❖ **Công trình cây xanh:**

- Tầng cao xây dựng tối đa: 1 tầng;
- Mật độ xây dựng: $\leq 5\%$
- Chiều cao xây dựng công trình tối đa 5m.

1.5.2. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của cơ sở

Cơ sở tọa lạc tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, được quy hoạch xây dựng công trình công nghiệp. Theo Quyết định số 3879/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm nhà xưởng cho thuê, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương ngày 25/12/2019; tổng thể không gian khu quy hoạch được cơ cấu bao gồm các khu chức năng chính như sau:

Bảng 1. 6. Bảng tổng hợp sử dụng đất toàn dự án

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	217.468,0	57,73
2	Đất cây xanh	77.286,8	20,52
3	Đất giao thông, bến bãi	81.933,8	21,75
4	Đất khác	7.872,4	2,05
	Tổng cộng	384.561,0	100,0

(Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm nhà xưởng cho thuê, 2019)

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	Tổng cộng	384.561,0	100,0

(Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm nhà xưởng cho thuê, 2019)



Hình 1. 4. Hiện trạng khu đất dự án

a) Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc

Cơ cấu sử dụng đất của dự án được thể hiện như sau:

Bảng 1. 7. Cơ cấu sử dụng đất của dự án

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Đất quy hoạch		
I	Đất xây dựng công trình	217.468,0	57,73
1	Đất nhà máy - kho tàng	207.412,0	55,06
2	Đất các khu kỹ thuật	5.751,0	1,53
	Hệ thống xử lý nước thải	1.500	0,40
	Hồ sự cố	750	0,20
	Các công trình hạng mục khác	3.501,00	0,93
3	Đất công trình hành chính - dịch vụ	4.305,0	1,14
II	Đất cây xanh	77.286,8	20,52
III	Đất giao thông, bến bãi	81.933,8	21,75

Công ty TNHH Hoàng Hùng
 Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường - Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng số diện tích đất 384.561 m²

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
2	Đất hành lang an toàn đường bộ	3.680,3	0,96
	TỔNG CỘNG	384.561,0	-

(Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm nhà xưởng cho thuê, 2019)

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Nhằm thu hút nhiều doanh nghiệp về đây đầu tư, Công ty TNHH Hoàng Hùng đã tiến hành đầu tư Cơ sở Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng số diện tích đất 384.561 m² tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Ngoài việc đáp ứng nhu cầu thuê nhà xưởng xây dựng sẵn để đầu tư sản xuất của các doanh nghiệp trong và ngoài nước trên địa bàn huyện Bàu Bàng, Cơ sở còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương và tạo công ăn việc làm cho người dân trong vùng.

Theo Quyết định số 3281/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương ngày 18 tháng 12 năm 2013 về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 thì định hướng phát triển khu vực Dầu Tiếng, Bàu Bàng, Phú Giáo, Bắc Tân Uyên và Bắc Bến Cát sẽ tiếp tục phát triển các ngành nghề gồm: công nghiệp cơ khí (chuyên dùng, cơ khí gia công, sản xuất phụ tùng, linh kiện, cụm chi tiết, cơ khí sửa chữa...); sản phẩm công nghệ thông tin, dây dẫn linh kiện, phụ tùng điện, điện tử; công nghiệp hóa chất; dệt may; sản xuất VLXD- gốm sứ; khai thác khoáng sản; chế biến nông, lâm sản (gỗ), ... Như vậy việc hình thành Cơ sở sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất và phát triển các ngành nghề như may mặc, đồ gỗ và trang trí nội thất, điện tử... Vì vậy dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển ngành và chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH Hoàng Hùng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp quyết định chủ trương đầu tư theo Quyết định số 2974/QĐ- UBND ngày 11/10/2019 và Quyết định chủ trương điều chỉnh số 3098/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 cho dự án đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê (đối với các ngành nghề sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường, không thu hút ngành nghề phát sinh nhiều nước thải như nhuộm, tẩy, xi mạ, giấy) với tổng số diện tích đất sử dụng 384.561m² tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Dự án được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm nhà xưởng cho thuê, Thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương ngày 25/12/2019 theo Quyết định số 3879/QĐ-UBND. Dự án “Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng số diện tích đất 384.561 m²” của Công ty TNHH Hoàng Hùng là loại Dự án đầu tư mới, loại hình sản xuất này phù hợp với quy hoạch phát triển các ngành nghề của địa phương.

Ngành nghề thu hút đầu tư trong Cụm nhà xưởng cho thuê bao gồm các ngành nghề sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường bao gồm:

- + Công nghiệp may mặc, không có công đoạn dệt nhuộm
- + Công nghiệp sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất.
- + Công nghiệp sản xuất bao bì.
- + Công nghiệp sản xuất lắp ráp dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi.
- + Công nghiệp điện tử và vi điện tử.
- + Công nghiệp cơ khí không thực hiện công đoạn xi mạ: dập khung, lắp ráp, chế tạo xe máy và phụ tùng.
- + Công nghiệp sản xuất máy công cụ, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.
- + Công nghiệp sản xuất sofa (bàn, ghế, giường và các sản phẩm liên quan).

Ghi chú: Cụm nhà xưởng không tiếp nhận ngành nghề phát sinh nhiều nước thải như nhuộm, tẩy, xi mạ, giấy.

Hiện nay bao quanh 4 phía khu đất dự án là đường giao thông nông thôn, đất trồng cây lâu năm của các hộ dân và gần đó là đất trống của KCN Bàu Bàng. Do đó trong quá trình hoạt động các tác động tiêu cực có tính chất qua lại giữa các đối tượng xung quanh và Dự án là không đáng kể.

Mặt khác khi đi vào hoạt động, các nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Hoàng Hùng chủ yếu được thực hiện trong nhà xưởng, cách ly với khu vực bên ngoài, các chất ô nhiễm phát sinh được kiểm soát và xử lý hiệu quả nên khả năng ảnh hưởng hoặc chịu sự tác động bởi các Công ty khác ở khu vực lân cận là không đáng kể. Trong quá trình hoạt động của Dự án, chủ dự án thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, nước thải, quản lý tốt lượng chất thải rắn phát sinh. Bên cạnh đó, chủ đầu tư bố trí hành lang cây xanh bao quanh tường rào cụm nhà xưởng góp phần tạo cảnh quan đẹp cho Nhà máy, đồng thời có tác dụng điều hòa vi khí hậu, giảm bụi,

òn, tạo ra một môi trường thoáng mát, hài hòa với thiên nhiên tại khu vực Nhà máy và hạn chế các nguồn ô nhiễm này phát tán ra khu vực xung quanh. Do đó, hoạt động sản xuất của Dự án sẽ không gây các tác động xấu đến hoạt động sản xuất của các Công ty tiếp giáp và môi trường khu vực.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Cơ sở của Công ty TNHH Hoàng Hùng được triển khai tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án: nhánh suối Bến Ván (suối Đồng Cò) → suối Bến Ván → suối Bà Lãng → sông Thị Tính → sông Sài Gòn.

❖ Nhánh suối Bến Ván (suối Đồng Cò)

Suối Đồng Cò có nước vào mùa mưa và cạn nước vào mùa khô. Từ trước tới nay chưa xảy ra tình trạng quá tải và ngập lụt. Nước mưa khu vực một phần thấm tự nhiên vào đất, một phần theo độ dốc đổ về suối Đồng Cò và dẫn thoát về suối Bến Ván.

Việc đánh giá tác động đến dòng chảy thủy văn được thực hiện theo của tài liệu: “Các bảng tính toán thủy lực cống và mương thoát nước, Trần Hữu Uyển, 2003”.

Khả năng thoát nước của suối Đồng Cò: Theo khảo sát thực tế mương đất thoát nước vào những thời điểm triều kiệt xuất hiện dòng chảy có đặc điểm hình thái như sau:

- Chiều rộng b dao động từ 2 - 3 m;
- Cao độ dao động từ 1 - 2 m;
- Độ dốc $i = 0,177 \%$;
- Độ sâu dòng chảy $h = 1$ mét.
- Độ sâu của mương đất khoảng 1,5 mét.

Khả năng tiếp nhận tối đa của suối Đồng Cò

- Tiết diện mặt cắt ướt của nhánh suối
- $A = b \times H = 3 \times 1,5 = 4,5 \text{ (m}^2\text{)}$
- Dựa vào diện tích mặt cắt ướt và vận tốc dòng chảy, có thể tính được khả năng

tiếp nhận tối đa của nhánh suối Đồng Cò như sau:

- $Q_{\max} = A \times v = 4,5 \times 5,1$
- $Q_{\max} = 22,95 \text{ m}^3/\text{giờ}$

Lưu lượng thải tối đa của Dự án

- Lưu lượng thải tối đa của dự án: $Q_{\text{nước thải}}$ tại thời điểm tối đa = 1.600 m³/ngày.đêm $\sim 0,02\text{m}^3/\text{s}$.

- Lưu lượng nước mưa tối đa của dự án: $Q_{\text{nước mưa}}$ tại thời điểm tối đa = 3.296 l/s = 3,296 m³/s

- Suối Đồng Cò ngoài tiếp nhận nước thải, nước mưa từ dự án còn tiếp nhận nước thải từ các nguồn khác: nước thải từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân xung quanh khu vực suối (dân cư tập trung xung quanh khu vực suối khá thưa thớt, khoảng 5 hộ) với lưu lượng nước thải phát sinh không nhiều. Ngoài ra suối còn tiếp nhận nước thải từ Nhà máy cao su Nhật Nam với lưu lượng nước thải phát sinh 300 m³/ngày $\sim 0,00347\text{ m}^3/\text{s}$ và nước mưa chảy tràn từ khu vực đất trồng cây quanh khu vực suối Đồng Cò (28 ha) là 2,4 m³/s

- Như vậy khi tiếp nhận nước thải từ dự án thì khả năng tiếp nhận của dòng chảy Suối được xác định như sau:

$$Q_{\text{tn}} = Q_{\text{max}} - Q_{\text{nước thải dự án}} - Q_{\text{nước mưa dự án}} - Q_{\text{thải khu vực}} - Q_{\text{mưa khu vực}} = 22,95 - 0,014 - 3,296 - 0,00347 - 2,4 = 17,23\text{ m}^3/\text{giây}$$

→ Do đó suối Đồng Cò hoàn toàn có khả năng tiếp nhận lưu lượng nước thải và nước mưa từ Dự án.

❖ Suối Bến Ván

Nguồn tiếp nhận nước mưa và nước thải của dự án là suối Đồng Cò → suối Bến Ván → sông Thị Tính. Suối Bến Ván có chiều rộng khoảng 2-5m, chỗ hẹp nhất khoảng 2m, với mực nước sâu khoảng gần 0,8m khi bắt đầu vào mùa cạn và sâu 4m về mùa mưa. Lưu lượng nước chảy của suối là 1,5m³/s vào mùa khô hạn và 6,5m³/s vào mùa mưa, chiều dài của suối khi chảy về đến suối Thị Tính khoảng 10,7km.

Việc tiếp nhận nước thải của Dự án chỉ có khả năng ảnh hưởng đến chế độ dòng chảy thủy văn của suối vào những thời điểm triều kiệt có xuất hiện dòng chảy. Việc đánh giá tác động đến dòng chảy thủy văn được thực hiện theo của tài liệu: “Các bảng tính toán thủy lực cống và mương thoát nước, Trần Hữu Uyển, 2003”.

Theo khảo sát thực tế, suối Bến Ván vào những thời điểm triều kiệt xuất hiện dòng chảy có đặc điểm hình thái như sau:

- Chiều rộng b dao động từ 2 – 5 m;
- Cao độ dao động từ 2 – 3 m;
- Độ dốc $i = 0,177\%$;

- Độ sâu dòng chảy $h = 3$ mét.
- Độ sâu của rạch H khoảng 4 mét.

Suối Bến Ván đoạn chảy qua khu vực dự án ngoài tiếp nhận tiếp nhận nước thải, nước mưa từ các nguồn bao gồm:

- Nước thải và nước mưa từ dự án và các nguồn thải khác xả ra suối Đồng Cò rồi chảy vào suối Bến Ván khoảng 5,7m³/s.
- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân xã Long Nguyên và thị trấn Lai Uyên (4.873 người) xung quanh khu vực suối với lưu lượng nước thải phát sinh không nhiều 1.002 m³/ngày tương đương 0,01 m³/giây và nước mưa trên diện tích toàn khu vực (140 ha) là 5,8 m³/s. Ngoài ra suối còn tiếp nhận nước mưa chảy tràn từ khu vực đất trồng cây quanh khu vực suối Đồng Cò (28 ha) là 2,4 m³/s.

Như vậy khi tiếp nhận nước thải từ dự án thì khả năng tiếp nhận của dòng chảy Suối được xác định như sau:

$$Q_{\text{tn}} = Q_{\text{max}} - Q_{\text{nước thải dự án}} - Q_{\text{nước mưa dự án}} - Q_{\text{thải khu vực}} - Q_{\text{mưa khu vực}} = 38,25 - 5,7 - 0,01 - 5,8 = 26,74 \text{ m}^3/\text{giây}$$

→ Do đó suối Bến Ván hoàn toàn có khả năng tiếp nhận lưu lượng nước thải và nước mưa từ Dự án.

Đối với nước thải, nước mưa từ các nhà máy trong Khu công nghiệp Bàu Bàng được dẫn vào một nhánh khác của Suối Bến Ván cách khá xa khu vực dự án khoảng 4,5km trước khi chảy vào sông Thị Tính. Do đó việc xả thải của dự án không ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận ở phía thượng nguồn mà ảnh hưởng về phía hạ nguồn của suối Bến Ván.

❖ Sông Thị Tính và sông Sài Gòn

- Sông Thị Tính: Sông Thị Tính, sau đập Thị Tính có nhiều suối, rạch ở hai bên đổ vào. Bên trái có suối Cầu Trật, Hồ Muông khu vực xã Long Tân, suối Bà Lăng và suối Mương Đào, rạch Ngay, rạch Lò, rạch lá đổ ra tại khu vực Mỹ Phước, rạch Ngay, rạch Cháy ở khu vực xã Thới Hoà và Tân Định. Bên phải có rạch Thăng Nô thuộc xã Định An, huyện Dầu Tiếng...

- Sông Sài Gòn: Sông Sài Gòn là một phụ lưu của sông Sài Gòn, Sông Sài Gòn bắt nguồn từ vùng đồi thấp, có độ cao tương đối khoảng 150m, nằm trong huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, rồi chảy qua giữa địa phận ranh giới tự nhiên giữa 2 tỉnh Bình Phước và Tây Ninh, qua hồ Dầu Tiếng, chảy tiếp qua tỉnh Bình Dương, là ranh giới

giữa Bình Dương với Thành phố Hồ Chí Minh, hợp với sông Sài Gòn thành hệ thống sông Sài Gòn, đổ ra biển. Ở thượng lưu sông chảy theo hướng bắc - nam, trung lưu và hạ lưu sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.. Sông Sài Gòn dài 256 km, chảy dọc trên địa phận Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 80 km, có lưu lượng trung bình vào khoảng 54 m³/s, bề rộng tại Thành phố khoảng 225 m đến 370 m, độ sâu có chỗ tới 20 m, diện tích lưu vực trên 5.000 km². Nguồn nước mặt này vừa phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp vừa cung cấp nước sinh hoạt cho các điểm dân cư.

Sông Sài Gòn có 02 đặc trưng: đặc trưng theo mùa và đặc trưng do ảnh hưởng của thủy triều cộng với chế độ vận hành của các hồ chứa nước.

Đặc trưng theo mùa: nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chế độ thủy văn của hệ thống sông Sài Gòn trong mùa cạn và mùa lũ rất khác nhau. Mùa cạn kéo dài từ tháng 11 đến tháng 6 năm sau, lượng nước của hệ thống sông Sài Gòn xấp xỉ 20% lượng nước của cả năm. Tháng có dòng chảy kiệt nhỏ nhất là tháng 3, chỉ đạt 0,8%. Ba tháng có dòng chảy nhỏ nhất là tháng 2,3,4. Lượng nước trong 3 tháng này chỉ xấp xỉ 2,5-3,7%. Mùa lũ thường bắt đầu từ tháng 7, chậm hơn mùa mưa khoảng 2 tháng và kết thúc vào tháng 11. Lượng nước trong mùa này chiếm khoảng 80% lượng nước cả năm. Ba tháng có dòng chảy lớn, chiếm khoảng 60% lượng dòng chảy cả năm là tháng 8,9,10.

Đặc trưng theo chế độ thủy triều và chế độ vận hành của các hồ chứa: chế độ thủy triều tại sông Sài Gòn là chế độ bán nhật triều. Chế độ vận hành của các hồ chứa trên hệ thống sông Sài Gòn ảnh hưởng quan trọng tới chế độ thủy văn của hệ thống sông Sài Gòn về phía hạ lưu. Về mùa cạn, lưu lượng dòng chảy ở phía hạ lưu sẽ tăng lên và về mùa lũ lưu lượng dòng chảy sẽ nhỏ hơn so với tự nhiên.

Tác động của điều kiện khí tượng, thủy văn đến hoạt động xây dựng và vận hành của dự án

- Thuận lợi:

+ Điều kiện khí tượng tại khu vực dự án sẽ thuận lợi cho việc phát tán chất ô nhiễm dạng khí;

+ Chế độ nhiệt tại khu vực dự án thuận lợi cho việc quá trình phân hủy sinh học trong xử lý chất thải;

+ Dự án nằm trong khu vực đã có hạ tầng hoàn chỉnh nên vấn đề tiêu thoát nước được đảm bảo;

- Khó khăn:

+ Chế độ nhiệt khá cao và ổn định quanh năm vì vậy có thể ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường làm việc của công nhân viên Nhà máy;

+ Lượng mưa tương đối cao sẽ ảnh hưởng đến quá trình thoát nước mưa của dự án.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Mặt bằng cơ sở đã được đầu tư xây dựng tách riêng tuyến thoát nước mưa và nước thải. Hướng dốc chính thoát nước mưa là hướng Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây theo hướng dốc của địa hình san lấp.

Cống thoát nước mưa được bố trí 2 bên đường. Các đoạn cống đi dưới lòng đường sử dụng cống BTCT chịu tải trọng H30. Các cống trên vỉa hè sử dụng cống BTCT chịu tải trọng H10.

Tuyến cống thoát nước mưa chính của khu đất thiết kế sử dụng cống có đường kính D600, D1.000.

Độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,5m. Nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh.

Khoảng cách giữa các giếng thu trung bình là 30m. Bố trí giếng thu tại các vị trí đổi hướng và tại các vị trí đầu nối. Giếng thu được xây dựng bằng BTCT có nhiệm vụ thu nước mặt và đầu nối với hệ thống thoát nước mưa bên trong công trình. Tất cả các miệng thu nước mưa đều phải có song chắn rác. Cần tiến hành nạo vét giếng thu thoát nước mưa thường xuyên, định kỳ vào trước mùa mưa lũ hàng năm để đảm bảo thoát nước tốt.

Hướng thoát nước:

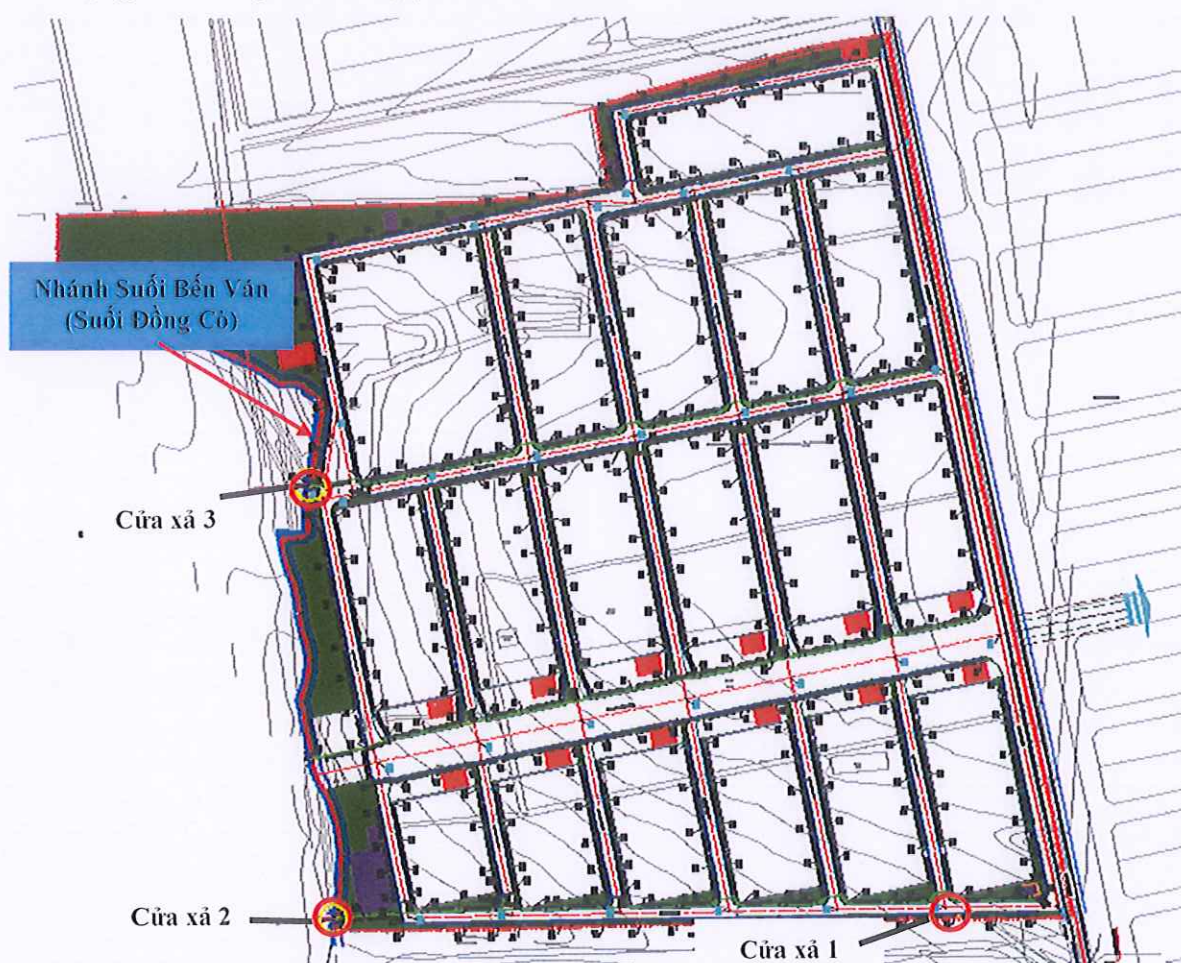
Toàn bộ nước mưa của khu vực quy hoạch sẽ được thu gom theo các tuyến cống nước mưa trên các trục đường, sau đó theo tuyến cống chính D1000 trên đường số 3, đường số 4, đường số 5 thoát về suối hiện hữu ở phía Tây khu quy hoạch thông qua 3 cửa xả thoát nước mưa D1000. Hướng thoát nước mưa chảy từ hướng Đông sang hướng Tây, từ hướng Bắc xuống hướng Nam và với cao độ chênh lệch của từng nhà xưởng là +1m.

Điểm xả nước mưa: nước mưa sẽ được thu gom và xả ra suối Đồng Cò tại 03 điểm. Vị trí xả thải nằm ở phía Tây của dự án thuộc thượng lưu của suối Bến Ván. Các tuyến cống được đặt trên vỉa hè thu nước mặt từ vỉa hè và lòng đường. Cống thoát nước sử dụng kết cấu bê tông cốt thép đặt dưới vỉa hè.

Bảng 3. 1. Bảng thống kê mạng lưới thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống BTCT Ø600	m	7.940
2	Cống BTCT Ø1000	m	1.560
3	Gối đỡ cống BTCT Ø600	Cái	3.970
4	Gối đỡ cống BTCT Ø1000	Cái	780
5	Hố ga	Cái	377
6	Cửa xả	Cái	3

(Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm nhà xưởng cho thuê, 2019)



Hình 3. 1. Sơ đồ minh họa đường nước mưa tại Cơ sở

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải

- Hệ thống nước thải của cơ sở được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt, từ khu vực hành chính và nước thải từ quá trình sản xuất của các đơn vị thứ cấp sẽ được thu gom qua các đường ống nhánh đường kính Ø200m, sau đó dẫn về hệ thống ống thu gom chính có Ø300m.

Nước thải được đưa về trạm xử lý nước thải tập trung nằm ở phía Tây Nam dự án xử lý đạt chuẩn cho phép trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, sau đó thoát ra suối Đồng Cò rồi chảy vào suối Bến Ván.

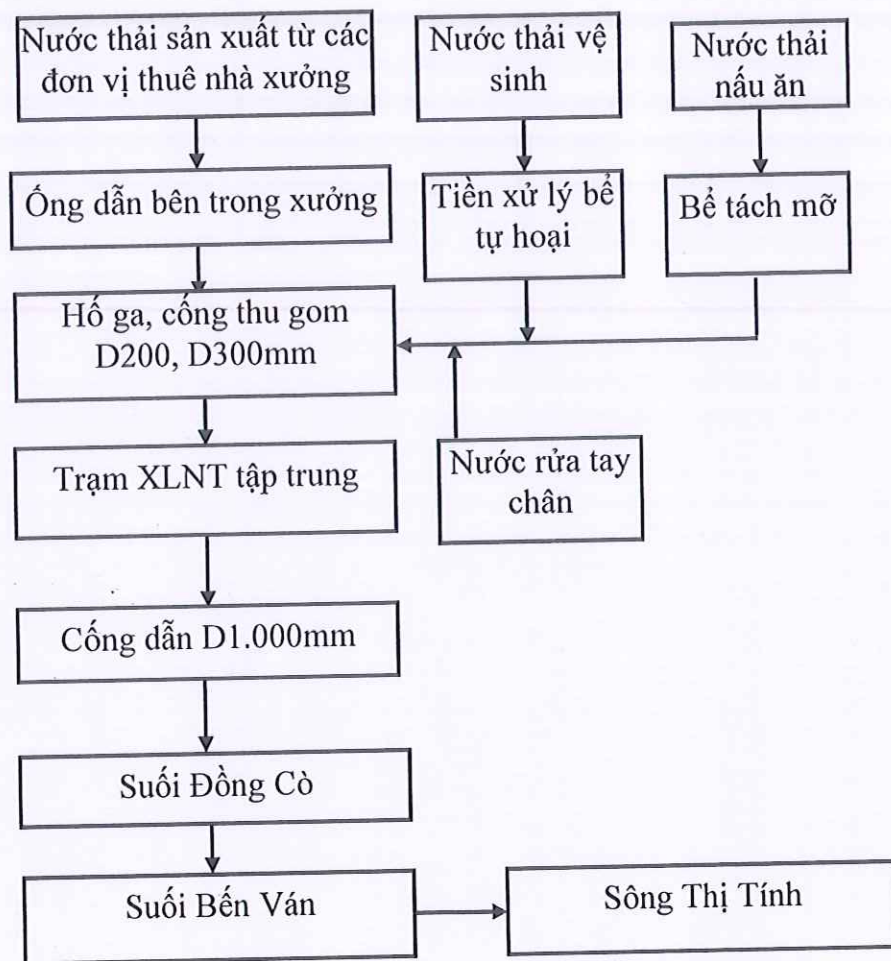
Vật liệu xây dựng đường ống thu gom là bê tông cốt thép hoặc vật liệu chịu lực và không thấm; các tuyến cống được xây dựng ngầm dưới lề đường, độ sâu chôn cống tính từ đỉnh cống >0,5m khi cống không chịu hoạt tải của xe, >0,7m khi cống chịu tác động trực tiếp từ hoạt tải của xe. Trên các tuyến ống bố trí các hố ga nước thải, khoảng cách bố trí theo tiêu chuẩn quy phạm: 20-40 m/hố ga hoặc tùy vào từng vị trí cụ thể để bố trí hợp lý.

Nước thải thu gom được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải với công suất 1.600 m³/ngày.đêm, trong đó cụm xử lý sinh học chia làm 02 modul, mỗi modul có công suất 800 m³/ngày.đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1$ sẽ theo cống dẫn BTCT D=1.000mm dài khoảng 25m dẫn ra suối Đồng Cò rồi chảy vào suối Bến Ván.

Bảng 3. 2. Bảng thống kê mạng lưới thoát nước thải

STT	Hạng mục	Khối lượng	
		Quy mô	Đơn vị
1	Cống BTCT Ø200	2.703	m
2	Cống BTCT Ø300	305	m
3	Hố ga nước thải	102	cái
4	Trạm xử lý nước thải tập trung	1	Trạm

(Nguồn: Thuyết minh quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm nhà xưởng cho thuê, 2019)



Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của Cơ sở

3.1.2.2. Công trình thoát nước thải và điểm xả nước thải sau xử lý

❖ Nước thải sinh hoạt

Nước thải từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay chân, khu vệ sinh cá nhân của các nhà máy thứ cấp trong Cụm nhà xưởng cho thuê sẽ được tiến xử lý bằng bể tự hoại tại mỗi nhà xưởng; nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn từ các nhà máy thứ cấp sẽ được qua bể tách mỡ do mỗi nhà xưởng tự đầu tư sau đó nhập chung với nước thải sau bể tự hoại bằng đường ống BTCT đường kính Ø200mm rồi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm nhà xưởng cho thuê bằng đường ống thu gom chính bằng BTCT có đường kính Ø300mm.

❖ Nước thải sản xuất:

Toàn bộ lượng nước thải sản xuất phát sinh từ nhà máy đơn vị thứ cấp thuê nhà xưởng sẽ được thu gom bằng các đường ống dẫn trong từng xưởng do các nhà đầu tư thứ cấp tự đầu tư sau đó nhập chung với nước thải sinh hoạt sau khi đã xử lý sơ bộ và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm nhà xưởng cho thuê.

Dự án chỉ cho những doanh nghiệp thuê nhà xưởng đầu tư với những ngành nghề ít ô nhiễm, ít phát sinh nước thải sản xuất, đồng thời nồng độ ô nhiễm trong nước thải sản xuất ở mức thấp: nồng độ COD dao động 201-581 mgO₂/L; nồng độ BOD₅ dao động 95-359 mgO₂/L; SS dao động 63-97 mg/L; NH₃-N dao động 8,8-12,2 mg/L; tổng nito 44-64 mg/L; tổng photpho 18-24 mg/L; sunfua 2,6-3,6 mg/L; tổng dầu khoáng dao động 12,3-18,2 mg/L, coliform dao động 5.500-6.700 MPN/100 mL. Do nồng độ ô nhiễm trong nước thải sản xuất từ các doanh nghiệp thuê nhà xưởng ở mức thấp nên Công ty TNHH Hoàng Hùng không đưa ra quy định về quy chuẩn tiếp nhận về đầu nối nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thuê xưởng.

Vì vậy, toàn bộ nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phát sinh từ các doanh nghiệp thuê nhà xưởng sẽ đầu nối trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 1.600 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH Hoàng Hùng để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q = 0,9, K_f = 1), sau đó sẽ theo cống dẫn BTCT D=1.000mm dài khoảng 25m dẫn ra suối Đồng Cò rồi chảy vào suối Bến Ván.

Điểm xả nước thải: nước thải sẽ được thu gom và xả ra suối Đồng Cò tại 01 điểm tách riêng biệt với cống thoát nước mưa. Điểm đầu nối nước thải nằm ở dưới so với vị trí đầu nối nước mưa, thuộc thượng lưu của suối Bến Ván.



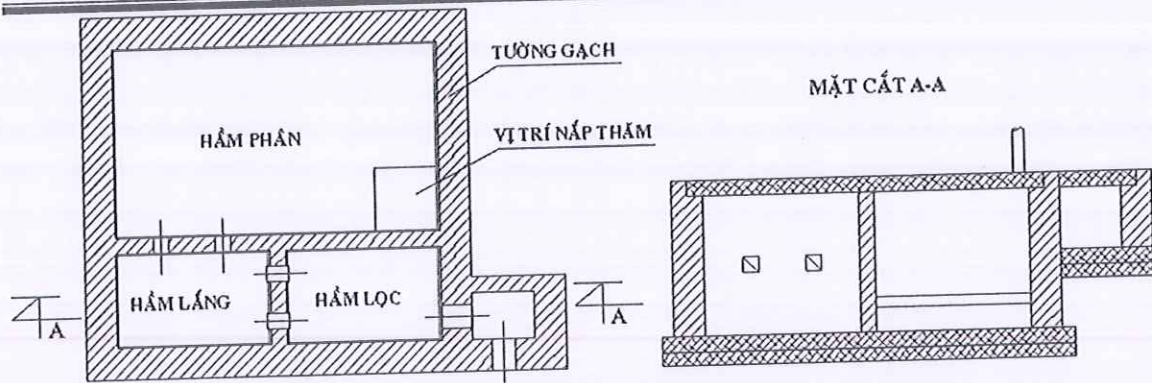
Hình 3. 3. Sơ đồ minh họa đường nước thải tại Cơ sở

3.1.3. Xử lý nước thải

3.1.3.1. Công trình xử lý nước thải

❖ Nước thải sinh hoạt

Nước thải từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay chân, khu vệ sinh cá nhân của các nhà máy thứ cấp trong Cụm nhà xưởng cho thuê sẽ được tiên xử lý bằng bể tự hoại tại mỗi nhà xưởng và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm nhà xưởng cho thuê. Cấu tạo của bể tự hoại được trình bày như trong hình sau:



Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ bể tự hoại 3 ngăn

Hoạt động của bể tự hoại:

+ Bể tự hoại có hai chức năng chính là lắng cặn và phân hủy cặn lắng. Thời gian lưu nước trong bể từ 1- 3 ngày thì có khoảng 90% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH₄, CO₂, H₂S, ... Cặn trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.

+ Phần cặn được lưu lại phân huỷ kỵ khí trong bể, phần nước được dẫn vào trạm xử lý nước thải cục bộ của nhà máy. Ngoài ra, một số biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

+Tránh không để rơi vãi dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng, ... xuống bể tự hoại. Các chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại. Biện pháp này sẽ giúp giảm bớt nồng độ các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng trong nước thải.

+ Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê xe hút chuyên dùng (loại xe hút hầm cầu), đây là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

+ Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể có dung tích $\frac{1}{2}$ dung tích bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải.

+ Nhờ các vách ngăn hướng dòng, ở ngăn lắng tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá, đồng thời cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm).

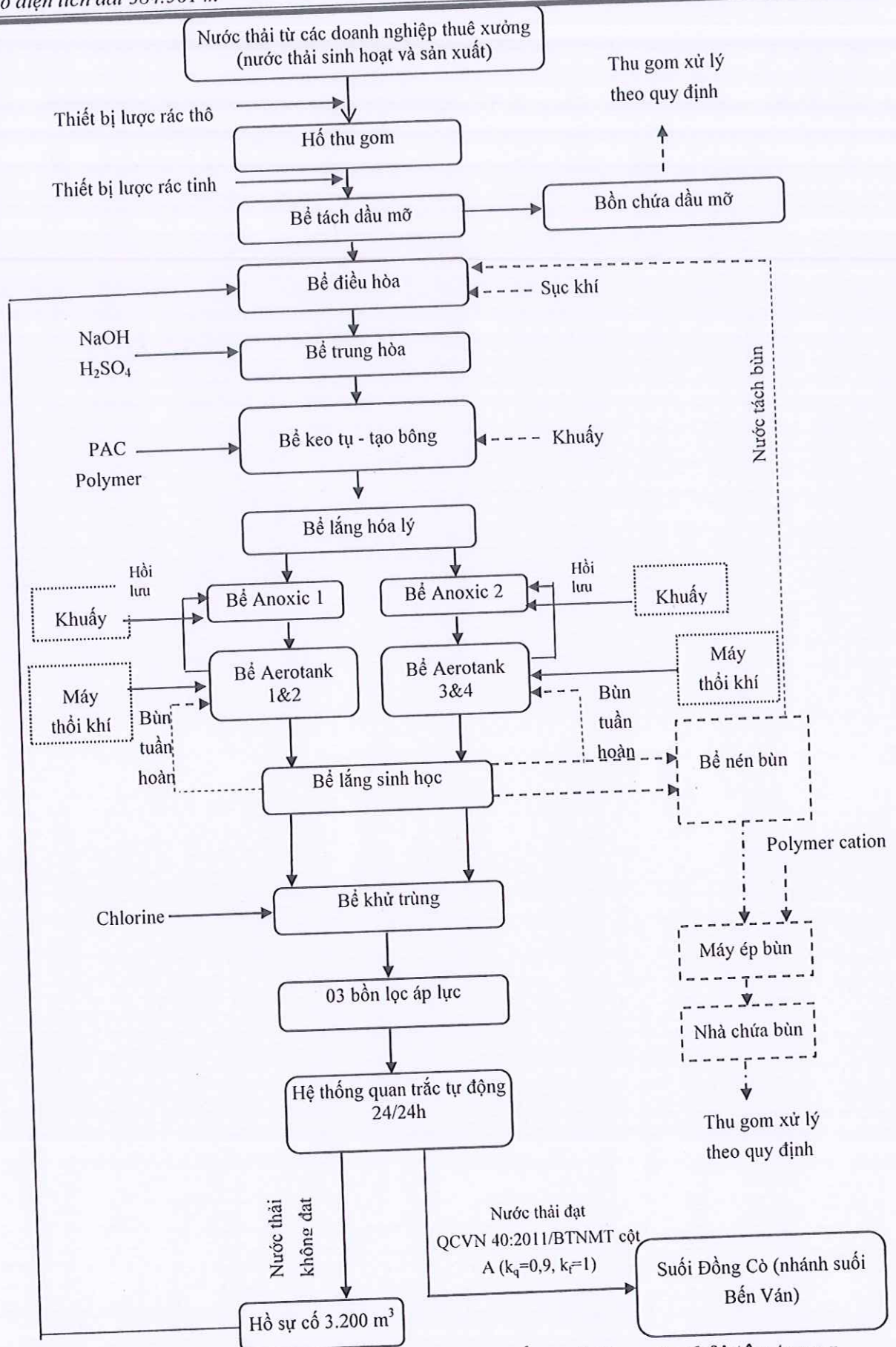
+ Ngăn lọc (ngăn thứ 3) của bể tự hoại hoạt động theo nguyên lý lọc ngược từ dưới lên. Cuối cùng là ngăn chứa nước thải sau xử lý.

Hiện tại chủ cơ sở đã xây dựng 19 bể tự hoại (gồm 18 bể tự hoại của 18 nhà xưởng và 1 bể tự hoại của khu vực công cộng) với thể tích của mỗi bể là 45 m³/bể để đảm bảo nước thải sinh hoạt xử lý đạt yêu cầu cần thiết. Hệ thống ống thoát nước thải từ khu nhà vệ sinh xuống bể tự hoại làm bằng ống BTCT chịu áp lực. Sau khi qua hệ thống các bể tự hoại, nước thải sẽ theo đường ống BTCT có đường kính Ø300mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để xử lý đạt QCVN 40: 2011/BTNMT, Cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1$ trước khi xả ra ngoài.

❖ Nước thải sản xuất:

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom dẫn về HTXL nước thải của cơ sở có công suất 1.600 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1$) trước khi thải nhánh suối Bến Ván tại phía Tây dự án.

Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải của cơ sở công suất 1.600 m³/ngày.đêm như sau:



Hình 3. 5. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung

❖ Thuyết minh quy trình xử lý:

Nước thải sản xuất từ các nhà máy thành viên trong Cụm nhà xưởng cho thuê, nước thải vệ sinh (sau bể tự hoại) từ các nhà máy, nước thải từ nhà ăn, nước thải từ trung tâm dịch vụ và công trình công cộng được thu gom chung và đầu nối trực tiếp dẫn về trạm XLNT tập trung để xử lý.

Trước khi vào hố thu gom, nước thải sẽ qua song chắn rác thô để tách bỏ rác với kích thước lớn hơn 10 mm để tách các chất rắn có kích thước lớn hơn 10 mm trước khi vào hố thu giúp tránh được tình trạng tắc bơm, đường ống.

Nước thải sau đó sẽ được tập trung vào hố thu trước khi bơm qua thiết bị lọc rác tinh.

Thiết bị tách rác tinh được lắp đặt nhằm loại bỏ các loại rác thô có kích thước nhỏ, thiết bị có thể tách 70-95% lượng rác có kích thước $\geq 2\text{mm}$.

Bể tách dầu mỡ

Dầu mỡ có trong nước thải là nguyên nhân gây giảm hiệu quả xử lý của công đoạn xử lý sinh học do tác động bao phủ trên bề mặt chất ô nhiễm, ngăn sự tiếp xúc giữa vi sinh vật và chất ô nhiễm. Bể tách dầu được thiết kế nhằm loại bỏ dầu mỡ ra khỏi nước thải, dầu mỡ có tỷ trọng thấp hơn nước sẽ nổi lên bề mặt và được thu gom bằng thiết bị vớt văng nổi cho vào thùng chứa và được thải bỏ định kỳ. Ngoài ra phần văng dầu còn sót lại sau khi qua bể tách văng nổi sẽ được tiếp tục loại bỏ tại bể lắng sơ cấp phía sau. Nước thải sau khi tách dầu mỡ sẽ tự chảy vào bể điều hòa.

Bể điều hòa

Bể điều hoà có chức năng điều hoà lưu lượng và nồng độ, là phương pháp được áp dụng để khắc phục các vấn đề sinh ra do sự dao động của lưu lượng và nồng độ, cải thiện hiệu quả hoạt động của các quá trình tiếp theo, giảm kích thước và vốn đầu tư xây dựng.

Nước thải từ bể điều hoà được bơm lên bể trung hòa.

Cụm bể keo tụ - tạo bông

+ Quá trình điều chỉnh pH

Tại bể trung hòa, độ pH của nước thải được hiệu chỉnh phù hợp cho công trình xử lý tiếp theo bằng cách châm vào nước thải các hoá chất hiệu chỉnh pH như acid hoặc xút. Để quá trình phản ứng diễn ra hoàn toàn, bể trung hòa được lắp đặt bộ cánh khuấy để khuấy trộn hoàn toàn nước thải với hóa chất hiệu chỉnh pH.

+ Quá trình keo tụ

Nước thải sau khi hiệu chỉnh pH chảy tràn qua bể keo tụ. Bể keo tụ là nơi diễn ra quá trình tiếp xúc, phản ứng giữa hóa chất keo tụ với nước thải. Tương tự như bể hiệu chỉnh pH, bể keo tụ cũng được lắp đặt thiết bị khuấy trộn nhằm tăng hiệu quả cho phản ứng keo tụ.

Tại công đoạn này nước thải được hòa trộn với hóa chất keo tụ được châm từ bồn chứa hóa chất thông qua bơm định lượng. Chất keo tụ (PAC) giúp làm mất ổn định các hạt cặn có tính “keo” và kích thích chúng kết lại với các cặn lơ lửng khác để tạo thành các hạt có kích thước lớn hơn. Các hạt keo sau khi đã được nén điện tích sẽ có xu hướng liên kết với nhau tạo nên khối lượng lớn hơn và lắng xuống. Đó là mục tiêu cần hướng đến của quá trình xử lý hóa lý. Khi có các tác nhân xúc tác là hóa chất keo tụ và phản ứng trong môi trường pH tối ưu, các phản ứng dễ dàng được diễn ra trong thời gian rất nhanh. Motor khuấy với tốc độ phù hợp cũng là một yếu tố quyết định đến hiệu quả của quá trình.

+ Quá trình tạo bông

Nước thải từ bể keo tụ được tiếp tục dẫn qua bể tạo bông. Tương tự như bể keo tụ, tại bể tạo bông, polymer anion (-) sẽ được châm vào để kích thích quá trình tạo thành các bông cặn lớn hơn. Polymer này có tác dụng hình thành các “cầu nối” liên kết các bông cặn lại với nhau tạo thành các bông cặn có kích thước lớn hơn nhằm nâng cao hiệu quả của bể lắng phía sau. Nước thải từ bể tạo bông sẽ được dẫn qua bể lắng hóa lý nhằm tách các bông cặn ra khỏi nước thải.

Cơ chế tạo bông: Cơ chế tạo cầu nối như sau.

Phản ứng 1: Hấp phụ ban đầu ở liều lượng polyme tối ưu. Phân tử polyme dính vào hạt keo.

Phản ứng 2: Hình thành bông cặn. Đuôi polymer đã hấp phụ có thể duỗi ra và gắn kết với vị trí trống trên bề mặt hạt keo khác → hình thành bông cặn.

Phản ứng 3: Hấp phụ lần hai của polyme. Nếu đoạn cuối duỗi ra và không tiếp xúc với vị trí trống trên hạt khác → gấp lại và tiếp xúc với mặt khác của chính hạt đó → ổn định lại.

Phản ứng 4: Khi liều lượng polyme dư. Nếu polyme thêm vào dư nhiều, bề mặt hạt bão hòa các đoạn polyme → không có vị trí trống để hình thành cầu nối → hạt keo ổn định trở lại.

Phản ứng 5: Vỡ bông cặn, vỡ vụn bông cặn khi xáo trộn nhiều.

Trong toàn bộ quá trình (5 phản ứng trên). Cơ chế chính là: Hấp phụ và tạo cầu nối. Cơ chế phụ: Trung hòa điện tích.

+ Bể lắng hóa lý 1: Bể được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể và được gom vào tâm nhờ hệ thống gom bùn lắp đặt dưới đáy bể. Bùn sau khi lắng được đưa về bể chứa bùn hoá lý. Phần nước trong sau lắng được thu lại bằng hệ máng thu nước răng cưa được bố trí trên bề mặt bể và tiếp tục được dẫn sang bể sinh học anoxic.

Bể anoxic (02 cụm bể)

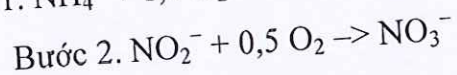
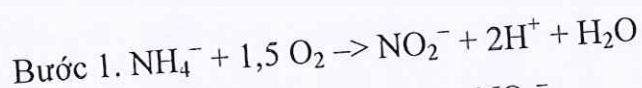
Bể anoxic có tác dụng loại bỏ nitơ trong nước thải dưới rác dụng của vi sinh vật thiếu khí. Tại đây nitrat trong nước thải được chuyển hóa thành nitơ không khí và thoát ra ngoài.

Bể anoxic là bể quan trọng trong quá trình xử lý nitơ trong nước thải bằng phương pháp sinh học. Công nghệ khử nitơ trong nước thải bằng phương pháp sinh học phổ biến nhất hiện nay là: Nitrat hóa và khử Nitrat, diễn biến của quá trình này như sau:

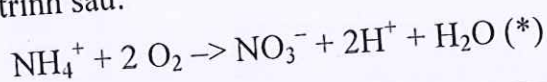
Nitrat hóa

Nitrat hoá là một quá trình tự dưỡng (năng lượng cho sự phát triển của vi khuẩn được lấy từ các hợp chất ôxy hoá của Nitơ, chủ yếu là Amoni. Ngược với các vi sinh vật dị dưỡng các vi khuẩn nitrat hoá sử dụng CO₂(dạng vô cơ) hơn là các nguồn các bon hữu cơ để tổng hợp sinh khối mới. Sinh khối của các vi khuẩn nitrat hoá tạo thành trên một đơn vị của quá trình trao đổi chất nhỏ hơn nhiều lần so với sinh khối tạo thành của quá trình dị dưỡng.

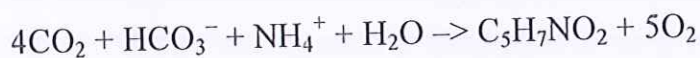
Quá trình Nitrat hoá từ Nitơ Amoni được chia làm hai bước và có liên quan tới hai loại vi sinh vật, đó là vi khuẩn Nitrosomonas và Vi khuẩn Nitrobacter. Ở giai đoạn đầu tiên amôni được chuyển thành nitrit và ở bước thứ hai nitrit được chuyển thành nitrat:



Các vi khuẩn Nitrosomonas và vi khuẩn Nitrobacter sử dụng năng lượng lấy từ các phản ứng trên để tự duy trì hoạt động sống và tổng hợp sinh khối. Có thể tổng hợp quá trình bằng phương trình sau:



Cùng với quá trình thu năng lượng, một số ion amoni được đồng hoá vận chuyển vào trong các mô tế bào. Quá trình tổng hợp sinh khối có thể biểu diễn bằng phương trình sau:



Sau khi qua bể anoxic, nước thải tiếp tục được chuyển sang bể sinh học hiếu khí bùn hoạt tính, tại đây các tạp chất hữu cơ hòa tan và không hòa tan còn lại sau quá trình xử lý sinh học kỵ khí tiếp tục được xử lý và chuyển hóa thành bông bùn sinh học.

Bể Aerotank (04 cụm bể)

Bể Aerotank có nhiệm vụ xử lý các chất hữu cơ còn lại trong nước thải. Trong bể Aerotank diễn ra quá trình oxi hóa các chất hữu cơ hòa tan và dạng keo trong nước thải dưới sự tham gia của vi sinh vật hiếu khí. Trong bể Aerotank có hệ thống sục khí trên khắp diện tích bể nhằm cung cấp oxy, tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật hiếu khí sống, phát triển và phân giải các chất ô nhiễm. Vi sinh vật hiếu khí sẽ tiêu thụ các chất hữu cơ dạng keo và hòa tan có trong nước để sinh trưởng. Vi sinh vật phát triển thành quần thể dạng bông bùn dễ lắng gọi là bùn hoạt tính. Khi vi sinh vật phát triển mạnh, sinh khối tăng tạo thành bùn hoạt tính. Hàm lượng bùn hoạt tính nên duy trì ở nồng độ khoảng 2500 - 4000 mg/l; do đó, một phần bùn lắng tại bể lắng sẽ được bơm tuần hoàn trở lại vào bể Aerotank để đảm bảo nồng độ bùn nhất định trong bể.

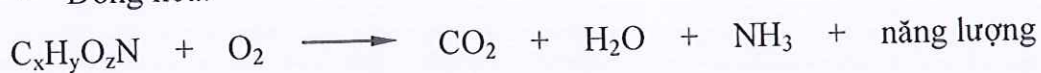
Tại đây, nước thải được phân hủy hiếu khí. Bùn hoạt tính lơ lửng cùng với hệ thống thổi khí oxy được phân phối đồng đều làm tăng khả năng xáo trộn và tiếp xúc giữa bùn, nước thải và oxy. Nhờ vậy, hiệu quả xử lý cao hơn.

Để đảm bảo hiệu quả của quá trình xử lý. Nồng độ oxy hòa tan của nước thải trong bể sinh học cần được luôn luôn duy trì ở giá trị lớn hơn 2 mg/l bằng các đĩa phân phối khí tinh được bố trí đều dưới đáy bể, với các bọt khí li ti sẽ đem Oxy đi đến toàn bộ thể tích bể. Vi sinh vật hiếu khí sẽ chuyển hóa chất hữu cơ thành biomass, CO₂, H₂O và các dạng vật chất khác.

Một phần bùn hoạt tính trong bể lắng được tuần hoàn trở lại bể Sục khí nhằm duy trì nồng độ bùn cần thiết trong bể sinh học hiếu khí nên hiệu quả xử lý không bị giảm.

Quá trình phân hủy chất hữu cơ trong bể sinh học hiếu khí diễn ra như sau:

- Đồng hóa:



- Dị hóa:

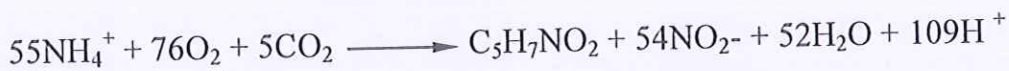


- Tự phân hủy:



Quá trình phân hủy Nitơ trong bể sinh học hiếu khí diễn ra như sau:

Nitrosomonas



Nitrobacter



Quá trình phân hủy lưu huỳnh trong bể sinh học hiếu khí diễn ra như sau:



Nước sau khi ra khỏi bể Arotank sẽ tự chảy theo sự chênh lệch áp sang bể lắng để tiếp tục quá trình xử lý.

Bể lắng sinh học

Bằng cơ chế của quá trình lắng trọng lực, bể lắng có nhiệm vụ tách cặn vi sinh từ bể xử lý sinh học hiếu khí lơ lửng dính bám mang sang. Nước thải ra khỏi thiết bị lắng có hàm lượng cặn (SS) giảm đến 60%. Bùn lắng ở đáy ngăn sẽ được bơm bùn bơm tuần hoàn về bể xử lý sinh học hiếu khí để bổ sung lượng bùn theo nước đi qua ngăn lắng.

Nước sau xử lý sinh học được dẫn vào ống trung tâm của bể lắng 2, ống trung được thiết kế sao cho vận tốc của nước đi từ dưới lên là chậm nhất nhằm tránh hiện tượng xáo trộn bùn tại rốn bể.

Bể lắng sinh học được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy bể và được gom vào tâm nhờ hệ thống gom bùn lắp đặt dưới đáy bể. Bùn sau khi lắng có hàm lượng SS = 8.000 mg/L, một phần sẽ tuần hoàn trở lại bể sinh học (25-75% lưu lượng) để giữ ổn định mật độ cao vi khuẩn tạo điều kiện phân hủy nhanh chất hữu cơ, đồng thời ổn định nồng độ MLSS = 3.000 mg/L. Độ ẩm bùn dao động trong khoảng 98,5 – 99,5%.

Do bùn sinh học khó lắng hơn bùn hoá lý nên bể lắng bùn sinh học sẽ có kích thước lớn hơn so với bể lắng bùn hóa lý. Hệ thống gạt bùn hoạt động quay quanh bể nhờ motor giảm tốc, bùn sinh học lắng dưới đáy bể sẽ tập trung tại rốn bể sẽ được thu gom và bơm tuần hoàn bùn về bể Arotank, lượng bùn dư sẽ được bơm đến bể nén bùn,

nước thải trên bề mặt bể được thu gom bởi máng chảy tràn và sẽ tự chảy sang bể khử trùng.

Bể khử trùng và bồn lọc áp lực

Nước thải sau xử lý còn chứa nhiều vi khuẩn và hầu hết các loại vi khuẩn trong nước thải sau xử lý không phải là vi khuẩn gây bệnh nhưng không loại trừ khả năng tồn tại một số loại vi khuẩn gây bệnh nào đó. Vì vậy, trước khi xả ra môi trường, nước thải từ bể lắng hóa lý 2 sẽ tự chảy vào bể khử trùng. Chlorine, hoá chất khử trùng thông dụng trong xử lý nước được đề xuất để tiêu diệt các loại vi khuẩn trong dòng nước ra. Quá trình khử trùng nước xảy ra qua 2 giai đoạn: đầu tiên chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến vi sinh vật bị tiêu diệt.

Nước từ bể khử trùng sau đó được bơm trực ngang bơm vào 03 bồn lọc áp lực (02 bồn lọc cát, sỏi; 01 bồn lọc than). Bồn lọc có tác dụng giữ lại các cặn còn sót lại sau bể lắng. Nước thải ban đầu vào 02 bồn lọc sỏi, cát thạch anh rồi đến 01 bồn lọc than hoạt tính.

Hệ thống quan trắc nước thải tự động

Sau bể khử trùng có lắp đặt hệ thống camera giám sát tại điểm đầu nổi nước thải và trạm quan trắc nước thải liên tục tự động 24/24 giờ tại Công ty đồng thời kết nối về Trạm trung tâm đặt tại Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương nhằm kiểm soát liên tục hiện trạng nước thải trước khi thải ra suối Bến Ván. Các thông số giám sát tự động bao gồm: Nhiệt độ, pH, COD, TSS, lưu lượng, độ màu, amoni.

Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1$) sẽ được xả ra suối Đồng Cò rồi chảy ra suối Bến Ván.

Xử lý bùn

Quá trình xử lý sinh học sẽ làm gia tăng liên tục lượng bùn vi sinh trong bể sinh học. Đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng phát triển sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải và chết đi. Lượng bùn này còn gọi là bùn dư và được đưa về bể nén bùn.

Ngoài lượng bùn vi sinh phát sinh trong quá trình xử lý sinh học, quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp keo tụ cũng phát sinh một lượng bùn đáng kể. (còn gọi là

bùn hóa lý). Lượng bùn này được thu gom và đưa về bể nén bùn để đưa qua máy ép bùn trước khi vận chuyển đi xử lý.

Tại bể nén bùn, sau một thời gian nén ổn định để gia tăng nồng độ và cô đặc, bùn sẽ được đưa vào máy ép bùn. Máy ép bùn khung bản được vận hành dạng mẻ, sử dụng sự khác biệt về áp suất để tách nước trong hỗn hợp bùn. Ưu điểm của máy ép bùn khung bản là sinh ra bánh bùn khô hơn so với những loại máy ép bùn khác. Máy ép bùn khung bản có chi phí vận hành thấp, ít tiêu tốn điện năng. Chi phí bảo dưỡng, thay thế linh kiện thấp vì sản phẩm sẵn có, phổ biến.

Phần nước tách pha từ máy ép bùn sẽ chảy về bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Phần bùn sau ép được lưu trữ tại nhà chứa bùn với diện tích 100m² sau đó định kỳ sẽ được xe thu gom vận chuyển định kỳ 01 lần/tuần đến nơi xử lý theo quy định.

Hồ sự cố 3.200m³

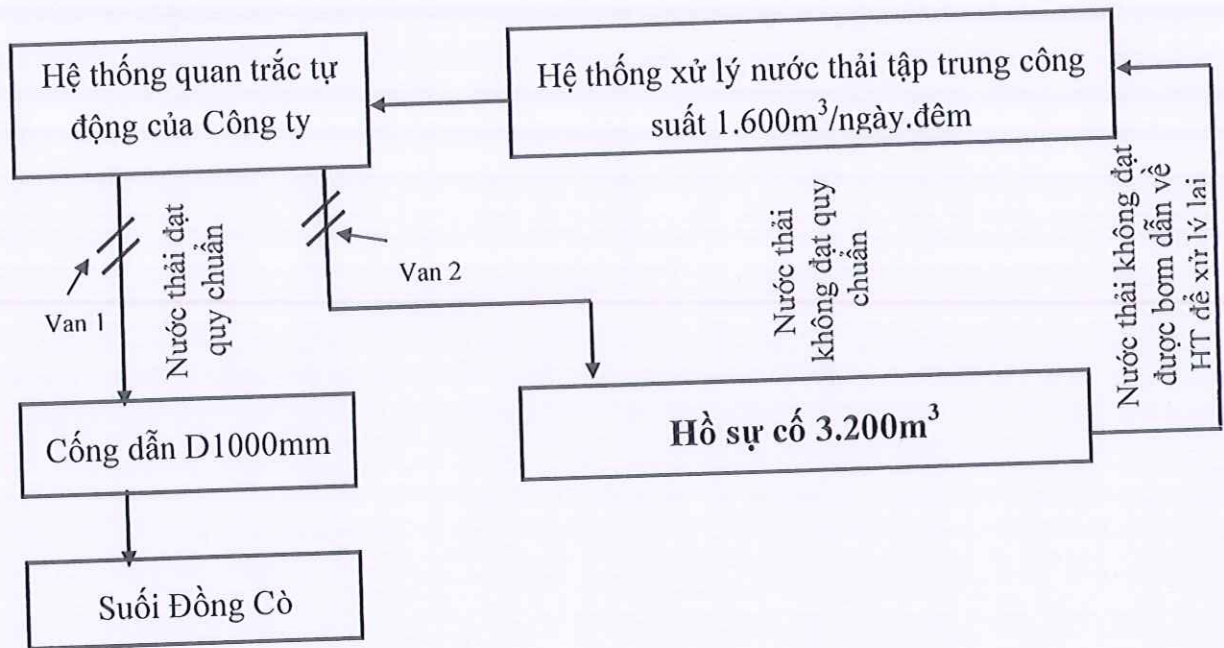
- Phương án sử dụng hồ ứng phó sự cố

Trong trường hợp có sự cố, nước thải sau khi qua bể khử trùng không đáp ứng được tiêu chuẩn xả thải sẽ được đưa vào hồ sự cố. Từ đây, nước thải sẽ được đưa quay ngược trở lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Căn cứ mục số 19 về bổ sung khoản 6b của Điều 37 trong nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, trường hợp nước thải theo thiết kế từ 500 m³/ngày (24giờ) đến dưới 5.000 m³/ngày (24 giờ) phải có công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố nước thải là hồ sự cố có khả năng lưu chứa nước thải tối thiểu là 02 ngày. Do đó 02 hồ sự cố của Công ty được thiết kế có thể tích 3.200m³ đảm bảo thời gian lưu nước thải tối đa là 02 ngày (48 giờ) trong trường hợp hệ thống gặp sự cố.

Hồ sự cố luôn không chứa nước khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường. Hồ sự cố chỉ được sử dụng khi hệ thống gặp sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q= 0,9, K_f=1). Khi nước thải không đạt tiêu chuẩn theo quy định thì đường ống xả nước thải từ bồn lọc áp lực dẫn vào hồ sự cố của Công ty sẽ được mở tự động để tiếp nhận lượng nước thải này nhằm đưa nước thải quay lại bể điều hòa sau đó xử lý tiếp, đảm bảo nước thải đạt Quy chuẩn trước khi xả thải ra ngoài.

- Quy trình vận hành hồ sự cố



Hình 3. 6. Quy trình vận hành hồ sự cố của Công ty

Ghi chú :

- + Van số 1 luôn mở khi hệ thống XLNT tập trung hoạt động bình thường và sẽ được đóng lại khi hệ thống gặp sự cố.
- + Van số 2 luôn luôn đóng trong điều kiện hệ thống XLNT tập trung hoạt động bình thường. Van số 2 chỉ mở trong trường hợp nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn được bơm dẫn vào hồ sự cố, đồng thời van số 1 được đóng lại.
- Phương án bảo trì hồ sự cố.

Hồ sự cố của Công ty được xây dựng bằng bê tông cốt thép với độ dày thành bể, đáy là $\geq 25\text{cm}$ và được xây dựng tại vị trí kế bên hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm nhà xưởng cho thuê. Định kỳ 06 tháng/lần hồ sự cố sẽ được kiểm tra, bảo trì, chống thấm. Kỹ thuật chống thấm khi xây dựng hồ sự cố là dùng phụ gia chống thấm dạng dung dịch (dung dịch sika) trộn vào vữa xi măng cát vàng rồi trát một lớp dày 3cm, sau đó quét một lớp hồ dầu (xi măng + dung dịch sika + nước) trong lòng thành và đáy hồ để tăng hiệu quả chống thấm. Dung dịch sika là một loại nhũ tương Styrene Butadien được trộn với xi măng hoặc xi măng cát nhằm tăng tính kết dính và khả năng chống thấm.

❖ Nhu cầu sử dụng hóa chất

Danh mục các loại hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3. 3. Nhu cầu sử dụng hóa chất cho hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở

STT	Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất	Đơn vị	Khối lượng	Nước cung cấp
1	NaOH xử lý nước thải	Tấn/năm	10	Việt Nam
2	H ₂ SO ₄ xử lý nước thải	Tấn/năm	8	Việt Nam
3	PAC xử lý nước thải	Tấn/năm	72	Việt Nam
4	Polymer xử lý nước thải	Tấn/năm	30	Việt Nam
5	Cát, sỏi xử lý nước thải	Tấn/năm	5	Việt Nam
6	Than hoạt tính xử lý nước thải	Tấn/năm	6	Việt Nam
7	Phân bón cho cây xanh	Tấn/năm	3	Việt Nam
Tổng cộng		Tấn/năm	134	-

❖ **Định mức tiêu hao điện năng**

- Nguồn cung cấp điện: Khu vực quy hoạch được cấp điện từ tuyến dây hiện hữu 22kV nằm trên đường Lai Uyên 84 hiện hữu phía Đông của dự án.

Định mức tiêu hao điện năng cho HTXL nước thải công suất 1.600m³/ngày.đêm khoảng 108.000 kWh/tháng.

❖ **Máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải**

Bảng 3. 4. Danh mục công trình xử lý trong HTXL nước thải của Cơ sở

TT	Tên bể	Dài (m)	Rộng (m)	Cao xây dựng (m)	Cao hữu ích (m)	Thể tích hữu ích (m ³)	Thời gian lưu (giờ)	Tổng thể tích (m ³)
01	Bể thu gom - TK01	9	3,5	5	4,5	141,7	2,1	157,5
02	Bể tách mỡ - TK02A	9	2,5	5	2,5	56,25	1,5	112,5
03	Bể chứa mỡ - TK02B	9	2,3	5	4,5	93,15	1,38	103,5
04	Bể điều hoà - TK03	19,3	9	5	4,5	781,6	11,58	868,5
05	Bể trung hoà - TK04A	2	2	5	4,5	18	0,27	20
06	Bể keo tụ- TK04B	2	2	5	4,5	18	0,27	20
07	Bể tạo bông - TK04C	2,4	2	5	4,5	21,6	0,32	24
08	Bể lắng hoá lý - TK05A	9	9	5	4,5	364,5	5,4	405
09	Bể thu bùn lắng hoá lý - TK05B	2	2	5	4,5	18	0,27	20
10	Bể anoxic – TK06A	6,8	5,6	5	4,5	171,4	2,5	190,4
11	Bể anoxic– TK06B	6,8	5,6	5	4,5	171,4	2,5	190,4
12	Bể hiếu khí – TK07A1	10,2	6,8	5	4,5	312,1	9,248	346,8
13	Bể hiếu khí – TK07A2	10,2	6,8	5	4,5	312,1		346,8
14	Bể hiếu khí – TK07B1	10,2	6,8	5	4,5	312,1	9,248	346,8
15	Bể hiếu khí – TK07B2	10,2	6,8	5	4,5	312,1		346,8
16	Bể lắng sinh học – TK08A	6,8	6,8	5	4,5	208,1	3,08	231,2
17	Bể thu bùn lắng sinh học – TK08A2	2	2	5	4,5	18	0,27	20
18	Bể khử trùng – TK12	4,4	2	5	4,5	39,6	0,58	44
19	Bể nén bùn – TK13	4,4	2	5	4,5	39,6	0,58	44
20	03 bồn lọc áp lực 4m ³ /bồn	-	-	-	-	-	-	12
21	Nhà chứa bùn	16,6	6	5	-	-	-	-
22	Nhà điều hành	10	6	5	-	-	-	-
23	Hồ sơ cố	30	25	5	4,5	3.375	24	3.200

(Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hùng)

Bảng 3. 5. Danh mục máy móc thiết bị trong HTXL nước thải của Cơ sở

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NGUỒN GỐC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	TÌNH TRẠNG
HỒ THU						
1	Bơm nước thải	- Q = 45 m ³ /h, H = 10m - Loại: bơm chìm	EU/G7	Bộ	3	Mới 100%
2	Máy lược rác thô	- Dạng tự động Khe: 10mm Vật liệu: SS 304	VN	Bộ	1	Mới 100%
3	Thiết bị đo mức nước	- Dạng: phao - Chiều dài cáp: 0 - 5m	EU/G7	Bộ	2	Mới 100%
4	Đồng hồ lưu lượng	Kiểu điện từ Thân gang, nổi bích	EU/G7	Bộ	1	Mới 100%
5	Máy lược rác tinh	- Dạng tự động Khe: 2mm Vật liệu: SS 304	VN	Bộ	2	Mới 100%
BỂ TÁCH MỖ						
1	Hệ gạt dầu	Motor gạt dầu Công suất: 0,75kW/380V Xích gạt dầu: SS304	VN	Bộ	1	Mới 100%
BỂ ĐIỀU HÒA						
1	Bơm nước thải	- Q = 26 m ³ /h, H = 10m - Loại: bơm chìm	EU/G7	Bộ	4	Mới 100%
2	Thiết bị đo mức nước	- Dạng: phao - Chiều dài cáp: 0 - 5m - Nguồn điện: 10A / 250V - Vật liệu vỏ ABS	EU/G7	Bộ	1	Mới 100%
3	Máy thổi khí	- Kiểu: Root - Q = 5.5m ³ /phút, H = 5,5m - Phụ kiện kèm theo: giảm âm đầu hút với bộ lọc khí, giảm âm đầu thổi.	EU/G7	Bộ	2	Mới 100%
4	Hệ thống phân phối khí	- Kiểu: đĩa thô - Lưu lượng: 2-25m ³ /h	EU/G7	HT	1	Mới 100%
BỂ TRUNG HOÀ -KEO TỤ						
1	Motor khuấy trộn (Vị trí lắp đặt: trên bể)	- Motor giảm tốc: 2.2 kW/3P/380V - Dạng: mặt bích	EU/G7	Bộ	2	Mới 100%

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NGUỒN GỐC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	TÌNH TRẠNG
2	Cánh khuấy trộn hóa chất (đặt trên bể)	- Vật liệu: SUS 304 - Phụ kiện: SUS 304	VN	Bộ	2	Mới 100%
3	Motor khuấy trộn hóa chất (Vị trí lắp đặt: bồn hóa chất)	- Motor 0.75 kW/3P/380V - Dạng mặt bích - Cánh khuấy inox	EU/G7	Bộ	3	Mới 100%
4	pH controller	Thang đo: 0-14 Độ chính xác: $\pm 0,02$ pH Nguồn: 220V, 50Hz	EU/G7	Bộ	1	Mới 100%
BỂ TẠO BÔNG						
1	Motor khuấy trộn tạo bông đặt trên bể	- Motor : 0.75 kW/3P/380V, 20 -30 vòng/phút	EU/G7	Bộ	1	Mới 100%
2	Cánh khuấy cho bể tạo bông	- Vật liệu: SUS 304 - Phụ kiện: SUS 304	VN	Bộ	1	Mới 100%
3	Bơm định lượng hoá chất	- Qmax = 150l/h, 5bar - 200W/3P/380V/50Hz - Bơm màng - Vật liệu màng: teflon	EU/G7	Bộ	2	Mới 100%
4	Bồn hoá chất	- Bồn nhựa đứng - Vật liệu: Nhựa PE - Thể tích: 2m ³	VN	Bồn	2	Mới 100%
5	Motor khuấy trộn hóa chất (Vị trí lắp đặt: bồn hóa chất)	- Motor 0.75 kW/3P/380V - Dạng mặt bích - Cánh khuấy inox SUS 304	EU/G7	Bộ	2	Mới 100%
BỂ LẮNG HÓA LÝ						
1	Bơm bùn loãng	- Dạng bơm chìm - Q = 35 m ³ /h, H = 8m	EU/G7	Bộ	2	Mới 100%
2	Moto gạt bùn	- Motor + hộp số: 0.37 kW/3P/380V	EU/G7	Bộ	1	Mới 100%
3	Ống trung tâm	- SUS 304 dày: 1-2mm	VN	Bộ	1	Mới 100%
4	Hệ thống máng răng cưa thu nước, và máng chắn văng nổi	- SUS 304 dày 1-2mm	VN	Bộ	1	Mới 100%
5	Dàn gạt bùn	- Trục. Thanh gạt, xích, SUS 304 Cao su gạt bùn	VN	Bộ	1	Mới 100%

Công ty TNHH Hoàng Hùng
 Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường - Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng
 số diện tích đất 384.561 m²

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NGUỒN GỐC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	TÌNH TRẠNG
BỂ ANOXIC TK06A						
1	Máy khuấy chìm	- Kiểu: Mixer khuấy chìm - Điện áp: 2,3kWx380V/50Hz	EU/G7	Bộ	2	Mới 100%
2	Bơm định lượng hoá chất	- Qmax = 150l/h, 5bar - 200W/3P/380V/50Hz - Bơm màng - Vật liệu màng: teflon	EU/G7	Bộ	2	Mới 100%
3	Bồn hoá chất	- Bồn nhựa đứng - Vật liệu: Nhựa PE - Thể tích: 2m ³	VN	Bồn	2	Mới 100%
BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ (BỂ TK07A1 & BỂ TK07A2)						
1	Máy thổi khí	- Kiểu: Root - Q = 11m ³ /phút, H = 6m - Phụ kiện kèm theo: giảm âm đầu hút với bộ lọc khí, giảm âm đầu thổi, van an toàn, van 1 chiều, khớp nối mềm, khung đế, pully, dây curoa, đồng hồ áp suất	EU/G7	Bộ	8	Mới 100%
2	Hệ thống phân phối khí	- Kiểu: đĩa, loại: bọt mịn	EU/G7	HT	3	Mới 100%
3	Bơm bùn loãng	- Dạng bơm chìm - Q = 60 m ³ /h, H = 8m	EU/G7	Bộ	4	Mới 100%
BỂ LẮNG SINH HỌC						
1	Bơm bùn loãng	- Dạng bơm chìm - Q = 45 m ³ /h, H = 8m	EU/G7	Bộ	1	Mới 100%
2	Moto gạt bùn	- Motor + hộp số: 0.37 kW/3P/380V	EU/G7	Bộ	1	Mới 100%
3	Ống trung tâm	- SUS 304 dày: 1-2mm	VN	Bộ	1	Mới 100%
	Hệ thống máng răng cưa thu nước, và máng chắn văng nổi	- SUS 304 dày 1-2mm	VN	Bộ	1	Mới 100%
	Dàn gạt bùn	- Trục. Thanh gạt, xích, SUS 304 Cao su gạt bùn	VN	Bộ	1	Mới 100%
BỂ KHỬ TRÙNG VÀ 03 BỒN LỌC						

Công ty TNHH Hoàng Hùng
 Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường - Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng
 số diện tích đất 384.561 m²

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NGUỒN GỐC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	TÌNH TRẠNG
1	Bơm định lượng hoá chất	- Qmax = 150l/h, 5bar - 200W/3P/380V/50Hz - Bơm màng - Vật liệu màng: teflon	EU/G7	Bộ	2	Mới 100%
2	Bồn hoá chất	- Bồn nhựa đứng - Vật liệu: Nhựa PE - Thể tích: 2m ³	VN	Bồn	1	Mới 100%
3	Bơm lọc	Loại: bơm trục ngang Lưu lượng: 60 m ³ /giờ Cột áp: 30 m Điện: 7.5 kW/380V/3pha/50Hz	EU/G7	Cái	3	Mới 100%
4	Bồn lọc áp lực thể tích 4m ³	Loại: đứng Vật liệu: thép - Bên trong sơn epoxy - Bên ngoài sơn chống rỉ và màu trang trí Bao gồm vật liệu lọc	EU/G7	Cái	3	Mới 100%
5	Phao đo mực nước	Loại: phao quả nổi Vật liệu: polypropylene. Cáp dài 5 m.	EU/G7	Cái	1	Mới 100%
BỂ NÉN BÙN						
	Hệ thống máng răng cưa thu nước, và máng chắn váng nổi	- SUS 304 dày 1-2mm	VN	Bộ	1	Mới 100%
HỆ XỬ LÝ BÙN						
1	Máy ép bùn	- Công suất: 4-6 m ³ /h - KT băng tải : 1000mm - Kích thước: 2500(L) x 1550(W) x 2420 (H) - Thân máy: SUS 304 - Trục: SUS 304 - Motor khuấy hoá chất: 1/2HP - Motor hộp số Drive: 1/2HP - Drum thichener vắt nước sơ bộ - Motor hộp số: 1/2	VN	Cái	1	Mới 100%

Công ty TNHH Hoàng Hùng
 Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường - Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng
 số diện tích đất 384.561 m²

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NGUỒN GỐC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	TÌNH TRẠNG
		HP (Drum Thickener) - Thùng khuấy hoá chất: SUS304 - Hệ thống máng thu nước: SUS304 - Hệ thống rửa băng tải: 01 bộ Máy nén khí, bơm rửa băng tải				
2	Bơm bùn trực vít	- Q = 4-6 m ³ /h, 5bar Loại: bơm trực vít	EU/G7	Cái	2	Mới 100%
3	Bơm định lượng hoá chất	- Qmax = 150l/h, 5bar - 200W/3P/380V/50Hz - Bơm màng - Vật liệu màng: teflon	EU/G7	Bộ	2	Mới 100%
4	Bồn hoá chất	- Bồn nhựa đứng - Vật liệu: Nhựa PE - Thể tích: 2m ³	VN	Bồn	2	Mới 100%
5	Motor khuấy trộn hóa chất (Vị trí lắp đặt: bồn hóa chất)	- Motor 0.75 kW/3P/380V - Dạng mặt bích - Cánh khuấy inox SUS 304	EU/G7	Bộ	2	Mới 100%
HỆ QUAN TRẮC						
1	Đồng hồ đo lưu lượng	Đồng hồ đo lưu lượng dạng trên kênh hở	EU/G7	Bộ	1	Mới 100%
2	Thiết bị quan trắc online	Thiết bị quan trắc online các chỉ tiêu: lưu lượng, COD, pH, Nhiệt độ, TSS, độ màu truyền tín hiệu về Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương	EU/G7	Bộ	1	Mới 100%
3	Hệ lấy mẫu tự động	Thiết bị lấy mẫu tự động	EU/G7	Bộ	1	Mới 100%
4	Hệ camera quan sát	Hệ camera quan sát truyền tín hiệu về Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương	ASIA	Hệ	1	Mới 100%
HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ & HỆ THỐNG ĐIỆN						
1	Hệ thống ống công nghệ	- Ống nước, bùn, hóa chất: uPVC- Độ nhát- Bình Minh, PN6-10	VN	HT	1	Mới 100%

Công ty TNHH Hoàng Hùng
 Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường - Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng
 số diện tích đất 384.561 m²

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NGUỒN GỐC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	TÌNH TRẠNG
	(Trong phạm vi trạm xử lý)	- Ống phân phối khí: + Trên mực nước: uPVC + Dưới mực nước: uPVC - Van và phụ kiện				
2	Hệ thống điện & tủ điện điều khiển	- Giá đỡ Inox 304 Vỏ tủ điện: thép sơn tĩnh điện; Việt Nam + Thiết bị chính: MCCB, MCB, Contactor, Role nhiệt,...; LS/Schneider + Đèn báo, công tắc, nút nhấn, Role trung gian...; Omron/Iddec/Korea + Cấp điện: Cadivi; Việt Nam + Thiết bị phụ kiện: Việt Nam/Taiwan/Korea +Máng cáp: STK + Không bao gồm hệ thống chống sét, hệ thống chiếu sáng	VN	HT	1	Mới 100%
HỒ SỰ CỐ						
	Bơm nước thải (Loại có cơ cấu tháo lắp nhanh) <u>Phụ kiện:</u> * Thanh dẫn hướng * Xích neo bơm	Model: CN80 + P80 Kiểu bơm: Bơm chìm Lưu lượng: 42 m ³ /h Cột áp: 9 m Đường kính ống ra: DN80 <u>Motor:</u> Công suất định mức: 2.2 kW Điện áp định mức: 3 pha, 380 V, 50 Hz Số cực: 4 Cấp độ bảo vệ: IP68 Cấp cách điện: E <u>Vật liệu:</u> Thân bơm: Gang, FC200 Cánh bơm: Gang, FC200 Trục bơm: Thép	EU/G7	Cái	4	Mới 100%

STT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	NGUỒN GỐC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	TÌNH TRẠNG
		không gỉ, SUS420J2				
2	Công tác phao	Model: RNC 1002x2 Loại: Công tắc phao nổi Vật liệu: PP	VN	Cái	1	Mới 100%

❖ **Quy chuẩn áp dụng:**

Toàn bộ nước thải phát sinh từ cơ sở được dẫn về xử lý tại HTXL nước thải công suất 1.600 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH Hoàng Hùng đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, K_q= 0,9, K_f=1 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận suối Đồng Cò rồi chảy ra suối Bến Ván.

3.1.3.2. Công trình thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý của HTXL nước thải tập trung của Công ty TNHH Hoàng Hùng đang được triển khai lắp đặt tại vị trí thoát nước thải tập trung, dự kiến trong quý 3 Công ty sẽ kết nối kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- **Vị trí, địa điểm lắp đặt trạm:**

Trạm quan trắc nước thải tự động, cố định của Dự án được đặt tại khuôn viên của HTXL nước thải tập trung tại Cơ sở Cụm nhà xưởng cho thuê, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương có tọa độ X = 1244 562; Y = 592 077.

Đặc điểm nguồn thải được giám sát: Nước thải phát sinh tại nhà máy chủ yếu từ nước thải sinh hoạt của công nhân viên và nước thải trong quá trình sản xuất của các Nhà máy thứ cấp thuê xưởng.

- **Tần suất thu nhận dữ liệu:**

+ Tần suất, cách thức thu nhận, lưu trữ và truyền số liệu được thực hiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật quan trắc môi trường.

+ Số liệu từ hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục được truyền trực tuyến về Sở TNMT liên tục 05 phút/lần và liên tục 24/24 giờ. Số liệu trên Web của Sở TNMT liên tục 30 phút/lần và liên tục 24/24 giờ;

+ Số liệu từ hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục được truyền trực tuyến về nhà máy liên tục 05 phút/lần và liên tục 24/24 giờ;

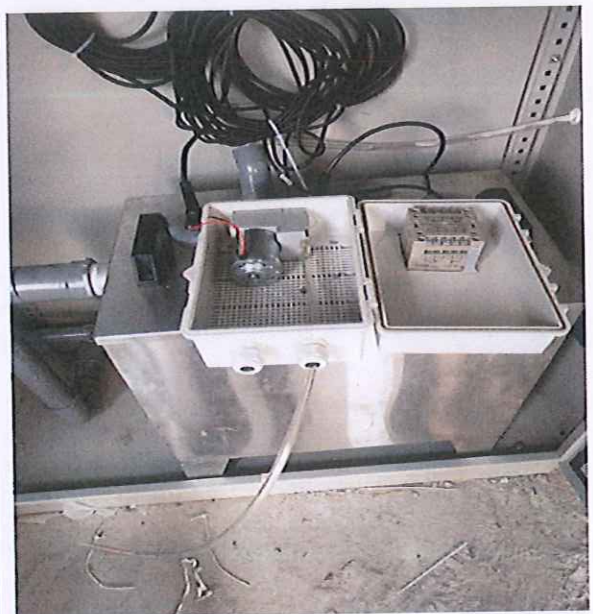
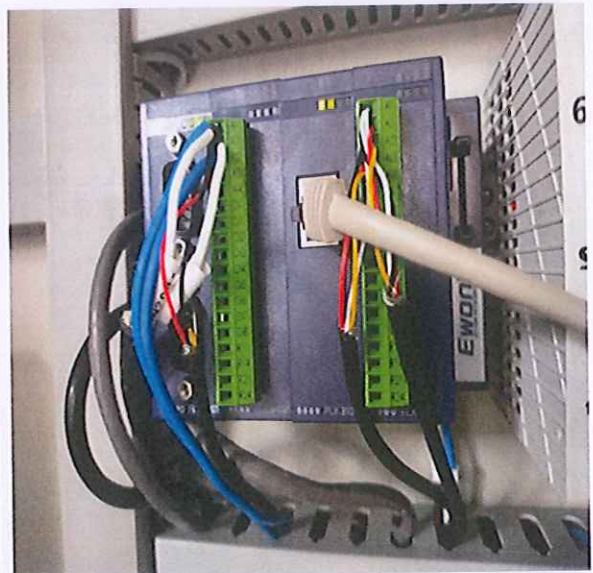
Bảng 3. 6. Danh mục các thông số kỹ thuật của thiết bị quan trắc nước thải tự

động, liên tục

STT	Nội dung, thông số, hãng, xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính
I	Phần thiết bị		
1	Thiết bị đo lưu lượng kênh hở SF-500S Xuất xứ: Hàn Quốc	1	Cái
2	Hệ thống giám sát chất lượng nước thải Bao gồm các thiết bị đo các chỉ tiêu: 1. Máy đo COD, TSS Online Model: T9050 2. Máy đo pH/ nhiệt độ Online Model: T4000 3. Máy đo độ màu Model: T6405 4. Máy lấy mẫu nước tự động Model: AWS 12-3 Hãng sản xuất: Envilink/ Trung Quốc 5. Máy đo lưu lượng đầu vào DN150 Hãng sản xuất: Envilink/ Trung Quốc	1	Bộ
II	Bộ tủ rack bao gồm các thiết bị bộ ghi dữ liệu (Datalogger), bộ UPS online 2KVA		
1	Bộ ghi và truyền dữ liệu theo Ewon Flexy 102 Hãng sản xuất: Ewon/ Thụy Điển	1	Bộ
2	Bộ lưu điện UPS online 2KVA Hãng sản xuất/ Xuất xứ: châu Á	1	Bộ
III	Tủ phối nguồn, chống sét, camera giám sát, thiết bị báo cháy, đo nhiệt độ độ ẩm phòng		
1	Tủ phối nguồn bao gồm chống sét lan truyền Hãng sản xuất/ Xuất xứ: châu Á	1	Bộ
2	Hệ thống camera giám sát bao gồm 2 camera + 1 đầu ghi Hãng sản xuất/ Xuất xứ: châu Á	2	Bộ
3	Thiết bị báo cháy (Bao gồm tủ báo cháy trung tâm, 2 đầu báo, còi, bình chữa cháy) Hãng sản xuất/ Xuất xứ: châu Á	1	Bộ
4	Đo độ ẩm nhiệt độ Hãng sản xuất/ Xuất xứ: châu Á	1	Bộ
IV	Nhà trạm, tủ điện, cột chống sét, hệ thống lấy mẫu nước, điều hòa nhiệt độ		
1	Tủ điện chứa thiết bị Hãng sản xuất/ Xuất xứ: châu Á	1	cái
2	Hệ thống lấy mẫu (bao gồm bồn inox, 2 bơm, bộ nén khí làm sạch đầu đo) Xuất xứ: Việt Nam	1	Bộ

(Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hùng)

❖ Một số hình ảnh hệ thống quan trắc liên tục, tự động tại Cơ sở



3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Công ty TNHH Hoàng Hùng đầu tư Dự án Cụm nhà xưởng cho thuê và xây dựng hoàn chỉnh về mặt cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống cấp điện, xử lý nước thải với số lượng 18 nhà xưởng. Chủ cơ sở sẽ cung cấp các tiêu chuẩn môi trường liên quan đến khí thải tại nguồn và không khí xung quanh áp dụng đối với dự án cho các đơn vị thuê nhà xưởng trong Cụm nhà xưởng cho thuê ngay từ khi các nhà xưởng bắt đầu hoạt động.

Các đơn vị thuê nhà xưởng sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn như trong báo cáo ĐTM hoặc Bản kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt bởi cơ quan chức năng về môi trường và cam kết khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ, tiếng ồn đạt tiêu chuẩn QCVN 26:2010 và môi trường lao động đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động theo đúng Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc “Ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động”.

3.2.1. Công trình thu gom khí thải

Các đơn vị thuê xưởng sẽ tiến hành xây dựng lắp đặt các hệ thống xử lý khí thải cho riêng nhà xưởng của mình khi bắt đầu hoạt động nhà xưởng và không để phát sinh khí thải ra môi trường.

3.2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải (Không có)

3.2.3. Công trình thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc khí thải liên tục, tự động.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt

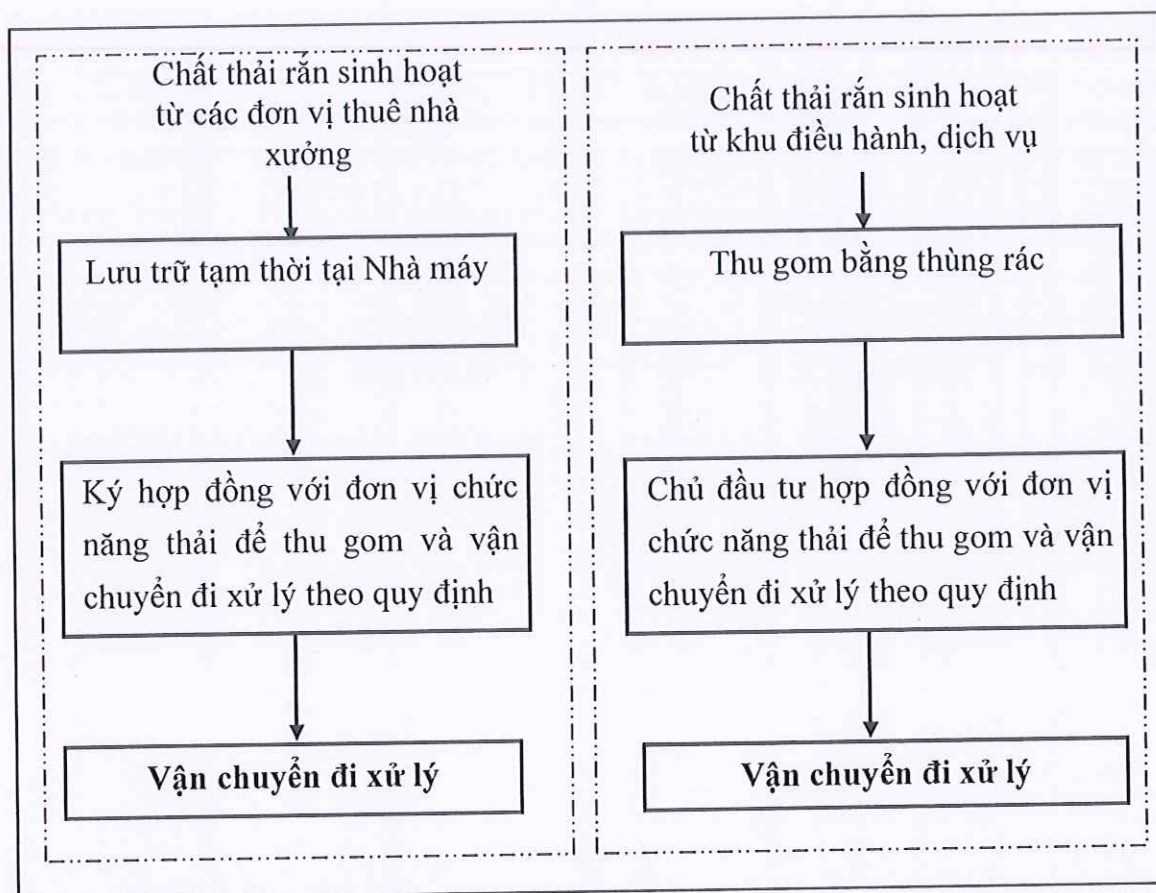
** Các đơn vị thuê nhà xưởng:*

Thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào các thùng chứa quy định để tránh sự phân hủy của các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học gây ô nhiễm môi trường và sức khỏe cộng đồng do mùi hôi và nước rỉ rác.

Các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt do các đơn vị thuê xưởng tự trang bị và đặt tại các nơi thích hợp trong xưởng để xe rác của đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển.

** Chủ đầu tư (Công ty TNHH Hoàng Hùng)*

Cụm nhà xưởng không đầu tư trạm trung chuyển rác để hạn chế những vấn đề về sinh môi trường phát sinh. Chủ đầu tư và các đơn vị thuê xưởng sẽ ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu điều hành, dịch vụ và trong quá trình hoạt động sản xuất của các đơn vị thuê xưởng dưới sự giám sát chặt chẽ của Ban quản lý dự án của Chủ đầu tư.



Hình 3. 7. Sơ đồ quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Chủ đầu tư cam kết chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 3. 7. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở

TT	Nhóm CTRSH	Khối lượng năm 2021 (tấn/năm)	Khối lượng tối đa (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1	Chất thải rắn sinh hoạt	0,058	0,780	Đơn vị thu gom rác địa phương	-

(Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hùng)

- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

Các đơn vị thuê nhà xưởng:

Tiến hành phân loại chất thải rắn sản xuất không nguy hại để thu gom các loại chất thải rắn có thể tái chế, tái sử dụng bán cho các cơ sở thu mua.

Thu gom vào các thùng chứa hoặc nhà chứa rác theo qui định.

Các thùng chứa, nhà chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại do các đơn vị thuê nhà xưởng tự trang bị và bố trí các nơi thích hợp trong nhà máy để xe chở rác của đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

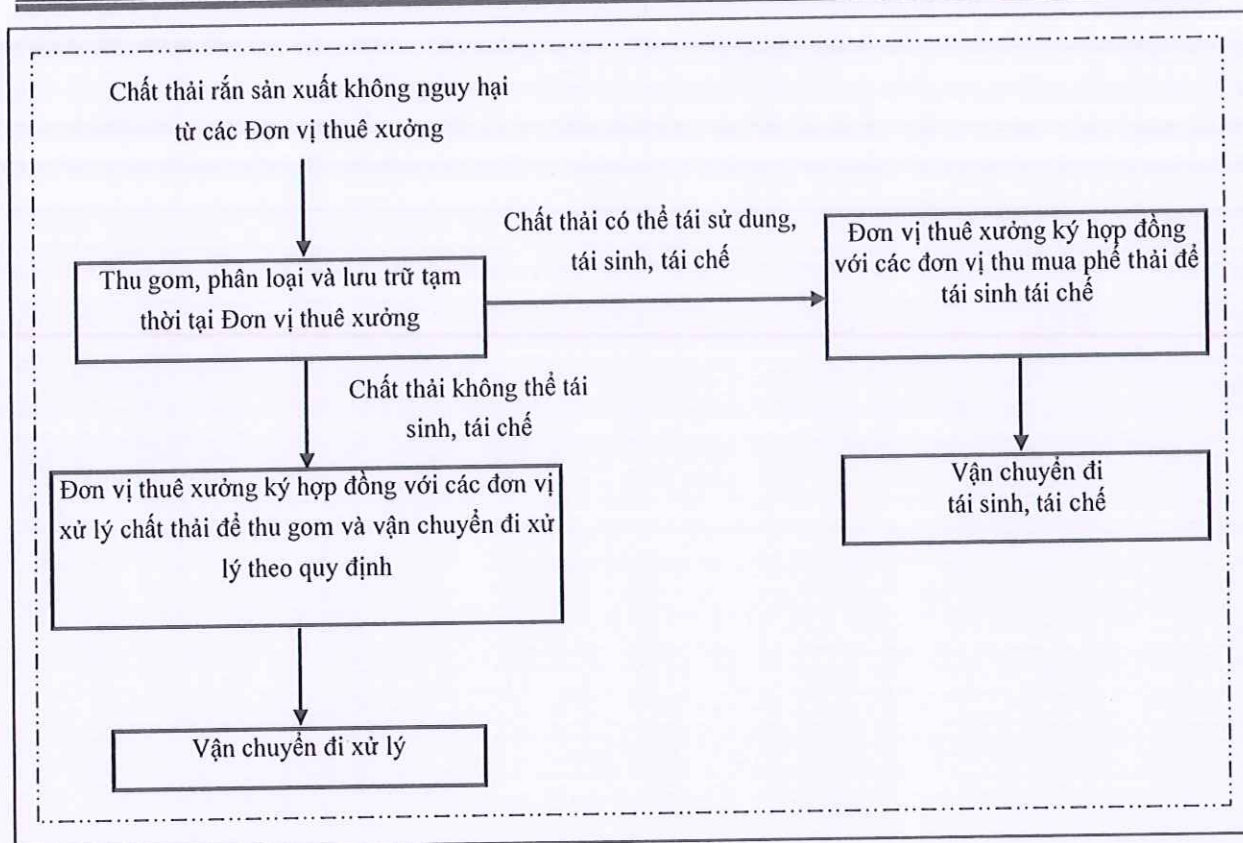
Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

** Chủ đầu tư (Công ty TNHH Hoàng Hùng):*

Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến chất thải rắn sản xuất.

Giới thiệu đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sản xuất.

Kiểm tra việc xử lý tuân thủ chất thải rắn sản xuất theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam.



Hình 3. 8. Sơ đồ quản lý và xử lý chất thải rắn sản xuất không nguy hại

Chủ đầu tư cam kết chất thải rắn sản xuất không nguy hại sẽ được thu gom và xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 3. 8. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát tại cơ sở

STT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng năm 2021(kg/năm)	Khối lượng tối đa (kg/năm)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Ghi chú
1	Giấy loại bỏ từ khu vực văn phòng, bìa carton, bao bì từ các xưởng sản xuất	-	1.540	Bán cho các đơn vị thu mua phế liệu	-

(Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hùng)

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

* Các đơn vị thuê nhà xưởng:

Kê khai chất thải nguy hại theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Thu gom chất thải nguy hại công nghiệp vào các thùng chứa qui định có dán nhãn. Các thùng chứa chất thải nguy hại do các đơn vị thuê nhà xưởng tự trang bị và đặt tại các nơi thích hợp trong nhà máy.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Tuân thủ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

* Chủ đầu tư (Công ty TNHH Hoàng Hùng):

Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến chất thải nguy hại.

Giới thiệu đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

Kiểm tra việc xử lý tuân thủ chất thải nguy hại theo các qui định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Đối với bùn thải từ hệ thống XLNT tập trung của Cụm nhà xưởng cho thuê, công ty sẽ tiến hành giám định chất thải nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT.

Chủ đầu tư cam kết chất nguy hại sẽ được thu gom và xử lý theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại”.

Bảng 3. 9. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng năm 2021 (kg/năm)	Khối lượng tối đa (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
1	Bao bì thải nhiễm CTNH	Rắn	18 01 01	-	12.820	TĐ, HR	Đơn vị thu gom có chức năng	-
2	Giẻ lau nhiễm CTNH	Rắn	18 02 01	-	1.545	TĐ, HR		
3	Bùn thải	Bùn	03 04 08	-	8.960	TĐ, HR		
4	Chất thải hữu cơ có chứa thành phần nguy hại	Lỏng	19 03 02	-	410	TĐ, HR		
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	-	295	Nghiên PT, HR		
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn	Lỏng	17 02 03	-	1.515	TC		
7	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	-	2.735	TĐ, HR		

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng năm 2021 (kg/năm)	Khối lượng tối đa (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTNH	Ghi chú
8	Bao bì cứng	Rắn	18 01 02	-	2.605	SR, TC		
	Tổng cộng			-	39.310			

(Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hùng)

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Để chống ồn, rung cho máy móc thiết bị cần thực hiện các biện pháp sau:

- Khuyến khích sử dụng các thiết bị ít gây ồn và chất động rung.
- Phân lập các khu vực gây ồn cao bằng các phương pháp cách ly, cách âm, tạo điều kiện máy móc và thiết bị làm việc không quá tải, luôn bảo dưỡng và thay thế định kỳ, đảm bảo điều kiện kỹ thuật làm việc của máy móc, thiết bị.
- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.
- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.
- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng nhân viên có mặt tại nơi có độ ồn cao.
- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.
- Đúc móng máy đủ khối lượng (bê tông mác cao), tăng chiều sâu móng.
- Sử dụng các khu đệm bằng cây xanh để phân chia các nguồn gây ồn và làm giảm sự cộng hưởng các chấn động.
- Diện tích cây xanh tối thiểu trong mỗi nhà đầu tư vào Cụm nhà xưởng cần đáp ứng tối thiểu là 20% tổng diện tích.

Các nhà máy trong Cụm nhà xưởng cho thuê sẽ xử lý khí thải đạt quy chuẩn theo quy định Việt Nam hiện hành theo QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN

06:2009/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

3.6. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

3.6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố môi trường

❖ Sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải của đơn vị thứ cấp

Do tính chất đa dạng của một Cụm nhà xưởng cho thuê đa ngành nghề, sự cố hệ thống xử lý khí thải của các nhà đầu tư thứ cấp không hoạt động sẽ rất nhiều trường hợp xảy ra.

Do đó, chủ đầu tư có biện pháp quản lý nhằm giảm thiểu khả năng xảy ra sự cố hệ thống xử lý khí thải đối với các nhà đầu tư thứ cấp như:

- Tiến hành sàng lọc các dự án, chỉ thu hút các dự án có mức độ phát thải không cao hay sử dụng các loại nhiên liệu sạch;

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước trong việc giám sát hoạt động sản xuất của các nhà đầu tư thứ cấp;

- Khi các nhà đầu tư thứ cấp có dấu hiệu vi phạm về xử lý khí thải, Ban quản lý Cụm nhà xưởng cho thuê sẽ tiến hành nhắc nhở và thông báo với cơ quan quản lý nhà nước;

- Chủ đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê cũng sẽ có trách nhiệm liên đới trong trường hợp khí thải phát sinh từ Cụm nhà xưởng cho thuê gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân;

❖ Biện pháp giảm thiểu nước mưa chảy tràn

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn, Ban quản lý Cụm nhà xưởng cho thuê áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật sau:

- Cụm nhà xưởng cho thuê đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng tiêu thoát nước mưa, chi tiết của hạ tầng tiêu thoát nước mưa được thể hiện tại chương 1.

- Mỗi nhà đầu tư thứ cấp vào Cụm nhà xưởng cho thuê đều phải tách riêng nước mưa và nước thải. Nước mưa được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Cụm nhà xưởng cho thuê với số lượng điểm đầu nối hạn chế nhằm mục tiêu dễ quản lý tình trạng đầu nối của các doanh nghiệp.

- Việc bố trí các khu vực kho bãi, nhà chứa chất thải của các nhà máy cần đáp ứng các yêu cầu của quy định hiện hành, tránh tình trạng chất thải đi vào nước mưa chảy tràn.

- Ngoài ra, Ban quản lý Cụm nhà xưởng cho thuê thường xuyên dọn dẹp các tuyến đường nội bộ, tạo cảnh quan và hạn chế các chất ô nhiễm lôi cuốn vào nước mưa chảy tràn.

❖ *Sự cố bể tự hoại*

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn làm cho phân, nước tiểu không tiêu thoát được.

- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu.

- Bùn tích tụ đầy bể.

❖ *Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung*

Để phục vụ sản xuất, Công ty sẽ đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất xử lý 1.600m³/ngày.đêm trong đó cụm xử lý sinh học được chia làm 02 modul, mỗi modul có công suất 800m³/ngày.đêm. Trong trường hợp chất lượng nước thải đầu ra không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Cụm nhà xưởng cho thuê, nước thải sẽ được dẫn về bể sự cố dung tích 3.200m³ với thời gian lưu 2 ngày để lưu chứa ổn định, sau đó nước thải sẽ được bơm dẫn vào bể điều hòa để tiếp tục xử lý. Công ty sẽ tiến hành nhanh chóng khắc phục sự cố trước 1 ngày.

Trong trường hợp không thể khắc phục ngay thì Công ty sẽ cho dừng hoạt động sản xuất để tiến hành sửa chữa hệ thống, khi sự cố được khắc phục hoàn toàn Công ty mới cho vận hành sản xuất lại bình thường.

- Do công suất hệ thống xử lý nước thải lớn nên chúng tôi phải trang bị các loại máy móc dự phòng như máy bơm nước thải, máy thổi khí, máy định lượng hóa chất,... để thay thế ngay sau khi các máy móc bị hỏng, giúp cho hệ thống xử lý luôn hoạt động.

- Trường hợp bị mất điện lưới tại khu công nghiệp trong thời gian dài (khoảng 1 ngày), Công ty sẽ cung cấp điện từ máy phát điện dự phòng nhằm cung cấp khí cho vi sinh hoạt động, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn.

- Công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải được Công ty tuyển chọn là kỹ sư đã được đào tạo chuyên ngành về môi trường, có kinh nghiệm trong vấn đề vận hành hệ thống xử lý nước thải ngành giấy.

- Hàng năm công ty tổ chức chương trình đào tạo cán bộ môi trường để theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải cũng như các công trình môi trường, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho đội ngũ nhân viên.

- Nhân viên quản lý môi trường tại Công ty sẽ được tham gia các lớp tập huấn do các cơ quan nhà nước tổ chức.

- Công ty sẽ ký hợp đồng với những đơn vị có kinh nghiệm trong vấn đề xây dựng hệ thống xử lý nước thải để bảo trì hệ thống thường xuyên, nhằm kịp thời thay thế khắc phục sự cố xảy ra giúp hệ thống xử lý nước thải luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của Dự án có thể xảy ra các sự cố như: Sự cố rò rỉ hóa chất, rò rỉ nước thải, sự cố hiệu suất xử lý không đạt quy chuẩn thiết kế...

❖ *Sự cố rò rỉ hóa chất dùng cho hệ thống xử lý nước thải sản xuất của Nhà máy*

Hóa chất sử dụng tại dự án tương đối phong phú về chủng loại như: H₂SO₄, NaOH, polymer, PAC do đó trong quá trình vận hành dự án có thể xảy ra các sự cố rò rỉ hóa chất. Nếu sự cố rò rỉ xảy ra thì khu vực chịu ảnh hưởng lớn nhất là xung quanh HTXL nước thải, gây tác động tiêu cực đến môi trường đất, không khí, nước,... hủy hoại các phương tiện vật chất khác, nguy hiểm nhất là ảnh hưởng đến tính mạng của công nhân vận hành hệ thống xử lý.

❖ *Sự cố rò rỉ nước thải từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải sản xuất của Cụm nhà xưởng cho thuê*

Sự cố xảy ra đối với hệ thống thu gom nước thải như: lưu lượng nước thải phát sinh lớn gây tắc nghẽn tiêu thoát chậm, vỡ đường ống dẫn...

Hệ thống xử lý nước thải rò rỉ, nứt ,lưu lượng thiết kế nhỏ hơn lượng phát sinh gây ra các hiện tượng tràn, rò rỉ nước thải gây ô nhiễm môi trường.

❖ *Sự cố hiệu suất xử lý nước thải không đạt tiêu chuẩn thiết kế*

Các nguyên nhân có thể ảnh hưởng đến sự cố hiệu suất xử lý nước thải không đạt quy chuẩn như: Nguyên nhân mất điện lưới quốc gia; hư hỏng thiết bị, máy móc vận hành hệ thống; công nhân vận hành hệ thống không đúng kỹ thuật; trường hợp vi sinh trong bể xử lý hiếu khí bị chết.

Khi xảy ra các sự cố dự báo nêu trên, trạm xử lý nước thải có thể sinh ra mùi hôi, gây mất vệ sinh và phát tán các vi sinh vật gây bệnh.

Nếu HTXL nước thải xảy ra sự cố thì kịp thời sửa chữa; công nhân vận hành hệ thống phải được đào tạo để vận hành đúng quy trình kỹ thuật nhằm hạn chế thấp nhất sự cố có thể xảy ra.

Đối tượng chịu ảnh hưởng: Nếu HTXL nước thải của nhà máy xảy ra sự cố thì sẽ ảnh hưởng tới trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm nhà xưởng cho thuê như làm gia tăng tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm, ảnh hưởng tới khả năng xử lý của toàn bộ hệ thống dẫn đến chất lượng nước thải đầu ra của Cụm nhà xưởng cho thuê không đạt yêu cầu.

❖ Phòng chống sự cố về hệ thống cấp nước, thoát nước:

- Đường ống dẫn nước phải có đường cách ly an toàn, bố trí ở cao độ và vị trí phù hợp để đảm bảo không chịu các lực tác động mạnh (từ phương tiện, thiết bị,...).
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống được ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
- Thường xuyên thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu tránh gây tắc nghẽn đường ống thoát nước thải.

❖ Đối với kho chứa chất thải:

- Các Công ty thứ cấp thuê xưởng cần xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước.
- Nhà kho lưu giữ chất thải phải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.
- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: các công ty thứ cấp hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

3.6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố tại nạn lao động, tai nạn giao thông

Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau đây để phòng ngừa sự cố tai nạn lao động:

- Xây dựng chi tiết các bảng nội quy về an toàn lao động cho từng khâu và từng công đoạn sản xuất;
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân;
- Trang bị các trang thiết bị và dụng cụ y tế và thuốc men cần thiết để kịp thời ứng cứu sơ bộ trước khi chuyển nạn nhân đến bệnh viện;
- Lên kế hoạch ứng cứu sự cố trong đó xác định những vị trí có khả năng xảy ra sự cố, bố trí nhân sự và trang thiết bị thông tin để đảm bảo thông tin khi có xảy ra sự cố;
- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức các buổi huấn luyện về thao tác ứng cứu khẩn cấp, thực hành cấp cứu y tế, sử dụng thành thạo các phương tiện thông tin, địa chỉ liên lạc khi có sự cố;
- Người lao động (kể cả học nghề) trước khi vào làm việc phải được khám sức khỏe; chủ cơ sở phải căn cứ vào sức khỏe của người lao động để bố trí việc làm và nghề nghiệp cho phù hợp với sức khỏe của người lao động;
- Có kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho công nhân viên ít nhất 1 lần/năm, việc khám sức khỏe được các đơn vị chuyên môn thực hiện và tuân thủ theo quy định tại Thông tư 09/2000/TT-BYT ngày 28/04/2000 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3.6.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất

Việc phòng ngừa và ứng phó các sự cố hóa chất trong các doanh nghiệp đầu tư trong Cụm nhà xưởng cho thuê được các doanh nghiệp này đảm bảo và thực hiện, đồng thời đăng ký hóa chất sử dụng với các cơ quan chức năng.

Đối với hệ thống XLNT tập trung của Cụm nhà xưởng cho thuê, công ty có các biện pháp đảm bảo an toàn hóa chất sau:

➤ Các trang thiết bị bảo hộ lao động

- Quần áo bảo hộ lao động.
- Giày bảo hộ lao động có đế chống trơn.
- Găng tay cao su.
- Khẩu trang.
- Nón bảo hộ.

- Kính bảo hộ.
- Vòi nước sạch có dòng chảy mạnh.

➤ **An toàn khi pha chế hóa chất**

- Phải thực hiện đúng các bước chỉ dẫn trong khi pha chế hóa chất.
- Luôn luôn cho nước sạch vào thùng hóa chất trước rồi mới cho hóa chất vào sau.

- Khi đưa hóa chất vào thùng pha chế, nên đổ từ từ và từng ít một để tránh hiện tượng phản ứng đột ngột (tỏa nhiệt, bốc hơi,...) và tránh khả năng rơi vãi dung dịch hóa chất.

- Phải có đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động khi pha chế hóa chất như phải đeo găng tay cao su, khẩu trang, mũ, mang ủng cao su cao cổ, tạp dề cao su hoặc nhựa...

- Nếu trong quá trình pha chế, do sơ suất bị dính hóa chất phải rửa kỹ ngay dưới vòi nước chảy mạnh và thay giặt quần áo ngay.

- Khi pha hóa chất phải có ít nhất 02 người. Phải chuẩn bị sẵn một vòi nước để rửa tay khi cần.

- Dùng nước sạch vệ sinh khu vực pha chế hóa chất.

➤ **An toàn trong quá trình vận hành**

- Trong giai đoạn bơm nước vào thiết bị xử lý nên để chế độ Auto để tránh trường hợp nước tràn.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống dẫn hóa chất. Ngăn ngừa trường hợp hóa chất bị rò rỉ và ăn mòn các thiết bị.

- Khi bật bơm nước thải phải kiểm tra bơm có đầy nước đi hay không (bằng cách theo dõi mực nước).

➤ **An toàn về điện**

- Tủ điện điều khiển phải luôn đóng để tránh nước có thể bắn vào.
- Tránh để các vật có khả năng gây cháy nổ trong tủ điện điều khiển.
- Tránh để hóa chất bám vào các máng bảo vệ cáp điện, chân tủ điện và tủ điện điều khiển, gây ăn mòn vật liệu bảo vệ tuyến cáp điện.

- Khi ngừng hệ thống để sửa chữa nên tắt các CB điều khiển các thiết bị và CB tổng. Đặt các biển báo cho người khác biết là thiết bị đang được vệ sinh, bảo dưỡng cấm được đóng điện chạy máy...

- Khi đóng mở các công tắc hay CB điều khiển, tay người vận hành phải thật khô ráo.

- Khi có sự cố như cháy, nổ, chập điện thì người vận hành phải lập tức nhấn nút POWER OFF trên mặt tủ điện để ngừng ngay hoạt động. Sau đó ngắt CB tổng ở bên trong tủ điện.

- Nếu phát hiện có thiết bị điện không hoạt động thì không được phép tự ý dùng bất cứ dụng cụ gì để sửa chữa trong khi hệ thống đang hoạt động. Khi đó, người vận hành phải tắt ngay nguồn cấp điện và báo cáo ngay cho người quản lý.

3.6.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Để phòng ngừa cháy nổ, chủ đầu tư sẽ dùng đồng bộ các biện pháp về kỹ thuật, tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục và pháp chế.

Đặc biệt, ban quản lý Cụm nhà xưởng cho thuê sẽ phối hợp cùng với các cơ quan phòng cháy chữa cháy địa phương tiến hành thiết lập cụ thể các biện pháp phòng cháy chữa cháy, tính toán số lượng trang thiết bị chữa cháy cần thiết phải lắp đặt cho từng hạng mục công trình, xây dựng cụ thể các bảng nội quy và tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy, bố trí các bảng hiệu này ở từng hạng mục công trình, đồng thời tổ chức các buổi huấn luyện về phòng cháy chữa cháy cho tất cả các CBCNV.

Đối với hạng mục công trình khác: Ban quản lý sẽ tuân thủ theo đúng các tiêu chuẩn thiết kế hiện hành về PCCC.

Đối với các thiết bị điện: Các thiết bị điện sẽ được tính toán theo tiêu chuẩn quy phạm riêng, dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ quá tải. Những khu vực nhiệt độ cao, dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ.

Các đơn vị thuê nhà xưởng trong Cụm nhà xưởng cho thuê:

- Thiết kế chương trình phòng chống cháy nổ cho phù hợp đặc thù sản xuất công nghiệp của mình.

- Đối với các cơ sở có dùng LNG, LPG sẽ tuân thủ các qui định về khoảng cách và các biện pháp an toàn khi có sự cố cháy nổ.

Chủ đầu tư cam kết tuân thủ Luật Phòng cháy và chữa cháy của Nước CHXHCN Việt Nam và các quy định về phòng cháy chữa cháy của Công an tỉnh Bình Dương.

Trang bị đầy đủ các thiết bị, phương tiện PCCC tại các đơn vị và cho toàn Cụm nhà xưởng cho thuê; định kỳ kiểm tra khả năng hoạt động của các thiết bị PCCC đảm bảo vận hành hiệu quả.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải của cơ sở bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại cơ sở.

- Nước thải từ khu trung tâm điều hành – dịch vụ.
- Nước thải sản xuất phát sinh tại các nhà máy thứ cấp thuê xưởng tại dự án.

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị sau mỗi ca sản xuất, thay đổi sản phẩm, trong quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại cơ sở, từ hoạt động sản xuất tại các nhà máy thứ cấp thuê xưởng tại dự án. Vì vậy, lưu lượng xả thải tối đa của cơ sở là 1.600 m³/ngày.đêm.

4.1.3. Dòng nước thải của cơ sở

Lượng nước thải của cơ sở được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 4. 1. Tổng hợp lượng nước thải của cơ sở

STT	Hạng mục	Lượng nước xả thải (m ³ /ngày)	
		Hiện nay	Tối đa
1	Sinh hoạt của cán bộ công nhân viên	2,16	7,2
2	Nước dùng cho sản xuất	29,84	1.231,2
3	Nước tưới cây	0	0
	Rửa đường, quảng trường và tưới bằng cơ giới	0	0
4	Nước thất thoát trong quá trình hoạt động	0	0
5	Nước cấp cho PCCC	0	0
Tổng cộng		32	1.238,4

(Nguồn: Công ty TNHH Hoàng Hùng)

Như vậy tại cơ sở phát sinh nước thải từ quá trình sinh hoạt, từ khu vực hành chính và nước thải từ quá trình sản xuất của các đơn vị thứ cấp sẽ được thu gom qua các đường ống nhánh đường kính Ø200m, sau đó dẫn về hệ thống ống thu gom chính có Ø300m.

Nước thải phát sinh sẽ được dẫn về HTXL nước thải tập trung của cơ sở công suất 1.600 m³/ngày.đêm nằm ở phía Tây Nam dự án xử lý đạt chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 0,9, K_f = 1 trước khi xả thải ra suối Đồng Cò rồi chảy vào suối Bến Ván.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

❖ **Nước thải sinh hoạt:**

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động sinh hoạt của công nhân chủ yếu từ: nhà ăn, khu vực vệ sinh,...

- Thành phần, tính chất: Các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt bao gồm SS, BOD₅, tổng Nitơ, tổng photpho, dầu mỡ, coliform.

- Nước thải nhà vệ sinh từng xưởng sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại cùng với nước thải nhà ăn (đã qua bể tách dầu mỡ) và nước rửa tay chân sẽ nhập chung với nước thải sản xuất trong mỗi xưởng sau đó dẫn về trạm XLNT tập trung. Tham khảo các số liệu nước thải đầu vào, đặc trưng nước thải đầu vào của các KCN, cụm nhà xưởng có nhóm ngành nghề tương đồng với cụm nhà xưởng Hoàng Hùng có đặc trưng như sau:

Bảng 4. 2. Đặc trưng nước thải đầu vào trạm XLNT tập trung

Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ ô nhiễm trước bể tự hoại (xét theo cường độ ô nhiễm)			Sau bể tự hoại	QCVN 40:2011/BTNMT cột A với K _q = 0,9 và K _r = 1
		Nhẹ	Trung bình	Nặng		
1. TSS	mg/L	350	720	1200	44-54	45
2. Chất rắn lắng được	mg/L	5	10	20	-	-
3. BOD ₅	mg/L	110	220	400	129-147	27
4. Tổng các-bon hữu cơ	mg/L	80	160	290	-	-
5. COD	mg/L	250	500	1000	310-344	67,5
6. Nitơ - tổng (tính theo N)	mg/L	20	40	85	41-49	18
7. Phot pho tổng (tính theo P)	mg/L	4	8	15	12-14	3,6
8. Tổng Coliform	MPN/100ml	10 ⁶ - 10 ⁷	10 ⁷ -10 ⁸	10 ⁷ -10 ⁹	10 ^{5,4} - 10 ⁶	3.000
9. Các bon hữu cơ bay hơi	mg/L	<100	100-400	>400	-	-

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An, 2019)

Nhận xét:

Qua các số liệu nhận thấy nước thải sinh hoạt phát sinh bị vượt so với QCVN 40:2011/BTNMT, vì vậy cần phải qua hệ thống xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

❖ **Nước thải sản xuất:**

- Nguồn phát sinh: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của các Công ty thứ cấp thuê xưởng.

- Đặc điểm của các loại nước thải nêu trên được thể hiện với các tính chất và phụ thuộc theo từng loại nhóm ngành nghề và được tóm tắt trong bảng dưới đây:

Bảng 4. 3. Đặc điểm các loại nước thải thể hiện theo từng nhóm ngành nghề

Ngành Công nghiệp	Thành phần ô nhiễm
1. Nước thải sinh hoạt	Nước thải sinh hoạt của công nhân có khối lượng khá lớn chứa các thành phần ô nhiễm như: COD; BOD và SS.
2. Ngành may mặc không có công đoạn dệt nhuộm	Nước thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước rửa máy móc thiết bị, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi với hàm lượng COD từ 150mg/l đến 200mg/l.
3. Ngành sản xuất bao bì	Phát sinh từ hệ thống giải nhiệt các thiết bị máy móc, từ quá trình làm nguội. Nước làm mát sẽ được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình làm mát mà xả bỏ định kỳ 1 lần/ngày.
4. Các ngành sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất	Hầu như không phát sinh nước thải sản xuất ngoại trừ hệ thống xử lý bụi sơn bằng nước sẽ phát sinh nước thải. Thông thường, một hệ thống xử lý bụi sơn cho 2 đầu phun sơn sẽ thải ra khoảng 1m ³ nước thải/1 lần thải với các đặc điểm là độ màu cao, TSS > 300mg/l, COD > 200mg/l.
5. Sản xuất sản xuất lắp ráp dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi.	Phát sinh từ quá trình làm mát cho sản phẩm sau công đoạn định hình sản phẩm. Nước làm mát sẽ được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình làm mát mà xả bỏ định kỳ 1 lần/ngày.
6. Sản xuất máy công cụ, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu.	Phát sinh từ hệ thống giải nhiệt các thiết bị máy móc, từ quá trình làm nguội. Nước làm mát sẽ được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình làm mát mà xả bỏ định kỳ 1 lần/ngày.
7. Sản xuất cơ khí không thực hiện công đoạn xi mạ: dập khung, lắp ráp, chế tạo xe máy và phụ tùng.	Nước thải sản xuất của nhóm ngành này hầu như không có, chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân.
8. Lắp ráp các thiết bị điện, điện tử	Nước thải sản xuất của nhóm ngành này hầu như không có, chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân.

- Để đánh giá được nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải, trong năm 2021 cơ sở đã phối hợp với đơn vị tư vấn Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng

lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu trong nước thải, nồng độ các chỉ tiêu trong nước thải thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4. 4. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sau khi xử lý của cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	KẾT QUẢ		QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
			NT-10	NT-12	
1	Lưu lượng	m ³ /h	38	38	--
2	pH	-	7,02	7	6 ÷ 9
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	7	6	45
4	Màu	Pt/Co	9,1	<9,0	50
5	BOD ₅	mg/L	12	10	27
6	COD	mg/L	23	22	67,5
7	Tổng Nitơ	mg/L	4,01	4,28	18
8	Tổng Photpho	mg/L	0,21	0,20	3,6
9	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	0,12	0,13	4,5
10	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	4,5
11	Đồng (Cu)	mg/L	<0,10	<0,10	1,8
12	Kẽm (Zn)	mg/L	KPH	KPH	2,7
13	Niken (Ni)	mg/L	KPH	KPH	0,18
14	Sắt (Fe)	mg/L	0,20	0,20	0,9
15	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	27	26	450
16	Clo dư	mg/L	0,64	0,50	0,9
17	Magie (Mg)	mg/L	3,79	4,16	--
18	Sunfua	mg/L	KPH	KPH	0,18
19	Coliform	MPN/100mL	3,9 x 10 ²	4,3 x 10 ²	3.000

Ghi chú:

- NT-10; NT-12: Ký hiệu mẫu nước thải sau xử lý của HTXLNTTT lấy theo ngày 05/10/2021; 21/12/2021

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Nhận xét: Kết quả phân tích chất lượng nước thải năm 2021 nhận thấy:

Chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý trong năm 2021, nhận thấy: Các thông số trong nước thải đều đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1,0$. Qua đó cho thấy hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đang hoạt động ổn định.

4.1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả thải: nước thải sẽ được thu gom và xả ra suối Đồng Cò tại 01 điểm tách riêng biệt với cống thoát nước mưa.

+ Phương thức xả thải: Theo phương thức tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý thoát theo cống thoát nước thải ra cửa xả tại suối Đồng Cò rồi chảy vào suối Bến Ván.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Vì dự án mới đi vào hoạt động từ quý 3 năm 2021 nên Cơ sở đã kết hợp với đơn vị tư vấn Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng tiến hành quan trắc nước thải 05 ngày liên tiếp từ ngày 12/04/2022 – 16/04/2022.

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau HTXL

TT	Thông số	Đơn vị	KẾT QUẢ					QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
			12/04/2022	13/04/2022	14/04/2022	15/04/2022	16/04/2022	
1	Lưu lượng nước thải	m ³ /h	8,12	8,25	8,1	8,25	8,3	-
2	Màu	Pt/Co	14	13	14	14	14	50
3	pH	-	6,48	6,09	6,49	6,38	6,12	6 ÷ 9
4	BOD ₅	mg/L	6	7	8	6	9	27
5	COD	mg/L	13	14	16	14	16	67,5
6	TSS	mg/L	7	10	8	9	10	45
7	Đồng (Cu)	mg/L	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	<0,10	1,8
8	Kẽm (Zn)	mg/L	<0,049	<0,049	<0,049	<0,049	<0,049	2,7
9	Niken (Ni)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,18
10	Sắt (Fe)	mg/L	0,28	0,42	0,41	0,28	0,56	0,9
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	<1,0	<1,0	<1,0	<1,0	<1,0	4,5
12	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,18
13	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	0,12	0,32	0,41	0,13	0,15	4,5
14	Tổng Nitơ	mg/L	7,20	9,19	7,86	7,12	7,46	18
15	Tổng Photpho	mg/L	0,39	0,45	0,35	0,39	0,39	3,6
16	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	36	36	38	44	39	450

TT	Thông số	Đơn vị	KẾT QUẢ				QCVN 40:2011/ BTNMT Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
			12/04/2022	13/04/2022	14/04/2022	15/04/2022	16/04/2022
17	Clo dư	mg/L	0,43	0,35	0,50	0,43	0,50
18	Coliform	MPN/100mL	$4,6 \times 10^2$	$4,6 \times 10^2$	$4,6 \times 10^2$	$3,9 \times 10^2$	$4,3 \times 10^2$
19	Magie (Mg)	mg/L	6,25	6,08	6,14	6,60	6,25
							-

Ghi chú:

“--”: Không quy định.

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Nhận xét:

- Các thông số đều đạt tiêu giới hạn tiếp nhận nước thải của QCVN 40:2011/BTNMT.

- Hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở hoạt động hiệu quả. Cơ sở sẽ tiếp tục duy trì sự ổn định của hệ thống đảm bảo nước thải sau xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Hiện nay hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Hoàng Hùng có công suất 1.600 m³/ngày, đêm đã được xây dựng hoàn thành và thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm dự kiến kết thúc sau 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Công suất sản xuất trong giai đoạn vận hành thử nghiệm ước tính khoảng 70% công suất đăng ký.

Để đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải, Công ty dự kiến sẽ phối hợp đơn vị có chức năng để thực hiện đo đạc lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải để cho thấy sự hiệu quả trong xử lý theo đúng quy định.

Bảng 6. 1. Kế hoạch lấy mẫu dự kiến

STT	Loại công trình	Giai đoạn điều chỉnh	Giai đoạn ổn định
1	Nước thải	10/08/2022 – 10/10/2022	11/10/2022 – 10/11/2022

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

a. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 6. 2. Kế hoạch lấy mẫu chất thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tần suất lấy mẫu
Giai đoạn vận hành ổn định			
1	Nước thải sau xử lý của HTXLNTTT	Lưu lượng, pH, TSS, BOD ₅ , COD, dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, độ màu, sunfua, coliform, clorua, clo dư, Fe, Cu, Mg*, Zn, Ni, Amoni (theo N)	Tần suất quan trắc nước thải: 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định

b. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch

Để đánh giá hiệu quả trong xử lý nước thải, Công ty sẽ phối hợp với Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng để thực hiện lấy mẫu đo đạc, phân tích các chỉ tiêu quy định để đánh giá được chất lượng môi trường nước và khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

Thông tin về Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng:

- Tên tổng Công ty: Công ty TNHH TMDV Tư vấn Môi trường Tân Huy Hoàng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0312014368, đăng ký lần đầu ngày 18/10/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/04/2015.
- Trụ sở chính: B24, Cư xá Thủy Lợi 301, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM.
- Chi nhánh/ Phòng thử nghiệm: 10/46 Lê Quý Đôn, KP.4, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh: Số 2, Lê Hồng Phong, KP Đông Thành, P. Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
- Lĩnh vực hoạt động: Phân tích và đo đạc các yếu tố môi trường: đất, nước, không khí.
- Người đại diện: Ông Lê Gia Khánh – Giám đốc Công ty.

Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng đã được Bộ Khoa Học và Công Nghệ - Văn Phòng Công Nhận Chất Lượng cấp chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2005 – VILAS 778 ngày 21/10/2014.

Công ty được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường số VIMCERTS 076 cấp lần 05 kèm theo quyết định số 581/QĐ-BTNMT ngày 02/04/2021 về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

Bảng 6. 3. Tổng hợp chương trình quan trắc môi trường định kỳ

STT	Thành phần quan trắc	Vị trí giám sát	Ký hiệu	Tần suất	Thông số	Tiêu chuẩn/quy chuẩn so sánh
I	Giám sát nước thải					
I.1	Giám sát nước thải định kỳ					
1	Nước thải	Hồ thu gom nước thải đầu vào	NT1	03 tháng/lần	Lưu lượng, pH, TSS, BOD ₅ , COD, dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, độ màu, sunfua, coliform,	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0,9; Kf=1
2		NT sau xử lý của HTXLNTTT	NT2			

STT	Thành phần quan trắc	Vị trí giám sát	Ký hiệu	Tần suất	Thông số	Tiêu chuẩn/quy chuẩn so sánh
					clorua, clo dư, Fe, Cu, Mg*, Zn, Ni, Amoni (theo N)	
I.2 Giám sát nước thải liên tục, tự động						
I	Nước thải	Nước thải trước khi xả ra suối Bến Ván	NT3	24/24 giờ	Nhiệt độ, pH, COD, TSS, lưu lượng, amoni	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0,9; Kf=1
II Giám sát nước mặt						
1	Nước mặt	Suối Đồng Cò cách điểm xả nước thải của dự án 100m về phía hạ nguồn	NM1	03 tháng/lần	pH, COD, BOD ₅ , SS, NH ₄ ⁺ , NO ₂ ⁻ , NO ₃ ⁻ , Fe, As, Pb, Cd, Cu, Zn, Coliform, dầu mỡ khoáng, độ màu	QCVN 08:2015/BTNMT, cột A2
2		Suối Bến Ván cách điểm xả nước thải của dự án 1,5km về hạ nguồn	NM2			
III Giám sát chất lượng đất						
1	Đất	01 mẫu tại khu vực đặt trạm xử lý NTTT	Đ	06 tháng/lần	pH, As, Cd, Cu, Pb, Zn	QCVN 03-MT:2015/BTNMT
IV Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại						
1	Chất thải rắn thông thường	Tại khu vực lưu trữ chất thải rắn.	CTR	Liên tục	- Khối lượng, hóa đơn. - Công tác quản lý và kiểm soát việc lưu giữ, giao xử lý chất thải rắn.	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT
2	Chất thải nguy hại	Tại khu vực lưu trữ CTNH.	CTNH	Liên tục	- Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ. - Công tác quản lý và kiểm soát việc lưu giữ, giao xử lý chất thải rắn.	

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hằng năm của cơ sở như sau:

*** Nhân công, vận chuyển, viết báo cáo**

- Chi phí nhân công lấy mẫu: 2 nhân công/lần x 4 lần x 200.000 đồng/nhân công = 1.600.000 đồng.

- Chi phí vận chuyển: 1.000.000 đồng/chuyến x 4 chuyến = 4.000.000 đồng/năm.

- Chi phí viết báo cáo: 5.000.000 đồng/lần x 1 lần = 5.000.000 đồng.

- Chi phí cho lấy mẫu, đo đạc, phân tích các thông số môi trường được thực hiện bởi các đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện.

Bảng 6. 4. Tổng kinh phí dự toán cho giám sát môi trường hàng năm của Cơ sở

STT	Hạng mục	Kinh phí (VNĐ)
1	Giám sát chất lượng nước thải	10.000.000
2	Giám sát chất lượng nước mặt	10.000.000
3	Giám sát chất lượng đất	10.000.000
4	Giám sát chất thải rắn	2.000.000
5	Nhân công – vận chuyển	5.600.000
6	Viết+ In+photo đóng cuốn báo cáo	5.000.000
Tổng cộng		42.600.000

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Từ năm 2020 đến nay, Cơ sở không có các Cơ quan quản lý nhà nước nào có liên quan đến thanh tra, kiểm tra về việc bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Hoàng Hùng- Chủ cơ sở xin cam kết:

- Công ty TNHH Hoàng Hùng cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Công ty TNHH Hoàng Hùng cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Nghiêm túc thực hiện các biện pháp khống chế nguồn ô nhiễm phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng phương án kỹ thuật đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này.
- Đảm bảo kinh phí đầu tư các công trình xử lý môi trường cũng như kinh phí thực hiện chương trình giám sát môi trường.
- Đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của dự án nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường
- Cam kết hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành và phải được xác nhận của các cơ quan chức năng trước khi đi vào hoạt động chính thức.
- Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đã được phê duyệt.
- Có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.
- Công khai thông tin, lưu giữ, cập nhật số liệu môi trường và báo cáo về việc thực hiện nội dung của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được phê duyệt của dự án.
- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ và nộp Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.
- Cam kết thực hiện đầy đủ các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường theo đúng quy định hiện hành trong trường hợp các hệ thống xử lý môi trường của dự án hư hỏng gây ô nhiễm môi trường.
- Trong quá trình hoạt động có yếu tố môi trường nào phát sinh chúng tôi sẽ trình báo ngay với các cơ quan quản lý môi trường địa phương và các cơ quan có

chuyên môn để xử lý ngay nguồn ô nhiễm này.

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên./.

PHỤ LỤC 1: CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3701624019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 30/09/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13/05/2022.
2. Quyết định chủ trương đầu tư số 2974/QĐ-UBND ngày 11/10/2019.
3. Quyết định chủ trương đầu tư số 3098/QĐ-UBND ngày 24/10/2019.
4. Sổ đất cụm nhà xưởng.
5. Giấy phép xây dựng số 776/GPXD ngày 05/03/2020 được phép xây dựng các công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm nhà xưởng cho thuê do UBND tỉnh Bình Dương cấp.
6. Giấy phép xây dựng số 976/GPXD ngày 20/03/2020 được phép xây dựng các công trình thuộc dự án “Cụm nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Hoàng Hùng” do UBND tỉnh Bình Dương cấp.
7. Giấy phép xây dựng số 2707/GPXD ngày 20/07/2020 được phép xây dựng trạm xử lý nước công suất 1.600 m³/ngày.đêm do UBND tỉnh Bình Dương cấp.
8. Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng số 03/NTHT ngày 22/04/2021 hạng mục Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải của Dự án
9. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 253/QĐ-STNMT ngày 03/03/2020 do UBND tỉnh Bình Dương cấp.
10. Công văn số 2359/STNMT-CCBVMТ về việc điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng diện tích 384.561 m²”.
11. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 41/TD-PCCC ngày 15/01/2020 do Phòng CS PCCC và CNCH cấp.
12. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 93/TD-PCCC ngày 24/02/2020 do Phòng CS PCCC và CNCH cấp.
13. Công văn chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình: Nhà xưởng 8, Nhà xưởng 9 số 258/PC07-CTPC ngày 15/04/2021 do Phòng CS PCCC và CNCH cấp.

14. Công văn chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình: Cụm nhà xưởng cho thuê, công trình phụ trợ; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cụm nhà xưởng cho thuê số 302/PC07-CTPC ngày 29/04/2021 do Phòng CS PCCC và CNCH cấp.
15. Công văn chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của công trình nhà xưởng 5, nhà xưởng 11, nhà xưởng 12, nhà xưởng 13, 08 nhà văn phòng 3 của các xưởng (03 nhà văn phòng xưởng 6, 03 nhà văn phòng xưởng 7, 01 nhà văn phòng xưởng 11) số 49/NT-PC07-CTPC ngày 25/01/2022 do Phòng CS PCCC và CNCH cấp.
16. Kết quả phân tích

PHỤ LỤC 2: CÁC BẢN VẼ

1. Bản vẽ mặt bằng tổng thể toàn Cơ sở.
2. Bản vẽ thoát nước mưa
3. Bản vẽ thoát nước thải
4. Sơ đồ vị trí GSMT Nhà máy
5. Bản vẽ HTXL nước thải
6. Bản vẽ bể tự hoại

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3701624019

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 09 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 13 tháng 05 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG HUNG COMPANY LIMITED.

Tên công ty viết tắt: HOHUCO.,LTD.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 26 Đường M, Khu Trung tâm Hành chính, Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 02743737378

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ

200.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN CẢNH THIÊN	Việt Nam	92 Đường K, Khu trung tâm hành chính, khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	160.000.000.000	80,000	040075040912	

2	NGUYỄN CẢNH THÀNH	Việt Nam	Số 6 Đường S, Khu trung tâm hành chính, khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	40.000.000.000	20,000	040082066666	
---	-------------------------	----------	---	----------------	--------	--------------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN CẢNH THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/11/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040082066666

Ngày cấp: 27/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 6 Đường S, Khu trung tâm hành chính, khu phố Nhị Đồng 2,
Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 6 Đường S, Khu trung tâm hành chính, khu phố Nhị Đồng 2,
Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam



K.T. **TRƯỞNG PHÒNG**
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lâm Ngọc Thịnh

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 574/BC-SKHĐT ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc quyết định chủ trương thực hiện dự án của Công ty TNHH Hoàng Hùng,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư:

Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG; (tổ chức kinh tế vốn đầu tư trong nước) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 3701624019, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 9 năm 2009 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp; địa chỉ trụ sở chính tại số 36/36, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NGUYỄN CẢNH THÀNH; sinh ngày 03 tháng 11 năm 1982; quốc tịch Việt Nam; chứng minh nhân dân số 281073213 do Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 17 tháng 11 năm 2012; địa chỉ thường trú tại số 27/27 khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay số 27/27 khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; chức vụ Giám đốc.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: Cụm Nhà Xưởng Cho Thuê.
2. Mục tiêu dự án: Cụm nhà xưởng cho thuê (đối với các ngành nghề sản xuất sạch, ít gây ô nhiễm môi trường, không thu hút ngành nghề phát sinh nhiều nước thải như nhuộm, tẩy, xi mạ, giấy).
3. Quy mô của dự án: Diện tích nhà xưởng: 207.414,1m².
4. Địa điểm thực hiện dự án: thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
5. Diện tích đất sử dụng: 370.855,4m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 800.000.000.000 (Tám trăm tỷ) đồng Việt Nam.

- Vốn góp để thực hiện dự án: 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng Việt Nam.

Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

Số TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	
1	Công ty TNHH Hoàng Hùng	200.000.000.000	-	100

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm.

8. Tiến độ thực hiện dự án: kể từ ngày cấp quyết định chủ trương đầu tư

- Đền bù, giải phóng mặt bằng: 05 tháng.

- Hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng: 12 tháng.

- Tiến độ thu hút đầu tư lắp đầy: 24 tháng.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn có liên quan và các quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu: Theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

3. Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất: Theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

- Nhà đầu tư phải thực hiện ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 42 Luật Đầu tư năm 2014, Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và đảm bảo các điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Điều 58 Luật Đất đai năm 2013.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Đề nghị Công ty TNHH nông sản Nhật Đại thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động dự án trang trại trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm tại thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Nhà đầu tư phải thực hiện việc xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động, đảm bảo không ảnh hưởng tới môi trường sống và có phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ tại địa điểm thực hiện dự án trong quá trình hoạt động theo đúng quy định pháp luật Việt Nam hiện hành. Trong quá trình hoạt động nếu Nhà đầu tư để xảy ra ô nhiễm môi trường, ảnh

hưởng đến các đối tượng xung quanh thì chủ trương đầu tư này không còn hiệu lực thực hiện.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm tiến hành các thủ tục để được giao đất hoặc thuê đất của Nhà nước trước khi triển khai thực hiện dự án và có nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất cho Nhà nước kể từ khi hoàn thành thủ tục giao đất hoặc thuê đất đối với diện tích đất sử dụng tại địa điểm dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Về cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào: Công ty TNHH Hoàng Hùng phải thực hiện cam kết hỗ trợ và cùng chính quyền địa phương huyện Bàu Bàng đầu tư hệ thống đường nối giao thông nối từ trục chính vào khu dự án theo đúng tiêu chuẩn đường giao thông cấp huyện để sạch đẹp khu vực thực hiện dự án đồng thời thuận tiện trong việc thu hút đầu tư.

- Nhà đầu tư liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan để được hướng dẫn thực hiện các thủ tục về đất đai và xây dựng, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ theo quy định; đảm bảo các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

Điều 4. Thời hạn hiệu lực của Quyết định chủ trương đầu tư: 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký Quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 5. Quyết định này được lập thành 03 (ba) bản. Một bản cấp cho Nhà đầu tư. Một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh./. *g*

Nơi nhận:

- CT và các PCT;
- Như Điều 5;
- Các Sở: TNMT, XD, CT, CA tỉnh, GTVT;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- LĐVP (Lg), Tạo, KTN, TH;
- Lưu: VT, *uc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm

Số: 3098 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 24 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét kiến nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 604/BC-SKHĐT ngày 22/10/2019 về việc điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Công ty TNHH Hoàng Hùng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh khoản 4, Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

"4. Địa điểm thực hiện dự án: thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

5. Diện tích đất sử dụng: 384.561m². Trong đó:

- Diện tích 370.855,4m² (phù hợp quy hoạch sử dụng đất) thực hiện dự án cụm nhà xưởng cho thuê.

- Diện tích 13.705,4 m² (không phù hợp quy hoạch sử dụng đất) đất trồng cây lâu năm và đất giao thông."

Điều 2. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2974/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này được lập thành 03 (ba) bản. 01 (một) bản cấp cho Nhà đầu tư. 01 (một) bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT;
- Như Điều 3;
- Các Sở: TNMT, XD, CT, CA tỉnh, GTVT;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- LĐVP (Lg, Th), Tạo, Tiền, TH;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 678 ở bán đồ số: 42
b) Địa chỉ: thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.
c) Diện tích: 370.855,6m² (bằng chữ: Ba trăm bảy mươi nghìn, tám trăm năm mươi lăm phẩy sáu mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 363.969,7m², đất trồng cây lâu năm 6.885,9m².
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 11/10/2069
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	DT sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng 1	12.180	12.180	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 2	10.985	10.985	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 3	11.830	11.830	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 4	11.830	11.830	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 5	12.530	12.530	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 6	23.807	23.807	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 7	11795	11795	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 8	11795	11795	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 9	11795	11795	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 10	11795	11795	Sở hữu riêng	II	-/-

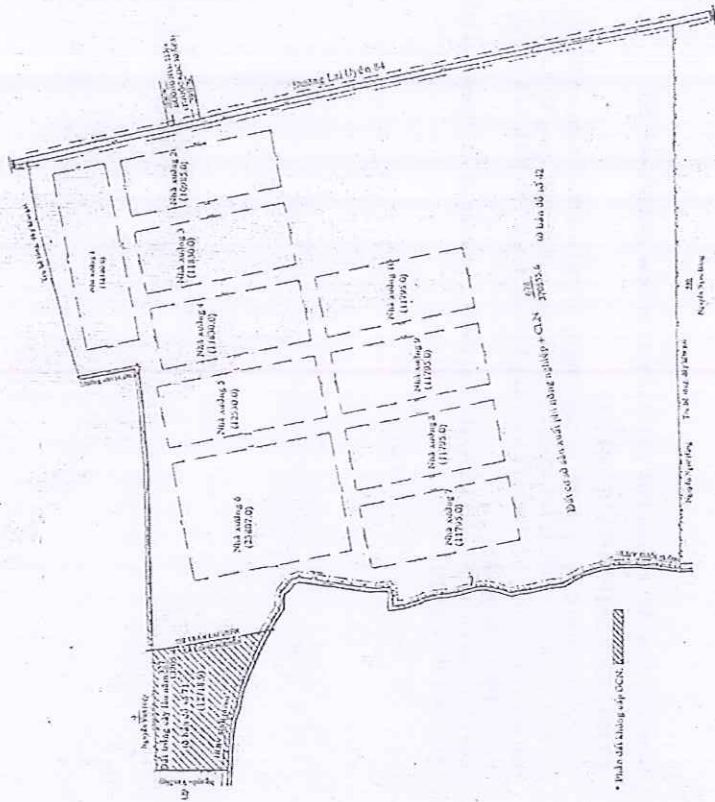
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú:

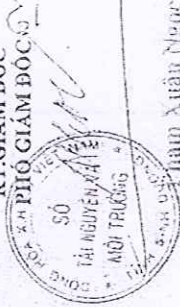
- Thừa đất số 678, tờ bản đồ số 42 có 3.680,3m² đất trồng cây lâu năm thuộc HLAT đường bộ; 3.205,6m² đất trồng cây lâu năm thuộc hành lang bảo vệ suối; Thực hiện theo quy định về hành lang an toàn đường bộ và hành lang bảo vệ suối.
- Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên thửa đất đã được cấp GCN (GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 833414 ngày 23/12/2020).
- Giấy chứng nhận QSDĐ này còn kèm theo 01 Giấy chứng nhận có seri số: CY 375088

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Bình Dương, ngày 16 tháng 5 năm 2021
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
KT. GIÁM ĐỐC



Số vào sổ cấp GCN: CT76718



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3701624019, đăng ký lần đầu ngày 30/9/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/07/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp

Địa chỉ trụ sở chính: Số 36/36, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

CY 375091

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2582221125369

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất: Thông tin về thừa đất được quyền sử dụng thể hiện trên giấy chứng nhận có seri số CY 375091

a) Thừa đất số: 10

b) Địa chỉ:

c) Diện tích:

d) Hình thức sử dụng:

e) Mục đích sử dụng:

f) Thời hạn sử dụng:

g) Nguồn gốc sử dụng:

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	DT sản (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng 11	11.795	11.795	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 12	11.795	11.795	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 13	11.795	11.795	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 14	10.745	10.745	Sở hữu riêng	II	-/-
Nhà xưởng 15	9485	9485	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 16	8295	8295	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 17	7175	7175	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà xưởng 18	5757	5757	Sở hữu riêng	III	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Thừa đất số 678, tờ bản đồ số 42 có 3.680,3m² đất trồng cây lâu năm thuộc HLAT đường bộ: 3.205,6m² đất trồng cây lâu năm thuộc hành lang bảo vệ môi trường quy định về hành lang an toàn đường bộ và hành lang môi trường.

- Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên thừa đất đã được cấp GCN (GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 833414 ngày 23/12/2020).

- Giấy chứng nhận QSDĐ này còn kèm theo 01 Giấy chứng nhận có seri số: CY 375091

Bình Dương, ngày 08 tháng 3 năm 2021

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

KT. GIÁM ĐỐC

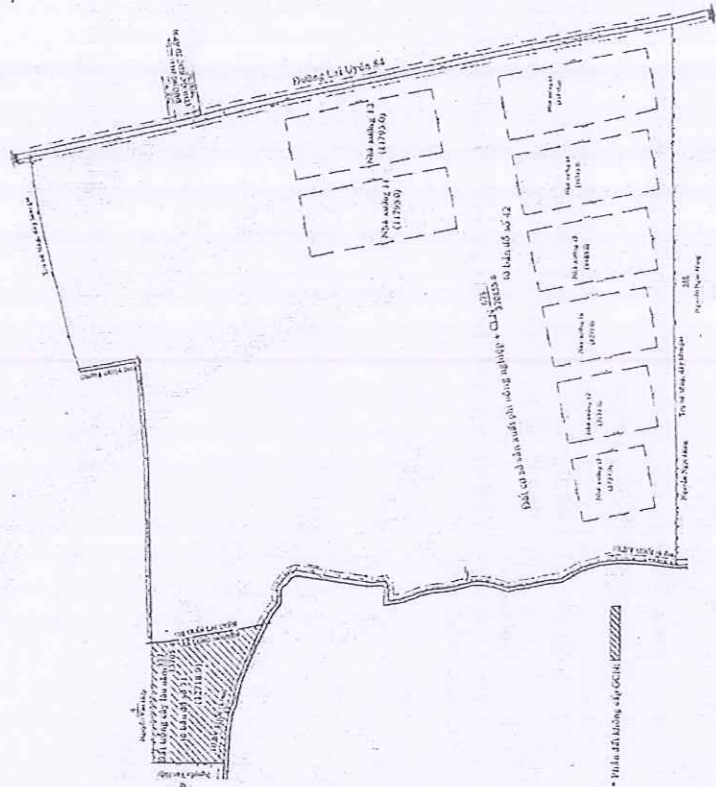
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

PHẠM XUÂN NGỌC

Số và số cấp GCN: C176718

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 3701624019, đăng ký lần đầu ngày 30/9/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/7/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp

Địa chỉ trụ sở chính: Số 36/36, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

CY 375088

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 5 8 2 2 2 1 1 2 5 3 6 9

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 776 /GPXD

1. Cấp cho: Công Ty TNHH Hoàng Hùng.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 36/36, Kp Nhị Đồng 2, P. Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng các công trình Hạ tầng kỹ thuật Cụm nhà xưởng cho thuê:

- Tổng số hạng mục công trình gồm: 09 hạng mục hạ tầng kỹ thuật.

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu:

+ Hạng mục san nền: SN-01 đến SN-14, KE-01 đến KE-08.

+ Hạng mục giao thông: GT-01 đến GT-173.

+ Hạng mục thoát nước mưa: TNM-01 đến TNM-72.

+ Hạng mục cấp nước, phòng cháy chữa cháy: CN-01 đến CN-12.

+ Hạng mục thoát nước thải: TNT-01 đến TNT-23.

+ Hạng mục cấp điện: CD-01 đến CD-23.

+ Hạng mục điện chiếu sáng: CS-01 đến CS-06.

+ Hạng mục thông tin liên lạc: TT-01 đến TT-03.

+ Hạng mục cây xanh: CX-01 đến CX-02.

- Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng Kiến Xanh.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc Quy hoạch Xây dựng An Lạc.

- Địa điểm xây dựng công trình: thị trấn Lai Uyên và xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Gồm các hạng mục hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết được duyệt; cụ thể gồm các nội dung như sau:

2.1 San nền:

San nền dựa trên tài liệu khảo sát địa hình, tuân thủ cao độ các đường giao thông hiện hữu. Hướng dốc san nền chính là hướng Đông sang Tây và từ Bắc xuống Nam, hệ số đầm nén $K=1,22$. Khối lượng đất đào là $252.767,2m^3$, khối lượng đất đắp là $275.330,88m^3$, cao độ thấp nhất là 29,32m, cao độ cao nhất là 36,58m. Xây kè đá hộc dọc bờ suối, chiều dài tuyến kè khoảng 700m.

2.2 Giao thông:

a. Các tuyến đường:

* *Giao thông đối ngoại:*

- Đường Lai Uyên 84 phía Đông: Đoạn đi qua dự án được mở rộng với lộ giới khoảng 12m (Theo giấy phép thi công số 181/GPXD ngày 27/12/2019 của

UBND huyện Bàu Bàng cấp phép thi công công trình Nâng cấp tuyến đường Lai Uyên – 84).

** Giao thông đối nội:*

- Đường giao thông nội bộ có vỉa hè trồng cỏ, lát gạch lối đi 1,5m dành cho người đi bộ, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đi dưới lòng đường hoặc trong phần đất cây xanh thảm cỏ, phần đi ngầm dưới lòng đường được thiết kế chịu lực phù hợp theo quy định.

- Các trục giao thông chính (đường số 2, đường số 4, đường số 5, đường số 6, đường số 12) trải nhựa nóng cấp cao A1, các tuyến còn lại sẽ được làm bê tông xi măng. Dọc theo các trục đường có vạch sơn phân làn đường dành cho người đi bộ và đường xe cơ giới.

- Gồm các tuyến:

+ Đường số 1: Lòng đường rộng 6,0m; Thảm cỏ trái 2,0m, phải 0m.

+ Đường số 2: Lòng đường rộng 8,0m. Đoạn 1: Thảm cỏ 5,0m x 2 bên. Đoạn 2: Thảm cỏ trái 3,0m, phải: 0m.

+ Đường số 4: Lòng đường rộng 30,0m; Thảm cỏ 4,0m x 2 bên.

+ Đường số 5,12: Lòng đường rộng 8,0m; Thảm cỏ trái 3m; phải 0m.

+ Đường số 6: Lòng đường rộng 9,0m. Đoạn 1: Thảm cỏ trái 5,5m, phải: 1m. Đoạn 2: Thảm cỏ trái 2,8m, phải: 1m.

+ Đường số 3,7,8,9,10,11: Lòng đường rộng 8,0m; Thảm cỏ 5,0m x 2 bên.

- Bán kính cong tại các giao lộ: 5-16m, vật góc theo tầm nhìn giao thông.

b. Kết cấu nền đường: Sau khi thi công xong phần nền hạ, nền đường được đắp lớp sỏi đỏ để tăng cường độ nền đường. Lớp sỏi đỏ dày 30 cm đạt độ chặt $K \geq 0,98$; $E_0=60,0$ Mpa.

c. Kết cấu áo đường (tính từ dưới lên trên):

* Loại 1: Kết cấu mặt đường có $E_{yc}=155$ Mpa; Lớp cấp phối đá 0x4 dày 40cm, $K=0,98$; Tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn 1,0 kg/m²; Lớp bê tông nhựa chặt C19 dày 5cm, $K \geq 0,98$; Tưới nhựa dính bảm CSS-1H, tiêu chuẩn 0,5kg/m²; Lớp bê tông nhựa chặt C12,5 dày 3cm, $K \geq 0,98$.

* Loại 2: Lớp cấp phối đá 0x4 dày 25cm, $K=0,98$; Lớp nilong chống mất nước; Lớp bê tông xi măng đá 1x2 M250, dày 22cm.

d. Kết cấu bó vỉa: Bó vỉa được đúc bằng bê tông đá 1x2, M250, bê tông lót móng bó vỉa sử dụng bê tông đá 1x2 M150.

e. Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí biển báo giao thông, vạch sơn đảm bảo theo QCVN 41:2016/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

2.3. Cây xanh:

- Cây xanh tập trung: Thực hiện theo Quy hoạch chi tiết được duyệt. Cây xanh trồng tập trung và bổ sung diện tích cây xanh bằng cây xanh phân tán tại khu

ực xung quanh nhà xưởng, hành chính dịch vụ và trồng dọc trục đường tiếp giáp ranh đất bên ngoài. Trồng xen cây bụi, cỏ dưới bồn cây tạo tiểu cảnh.

- Cây đường phố: Cây xanh bố trí 2 bên đường khoảng cách trung bình 8-10m/cây, chủng loại cây trồng sử dụng: Chọn các loại cây ít ảnh hưởng đến kết cấu mặt đường, công trình, sân bãi, ít rụng lá như cây: Sao, dầu, bằng lăng, sứ, muồng bò cạp,... Cây có chiều cao tối thiểu từ 3,0m trở lên và đường kính thân cây $\geq 100\text{mm}$. Cây trồng trong bồn có kích thước 0,8x0,8m, đúc bằng bê tông M200 có bề rộng 100mm.

2.4. Hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa của dự án được tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Toàn bộ nước mưa được thu gom theo các tuyến cống nước mưa trên các trục đường, sau đó theo tuyến cống chính D1000mm trên đường số 3, đường số 4, đường số 5 thoát về suối hiện hữu ở phía Tây dự án thông qua 3 cửa xả thoát nước mưa D1500mm.

- Cống thoát nước mưa được bố trí hai bên đường, sử dụng loại cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn đường kính D600mm- D1000mm. Cống thoát nước bố trí 02 bên đường. Đối với những đoạn cống băng đường sử dụng loại cống chịu tải trọng lớn H30, các cống trên vỉa hè sử dụng cống bê tông cốt thép chịu tải trọng H10.

- Hướng dốc chính thoát nước mưa là hướng Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây theo hướng dốc của địa hình san lấp. Khoảng cách giữa các hố ga thu nước mưa bố trí từ 20m - 30m. Độ sâu chôn cống tối thiểu là 0,5m - 0,7m. Nối cống với hình thức ngang đỉnh cống.

2.5. Hệ thống thoát nước thải:

Thiết kế hệ thống thoát nước thải tách riêng với hệ thống cống thoát nước mưa. Nước thải sinh hoạt trước khi đổ vào hệ thống đường cống gom phải được xử lý cục bộ trong từng công trình. Tất cả các khu vệ sinh đều phải có bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ.

a. Nguồn tiếp nhận: Toàn bộ nước thải của khu quy hoạch được thu gom về trạm xử lý nước thải để xử lý. Tại đây nước thải được xử lý phải đạt tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành, nước qua xử lý sau đó sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

b. Cấu tạo cống, hố ga:

- Cống thoát nước thải sử dụng cống HDPE đường kính D200mm - D300mm. Độ dốc đặt cống dao động trong khoảng 0,5% đến 2,0%. Độ sâu chôn cống tối thiểu đối với cống thoát nước thải là 0,7m.

- Giếng thu có kích thước mặt bằng bên trong lọt lòng là 800x800mm có móng bê tông đá 4x6 M100 (B7.5) dày 100mm, dưới là lớp cát lót đầm chặt dày 100mm, thành đổ bê tông đá 1x2, M200 dày 150mm.

- Giếng thăm có kích thước mặt bằng bên trong lọt lòng là 1000x1000mm có móng bê tông đá 4x6, M100 dày 100mm, dưới là lớp cát lót đầm chặt dày 100mm, thành đổ bê tông đá 1x2, M200 dày 150mm.

- Hố ga đặt tại các giao điểm của ống thoát hoặc tại vị trí ống đổi hướng. Khoảng cách giữa các hố ga trung bình khoảng 30m. Đan nắp giếng thu, giếng thăm làm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200 (B15), xung quanh gia cố bằng thép hình L30x30x3cm, L50x50x3cm.

2.6. Cấp nước và phòng cháy chữa cháy:

- Nguồn cấp: Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ tuyến ống cấp nước hiện hữu ở D200mm trên đường ĐH.610 cách dự án khoảng 490m đi theo đường Lai Uyên 84 về phía Nam.

- Tuyến ống cấp nước chính của dự án có đường kính D200mm. Các tuyến ống nhánh cấp nước được đầu nối với tuyến ống chính cấp nước này. Mạng lưới cấp nước thiết kế dạng mạng vòng. Đường ống cấp nước sử dụng ống uPVC đường kính D150mm – D200mm. Những nơi ống cấp nước băng đường phải lắp đặt ống lồng bên ngoài (ống STK).

- Xây dựng 04 bể nước ngầm để cấp nước phòng cháy và sản xuất. Từ bể nước ngầm bố trí các máy bơm chữa cháy để cấp nước chữa cháy trong 3 giờ cho khu vực có cháy xảy ra. Trụ cứu hỏa có đường kính D150mm. Bố trí 36 trụ cứu hỏa với khoảng cách giữa hai trụ cứu hỏa gần nhất không lớn hơn 120m.

2.7. Cấp điện:

Nguồn cấp điện: Từ tuyến dây hiện hữu 22kV nằm trên đường Lai Uyên 84 hiện hữu phía Đông của dự án.

a. Trạm biến áp: Xây dựng 10 trạm biến áp. Hình thức trạm biến áp là trạm gói (trạm công cộng) gồm 03 trạm công suất III-560kVA; 07 trạm công suất III-630kVA đặt trên trụ ngoài trời.

b. Mạng lưới trung thế: Tuyến trung thế 22kV được đầu nối từ tuyến 22kV đi nổi trên trụ bê tông ly tâm cao 14m hiện hữu trên đường Lai Uyên 84 kéo về trạm biến áp trong khu. Mạng lưới điện trung thế được thiết kế đi nổi trên vỉa hè đến trạm biến áp. Dây trung thế đi nổi sử dụng cáp ACX-3x240mm²+As-120mm².

c. Mạng lưới hạ thế: Xây dựng hệ thống mương cáp và dây cáp hạ thế đi ngầm. Từ trạm biến áp lưới điện hạ thế phân phối đến các tủ phân phối hạ thế, dây dẫn hạ thế được luồn trong ống HDPE xoắn chịu lực D100mm - D200mm chôn trực tiếp trong đất. Mương cáp bố trí cách chỉ giới xây dựng 1,5m. Hố ga cáp ngầm: Kích thước 1200x1200x1200mm được đúc bằng BTCT đá 1x2, M200, thành hố dày 150mm, đáy hố được lót đá 4x6 dày 100mm, nắp được bằng bê tông cốt thép.

d. Hố ga cáp ngầm: Kích thước 1200x1200x1200mm được đúc bằng Bê tông cốt thép đá 1x2, M200(B15), thành hố dày 150mm, đáy hố được lót đá 4x6 dày 100mm, nắp được bằng bê tông cốt thép.

2.8. Hệ thống chiếu sáng:

- Nguồn cấp điện cho hệ thống chiếu sáng được lấy từ trạm biến áp T3-III-560KVA, T9-III-630KVA. Bố trí 02 tủ chiếu sáng TCS1T3 và TCS2T9. Toàn bộ lưới điện chiếu sáng đều được bố trí đi ngầm trên trụ đèn STK 8m.

- Khoảng cách giữa các đèn từ 25m – 40m. Cản đèn đơn cao 1m, vươn 1,7m, góc nghiêng cản đèn 15°, sử dụng đèn tiết kiệm năng lượng (LED).

2.9. Hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn thông tin liên lạc được lấy từ hệ thống thông tin hiện hữu đi nổi trên đường Lai Uyên 84 hiện hữu phía Đông của dự án.
- Hệ thống thông tin được thiết kế đi ngầm. Bố trí 02 trạm BTS.
- Cáp quang được luồn trong ống PVC D110mm chuyên ngành thông tin. Bể cáp thông tin liên lạc được xây bằng bê tông đá 1x2 M200 dày 200mm. Nắp hố cáp sử dụng nắp bê tông cốt thép 1000x700mm. Kích thước lọt lòng của hố cáp thông tin liên lạc là 400x700mm.
- Độ chôn sâu của cống cáp tính từ lớp ống nhựa trên cùng đến mặt đất $\geq 0,5\text{m}$ đối với cống trên hè và $\geq 0,7\text{m}$ đối với cống đi băng ngang đường.

3. Giấy tờ về đất và các giấy tờ khác có liên quan:

3.1. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất:

- Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Hoàng Hùng chuyển mục đích sử dụng đất với hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê cho dự án Cụm nhà xưởng cho thuê, thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3.2. Các văn bản pháp lý có liên quan:

- Văn bản số 2974/UBND-KTN ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận cho Công ty TNHH Hoàng Hùng làm chủ đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê.
- Văn bản số 3098/UBND-KTN ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư cho dự án Cụm nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Hoàng Hùng làm chủ đầu tư.
- Quyết định số 3879/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm nhà xưởng cho thuê, thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Văn bản số/SXD-PTĐT&HTKT ngày/03/2020 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cụm nhà xưởng cho thuê;
- Quyết định số 16/QĐ ngày/03/2020 của Công ty TNHH Hoàng Hùng về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật Cụm nhà xưởng cho thuê tại thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Giấy chứng nhận Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 41/TD-PCCC do Bộ Công an- Cảnh sát PC&CC tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/01/2020 cho Dự án Cụm nhà xưởng cho thuê;
- Quyết định số 253/QĐ-STNMT của Sở Tài Nguyên và Môi trường ngày 03/03/2020 về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường Dự án Cụm nhà xưởng cho thuê do Công ty TNHH Hoàng Hùng làm chủ đầu tư;
- Giấy phép thi công số 181/GPXD ngày 27/12/2019 của UBND huyện Bàu Bàng cấp phép thi công công trình Nâng cấp tuyến đường Lai Uyên – 84.

4. Giấy phép xây dựng này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên phải gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD,PGD (b/c);
- UBND huyện Bàu Bàng (d/b);
- Phòng QLĐT huyện Bàu Bàng (p/h);
- Phòng PTĐT&HTKT, QLN;
- Lưu: VT, Tr, Ng.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Huỳnh Phạm Tuấn Anh

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



Bình Dương, ngày 20 tháng 3 năm 2020

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 976 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Hoàng Hùng.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 36/36, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Cụm nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Hoàng Hùng.

- Theo hồ sơ thiết kế xây dựng do Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Kiến Xanh lập, đã được Sở Xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng tại Văn bản số 974/SXD-QLXD ngày 20/3/2020.

- Đơn vị lập thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Kiến Xanh.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Hy An.

- Đơn vị thẩm định: Sở Xây dựng Bình Dương.

- Gồm các nội dung sau đây:

+ Địa điểm xây dựng công trình: thửa đất số 678, tờ bản đồ số 42 thị trấn Lai Uyên; thửa 327, tờ bản đồ số 71 xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo Bảng thống kê chỉ giới được phê duyệt tại Quyết định số 3879/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm nhà xưởng cho thuê, thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng.

+ Vị trí xây dựng công trình: Định vị công trình theo mặt bằng tổng thể.

+ Mật độ xây dựng: 57,26 %.

+ Hệ số sử dụng đất: 0,6.

+ Cao độ tại vị trí tìm đường trước dự án (giả định) là $\pm 0,00$ quy đổi về cao độ chuẩn quốc gia là +36,02m (Theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 của dự án Cụm nhà xưởng cho thuê, thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 3879/QĐ-UBND ngày 25/12/2019).

+ Cốt nền xây dựng dự án (cốt sân bãi, đường giao thông nội bộ) trung bình từ -7,8m đến +1,07m. Cao độ nền tại lối vào chính của dự án tại trục đường Số 4 là +1,07m.

- Tổng số công trình: 18 công trình và các hạng mục phụ.

2.1. Nhà xưởng 01:

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp II.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,40 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 12.180 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.2. Nhà xưởng 02:

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp II.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,40 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 11.045 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.3. Nhà xưởng 03, 04 (02 xưởng giống nhau):

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp II.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,40 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 11.890 m².

Tổng diện tích xây dựng 02 xưởng: 23.780 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.4. Nhà xưởng 05:

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp II.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,20 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 12.590 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.5. Nhà xưởng 06:

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp II.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,20 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 23.867 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.6. Nhà xưởng 07, 08, 09 (03 xưởng giống nhau):

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp II.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,40 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 11.855 m².

Tổng diện tích xây dựng 03 xưởng: 35.565 m²

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.7. Nhà xưởng 10, 11, 12 (03 xưởng giống nhau):

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp II.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,40 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 11.855 m².

Tổng diện tích xây dựng 03 xưởng: 35.565 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.8. Nhà xưởng 13:

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp II.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,40 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 11.795 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.9. Nhà xưởng 14:

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp II.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,40 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 10.745 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo

thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.10. Nhà xưởng 15:

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp III.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,40 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 9.485 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.11. Nhà xưởng 16:

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp III.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,40 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 8.295 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.12. Nhà xưởng 17:

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp III.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,40 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 7.175 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.13. Nhà xưởng 18:

Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: cấp III.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,40 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 5.985 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Cột, khung kèo thép. Tường xây gạch; phía trên ốp tôn. Cửa đi và cửa sổ bằng nhôm kính; xà gồ mái bằng thép, mái lợp tôn.

2.14. Nhà văn phòng 1 (01 văn phòng):

Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp III.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,45 m.

Chiều cao tầng 01 (tính từ cốt $\pm 0,00$ m): 4,0 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,25 m.

Số tầng: 03 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 240 m².

Tổng diện tích sàn xây dựng: 720 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng đơn, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Phần thân sử dụng kết cấu bê tông cốt thép bao gồm cột, dầm sàn; mái bằng bê tông cốt thép.

2.15. Nhà văn phòng 2 (01 văn phòng):

Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp III.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,45 m.

Chiều cao tầng 01 (tính từ cốt $\pm 0,00$ m): 4,0 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,25 m.

Số tầng: 03 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 465 m².

Tổng diện tích sàn xây dựng: 1.395 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng cọc, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Phần thân sử dụng kết cấu bê tông cốt thép bao gồm cột, dầm sàn; mái bằng bê tông cốt thép.

2.16. Nhà văn phòng 3 (12 văn phòng giống nhau):

Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp III.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,45 m.

Chiều cao tầng 01 (tính từ cốt $\pm 0,00$ m): 4,0 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 11,25 m.

Số tầng: 03 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 300 m².

Tổng diện tích sàn xây dựng 01 văn phòng: 900 m².

Tổng diện tích xây dựng 12 văn phòng: 3.600 m².

Tổng diện tích sàn xây dựng 12 văn phòng: 10.800 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng đơn kết hợp móng cọc, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Phần thân sử dụng kết cấu bê tông cốt thép bao gồm cột, dầm sàn; mái bằng bê tông cốt thép.

2.17. Vệ sinh chung (09 nhà vệ sinh giống nhau):

Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng; Cấp công trình: cấp IV.

Cốt nền công trình ($\pm 0,00$ m): Cao hơn cốt sân 0,2 m.

Chiều cao tầng 01 (tính từ cốt $\pm 0,00$ m): 3,5 m.

Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 3,4 m.

Số tầng: 01 tầng.

Diện tích xây dựng (diện tích chiếm đất của công trình): 60 m².

Tổng diện tích xây dựng 09 vệ sinh chung: 540 m².

Cấu trúc chịu lực chính: Móng đơn, dầm kiềng bằng bê tông cốt thép. Phần thân sử dụng kết cấu bê tông cốt thép bao gồm cột, dầm sàn; mái bằng bê tông cốt thép.

2.18. Các nội dung khác: dự án còn có các hạng mục công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật khác như: Bể xử lý nước thải; Bể nước PCCC; Trạm điện; Hệ thống Cấp điện, chiếu sáng tổng thể; Hệ thống Cấp thoát nước; Hệ thống PCCC.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M934662 (số vào sổ cấp GCN: 44QSĐĐ/1999) do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Nông sản Nhật Đại ngày 08/02/1999, đăng ký biến động ngày 09/9/2019.

Hợp đồng chuyển Quyền sử dụng đất thuê giữa Công ty TNHH Nông sản Nhật Đại và Công ty TNHH Hoàng Hùng (Công chứng tại Văn phòng công chứng Phú Thịnh ngày 25/10/2019, địa chỉ: 429, đường DT 743A, khu phố Đông Tác, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Văn phòng Đăng ký đất đai xác lập ngày 20/5/2019 và Sơ đồ phân vị trí do Văn phòng Đăng ký đất đai xác lập ngày 20/6/2019).

Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Hoàng Hùng chuyển mục đích sử dụng đất với hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại thị trấn Lai Uyên và xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: không có.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện Bàu Bàng (p/h);
- Thanh tra SXD (p/h);
- Lưu: VT, P. QLXD; Ttn.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phạm Tuấn Anh

I. Các giấy tờ pháp lý làm cơ sở cấp Giấy phép xây dựng:

- Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Cụm nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Hoàng Hùng.
- Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh khoản 4, Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.
- Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Hoàng Hùng chuyển mục đích sử dụng đất với hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê tại thị trấn Lai Uyên và xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M934662 (số vào sổ cấp GCN: 44/QSDD/1999) do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Nông sản Nhật Đại ngày 08/02/1999, đăng ký biến động ngày 09/9/2019.
- Hợp đồng chuyển Quyền sử dụng đất thuê giữa Công ty TNHH Nông sản Nhật Đại và Công ty TNHH Hoàng Hùng (Công chứng tại Văn phòng công chứng Phú Thịnh ngày 25/10/2019, địa chỉ: 429, đường ĐT 743A, khu phố Đông Tác, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương).
- Mạnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Văn phòng Đăng ký đất đai xác lập ngày 20/5/2019 và Sơ đồ phân vị trí do Văn phòng Đăng ký đất đai xác lập ngày 20/6/2019).
- Quyết định số 3879/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm nhà xưởng cho thuê thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng.
- Quyết định số 253/QĐ-STNMT ngày 03/03/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 93/TD-PCCC ngày 24/02/2020 của Cảnh sát PCCC & CNCH – Công an tỉnh Bình Dương (Cụm nhà xưởng cho thuê và công trình phụ trợ).
- Giấy phép xây dựng số 776/GPXD ngày 05/3/2020 của Sở Xây dựng cấp cho Công ty TNHH Hoàng Hùng (hạng mục Hạ tầng kỹ thuật).
- Văn bản số 973/SXD-QLXD ngày 20/3/2020 của Sở Xây dựng V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng Cụm nhà xưởng cho thuê do Công ty TNHH Hoàng Hùng làm chủ đầu tư.
- Văn bản số 974/SXD-QLXD ngày 20/3/2020 của Sở Xây dựng V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng dự án đầu tư xây dựng Cụm nhà xưởng cho thuê do Công ty TNHH Hoàng Hùng làm chủ đầu tư.

II. Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 20. tháng 07. năm 2020

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 2707/GPXD

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 36/36 Khu phố Nhị Đồng 2, Phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng công trình:

a) Tên công trình: Trạm xử lý nước công suất 1.600m³/ngày.đêm (Hệ thống xử lý nước thải Cụm nhà xưởng cho thuê).

b) Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

c) Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt tại Quyết định số 106/QĐ ngày 20.7/2020 của Công ty TNHH Hoàng Hùng, gồm 15 bản vẽ xây dựng (mặt bằng và các mặt cắt, kết cấu).

d) Do: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Kiến Xanh lập.

e) Đơn vị thẩm tra: Công ty Tư vấn Kiến trúc Quy hoạch Xây dựng An Lạc.

f) Gồm các nội dung sau:

- Vị trí xây dựng: Thuộc thửa đất số 678, Tờ bản đồ số 42 Thị trấn Lai Uyên và thửa 327, tờ bản đồ số 71 xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng theo Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Hoàng Hùng chuyển mục đích sử dụng đất.

- Các hạng mục xây dựng:

+ Bể thu gom: Diện tích xây dựng 9,65m x 3,37m = 32,52m² cao 5,3m (âm đất 4,8m; tính từ cốt san nền hoàn thiện)

+ Cụm bể xử lý, gồm: Bể tách dầu mỡ, Bể chứa dầu mỡ, Bể điều hòa, Bể phản ứng hóa lý, Bể lắng hóa lý, Bể thu bùn hóa lý, Bể sinh học thiếu khí, Bể sinh học hiếu khí, Bể lắng sinh học, Bể thu bùn sinh học, Bể khử trùng, Bể nén bùn; diện tích xây dựng 47m x 21,1m = 991,7m², cao 5,4m (âm đất 2,9m).

+ Nhà điều hành: Diện tích xây dựng (37,4m x 3,9m) + (21,1m x 3,0m) = 209,2m², cao 3,9m, 01 trệt.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty TNHH Hoàng Hùng chuyển mục đích sử dụng đất.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Không.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. *nhuoc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND huyện Bàu Bàng (d/b);
- GD, P.GD Sở (thay b/c);
- Thanh tra Sở (d/b);
- Phòng QLXD (d/b);
- Lưu: VT, Ln.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *nhuoc*



Phạm Tuấn Anh

5
DỰ
11 9'

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi Điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị Điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung Điều chỉnh/gia hạn:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Bình Dương, ngày tháng năm.....

GIÁM ĐỐC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

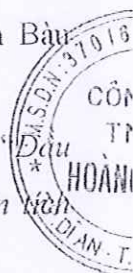
Bình Dương, ngày 22 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG
SỐ 03/NTHT

Dự án: Đầu tư xây dựng cụm nhà xưởng cho thuê 207.412m² trong tổng số diện tích đất 384.561m² tại Thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

Hạng mục: Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải của Dự án "Đầu tư xây dựng cụm nhà xưởng cho thuê 207.412m² trong tổng số diện tích đất 384.561m²"

Địa điểm: Thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương



1. Đối tượng được nghiệm thu

- Hệ thống xử lý nước thải Dự án Đầu tư xây dựng cụm nhà xưởng cho thuê 207.412m² trong tổng số diện tích đất 384.561m² tại Thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
- Địa điểm lắp đặt và nghiệm thu: Thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu

a. Đại diện bên giao thầu (Bên A): CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

- Ông: Nguyễn Cảnh Thành Chức vụ: Giám đốc

b. Đại diện bên nhận thầu (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI ACT

- Ông: Hồ Bá Tình Chức vụ: Giám đốc

- Ông: Đinh Xuân Tuấn Chức vụ: Chỉ huy trưởng

- Ông: Dương Văn Cường Chức vụ: CBKT

c. Đại diện đơn vị giám sát (Bên C): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DỊCH VỤ NAM VIỆT

- Ông: Đặng Văn Chiến Chức vụ: Giám đốc

- Ông: Nguyễn Đình Tiệp Chức vụ: Giám sát trưởng

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 08h30 ngày 22 tháng 4 năm 2021;
- Kết thúc: 10h30 ngày 22 tháng 4 năm 2021;
- Tại: Thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương

4. Đánh giá công việc đã thực hiện:

a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và chấp thuận;
- Hợp đồng số 01/2021/ACT-HT ngày 02/01/2021 giữa Công ty TNHH Hoàng Hùng và Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại ACT về Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải của Dự án “Đầu tư xây dựng cụm nhà xưởng cho thuê 207.412m² trong tổng số diện tích đất 384.561m²”;
- Thuyết minh biện pháp thi công được Chủ đầu tư phê duyệt;
- Thuyết minh quy trình xử lý nước thải;
- CO/CQ của thiết bị;

b) Về khối lượng công việc:

Bên nhận thầu đã thi công hoàn thành việc Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải của Dự án “Đầu tư xây dựng cụm nhà xưởng cho thuê 207.412m² trong tổng số diện tích đất 384.561m²” theo hợp đồng số 01/2021/ACT-HT ngày 02/01/2021 giữa Công ty TNHH Hoàng Hùng và Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại ACT theo đúng thiết kế, DTM đã được phê duyệt.

c. Về chất lượng công việc:

- Bên nhận thầu đã thực hiện việc Cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải của Dự án “Đầu tư xây dựng cụm nhà xưởng cho thuê 207.412m² trong tổng số diện tích đất 384.561m²” theo đúng thiết kế (theo DTM);
- Vật tư và thiết bị được bên nhận thầu sử dụng theo đúng công suất và xuất xứ.

d) Các ý kiến khác nếu có:

Yêu cầu bên nhận thầu chịu trách nhiệm bảo hành, bảo trì trong thời gian bảo hành và chuyển giao công nghệ

5. Kết luận :

- Đồng ý nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng: ☒
- Không đồng ý nghiệm thu: ☐

ĐẠI DIỆN
BÊN GIAO THẦU



ĐẠI DIỆN
BÊN NHẬN THẦU



ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án đầu tư cụm nhà xưởng cho thuê 207.412m²
trong tổng diện tích đất 384.561m²
tại thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
của Công ty TNHH Hoàng Hùng

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư cụm nhà xưởng cho thuê 207.412m² trong tổng diện tích đất 384.561m² tại thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Hoàng Hùng tại Tờ trình số 1517 /TTr-CCBVMT ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư cụm nhà xưởng cho thuê 207.412m² trong tổng diện tích đất 384.561m² tại thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Công ty TNHH Hoàng Hùng;

Xét đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư cụm nhà xưởng cho thuê 207.412m² trong tổng diện tích đất 384.561m² tại thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Hoàng Hùng (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TNMT (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Xây Dựng;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- UBND thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Nguyên

Phụ lục

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ 207.412M² TRONG TỔNG DIỆN TÍCH
ĐẤT 384.561M² TẠI THỊ TRẤN LAI UYÊN, XÃ LONG NGUYÊN, HUYỆN
BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG CỦA CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG**
(Kèm theo Quyết định số 253 /QĐ-STNMT ngày 03 tháng 3 năm 2020
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư cụm nhà xưởng cho thuê 207.412m² trong tổng diện tích đất 384.561m².

1.2 Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hoàng Hùng.

1.3. Địa điểm, địa chỉ: Thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất: cho thuê nhà xưởng, diện tích 207.412 m².

1.5. Công nghệ sản xuất của dự án (Ngành nghề tiếp nhận đối với nhà xưởng cho thuê):

- Nhóm 1 (06 nhà xưởng được bố trí ở dãy đầu cụm nhà xưởng được ký hiệu từ CN1 đến CN6): Công nghiệp sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất; Công nghiệp sản xuất bao bì; Công nghiệp sản xuất lắp ráp dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi.

- Nhóm 2 (06 nhà xưởng được bố trí ở dãy giữa cụm nhà xưởng được ký hiệu từ CN7 đến CN12): Công nghiệp may mặc, không có công đoạn dệt nhuộm; Công nghiệp sản xuất máy công cụ, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu; Công nghiệp cơ khí, không thực hiện công đoạn xi mạ: dập khung, lắp ráp, chế tạo xe máy và phụ tùng.

- Nhóm 3 (06 nhà xưởng được bố trí ở dãy cuối cụm nhà xưởng được ký hiệu từ CN13 đến CN18): Công nghiệp điện tử và vi điện tử.

1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án: Tổng diện tích khu đất là 384.561m² cụ thể:

- Đất nhà máy – kho tàng (đất xây dựng nhà xưởng cho thuê): 207.412m².
- Đất các khu kỹ thuật: 5.751m² (trong đó đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải: 1.500 m², hồ sự cố: 750m²)
- Đất công trình hành chính – dịch vụ: 4.305m².
- Đất cây xanh: 77.286,8m².

- Đường giao thông, bến bãi: 81.933,8 m².
- Đất khác: 7.872,4m² (Đất hành lang bảo vệ suối: 4.192,1m²; Đất hành lang an toàn đường bộ: 3.680,3 m²).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn thi công.

- Bụi và tiếng ồn phát sinh từ quá trình san ủi tạo mặt bằng; vận chuyển vật liệu xây dựng, xà bần, thi công đào đắp và xây lắp hạ tầng kỹ thuật, công trình.
- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng; nước thải từ hoạt động xây dựng.
- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; phế thải vật liệu xây dựng; chất thải nguy hại.

2.2 Các tác động môi trường chính trong giai đoạn hoạt động

a. Quy mô, tính chất của nước thải

Nước thải sản xuất và sinh hoạt từ các doanh nghiệp thuê nhà xưởng với thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, vi sinh vật gây bệnh với lưu lượng khoảng 1.548 m³/ngày.

b. Nguồn phát sinh khí thải

- Mùi hôi và sol khí thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung
- Khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp thuê lại nhà xưởng

c. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý như thực phẩm thừa, giấy vụn, nylon, carton, nhựa, xốp, các loại khác...

d. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chủ yếu là bao bì đựng hóa chất, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, than hoạt tính xử lý nước thải, vật liệu lọc (cát, sỏi) xử lý nước thải ... với tổng khối lượng phát sinh khoảng 107,5 tấn/năm (khoảng 0,34 tấn/ngày).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải của dự án:

+ Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất từ các doanh nghiệp thuê nhà xưởng → Thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE, đường kính 200 mm - 300mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Hoàng Hùng → Đầu nối vào hệ thống thoát nước thải bằng hệ thống đường cống BTCT, đường kính 1.000 mm.

+ Phương án tổ chức thoát nước sau xử lý: nước thải sau hệ thống xử lý được thải ra suối Đồng Cò cách dự án khoảng 25m → Suối Bến Ván. Công ty TNHH Hoàng Hùng đầu tư tuyến cống thoát nước thải sau hệ thống xử lý ra nguồn tiếp nhận, tách riêng với tuyến cống thoát nước mưa.

- Xử lý nước thải:

+ Quy trình xử lý nước thải: nước thải từ các doanh nghiệp thuê xưởng (nước thải sinh hoạt và sản xuất) → Hồ thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Hệ thống quan trắc tự động 24/24h → suối Đồng Cò → suối Bến Ván. Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT- Cột A, $k_q=0,9$, $k_r=1$, sau đó thoát ra nguồn tiếp nhận.

+ Trạm xử lý nước thải có tổng công suất: 1.600 m³/ngày, trong đó cụm xử lý sinh học chia làm 02 module, mỗi modul có công suất 800m³/ngày. Khi nước thải đạt 70% công suất của module 1 sẽ tiến hành lắp đặt thiết bị cho cụm xử lý sinh học của module 2.

+ Bố trí hồ sự cố dung tích 3.200m³ để lưu giữ nước thải trong trường hợp thiết bị quan trắc nước thải tự động đo đạc có các thông số ô nhiễm trong nước thải vượt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT- Cột A, $k_q=0,9$, $k_r=1$.

3.2. Biện pháp giảm thiểu khí thải phát sinh

- Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom bằng quạt hút, xử lý bằng thiết bị hấp phụ, vật liệu hấp phụ là than hoạt tính.

- Tạo khoảng cách cách ly đối với cụm nhà xưởng sản xuất và trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện theo đúng phân khu chức năng trong Cụm nhà xưởng như đã được phê duyệt.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý → Thùng rác → Hộp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom để xử lý đúng quy định.

- Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại tại kho chứa có diện tích 100m² đặt trong nhà điều hành của trạm xử lý nước thải tập trung, có độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với chất thải nguy hại, tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bằng vật liệu không cháy, có dán các bảng phân khu vực, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại, trang bị các thùng chứa riêng cho từng loại chất thải).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất (như NaOH, H₂SO₄, PAC, Polymer ...) theo quy định của Luật Hóa chất và các văn bản liên quan.

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, phòng ngừa và ứng phó sự cố, quản lý đất đai và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3.6. Các yêu cầu khác

- Chỉ tiếp nhận các dự án thuộc những ngành nghề đăng ký và thực hiện theo đúng phân khu chức năng được nêu trong mục 1.5 của Phụ lục này; đảm bảo tỉ lệ diện tích cây xanh tối thiểu đạt 20% tổng diện tích đất của Cụm.

- Thỏa thuận về yêu cầu đầu nối nước thải với các dự án đầu tư vào Cụm trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua hợp đồng trách nhiệm và thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm.

- Chỉ được phép tiếp nhận các dự án đầu tư vào Cụm sau khi hoàn thành việc xây dựng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

- Lập phương án phòng ngừa ứng phó sự cố tràn đổ chất thải theo quy định ban hành tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Phương án ứng phó sự cố tràn đổ chất thải trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016-2020 và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, phê duyệt.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính

- Công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Công trình thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại.
- Các công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Trong giai đoạn thi công: Khí thải

- Vị trí: 03 vị trí gồm 01 điểm tại công trường xây dựng; 01 điểm tại đầu khu đất dự án và 01 điểm cuối khu đất dự án.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi PM 2.5 và PM10, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT

5.2. Trong giai đoạn vận hành:

a) Nước mặt

+ Vị trí: 02 vị trí tại suối Đồng Cò cách điểm xả nước thải của dự án 100m về phía hạ nguồn và tại suối Bến Ván cách điểm xả nước thải của dự án 1,5km về hạ nguồn.

+ Thông số giám sát: pH, COD, BOD₅, SS, NH₄⁺, NO₂⁻, NO₃⁻, Fe, As, Pb, Cd, Cu, Zn, Coliform, dầu mỡ khoáng, độ màu.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2015/BTNMT cột A2.

b) Nước thải

- Lắp đặt thiết bị quan trắc và giám sát nước thải tự động theo quy định tại Điều 71 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 72 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

+ Vị trí: 01 vị trí sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, COD, TSS, lưu lượng, độ màu, Amoni

+ Tần suất giám sát: liên tục.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với $K_q = 0,9$ và $K_f = 1$.

- Giám sát nước thải định kỳ:

+ Vị trí: 02 vị trí tại hồ thu gom nước thải đầu vào và nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅ (20°C), COD, TSS, dầu mỡ khoáng, Tổng N, Tổng P, độ màu, sunfua, coliform, clorua, clo dư, Fe, Cu, Mg, Zn, Ni, Amoni (theo N).

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với $K_q = 0,9$ và $K_f = 1$.

c) Giám sát chất lượng đất

- Vị trí giám sát: Khu vực đặt trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thông số và tiêu chuẩn so sánh: pH, Cu, Zn, Pb, Cd, As.

- Quy chuẩn chuẩn so sánh: QCVN 03-MT:2015/BTNMT (đất công nghiệp).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

d) Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: thành phần và khối lượng

- Lập báo cáo quản lý chất thải nguy hại, định kỳ 01 lần/năm, gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1253/STNMT-CCBVM

Bình Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2021

V/v điều chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng số diện tích 384.561 m²”

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Hùng

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 286/CV-HH ngày 22 tháng 4 năm 2021 và Văn bản số 060821/HH ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Công ty TNHH Hoàng Hùng về việc điều chỉnh nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án “Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng số diện tích 384.561 m²” tại thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Dự án “Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng số diện tích 384.561 m²” tại thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Hoàng Hùng đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 1253/QĐ-STNMT ngày 03 tháng 3 năm 2020. Theo nội dung báo cáo ĐTM thì Cụm nhà xưởng cho thuê với diện tích 207.412 m² gồm 18 nhà xưởng, sẽ được phân làm 3 khu chức năng và thu hút các ngành nghề cụ thể như sau:

- Nhóm 1 (06 nhà xưởng được bố trí ở dãy đầu cụm nhà xưởng được ký hiệu từ CN1 đến CN6): Công nghiệp sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất; Công nghiệp sản xuất bao bì; Công nghiệp sản xuất lắp ráp dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi.

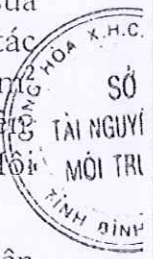
- Nhóm 2 (06 nhà xưởng được bố trí ở dãy giữa cụm nhà xưởng được ký hiệu từ CN7 đến CN12): Công nghiệp may mặc, không có công đoạn dệt nhuộm; Công nghiệp sản xuất máy công cụ, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu; Công nghiệp cơ khí, không thực hiện công đoạn xi mạ: dập khung, lắp ráp, chế tạo xe máy và phụ tùng.

- Nhóm 3 (06 nhà xưởng được bố trí ở dãy cuối cụm nhà xưởng được ký hiệu từ CN13 đến CN18): Công nghiệp điện tử và vi điện tử.

Nay, Công ty đề nghị điều chỉnh nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt cụ thể như sau:

- Bổ sung thêm ngành nghề sản xuất sofa (bàn, ghế, giường và các sản phẩm có liên quan);

- Thực hiện phân làm 02 khu chức năng thu hút ngành nghề sản xuất vào Cụm nhà xưởng cho thuê cụ thể:



+ Nhóm 1 (13 nhà xưởng bố trí từ CN1 đến CN5 và từ CN9 đến CN16) thu hút các ngành nghề như: Sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất, sản xuất sofa (bàn, ghế, giường và các sản phẩm liên quan); sản xuất bao bì; sản xuất lắp ráp dụng cụ thể thao, đồ chơi; công nghiệp cơ khí như dập khung, lắp ráp, chế tạo xe máy và phụ tùng (không thực hiện công đoạn xi mạ); công nghiệp sản xuất máy công cụ, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu và các ngành nghề khác phù hợp với các ngành nghề trên.

+ Nhóm 2 (05 nhà xưởng bố trí từ CN6 đến CN8 và từ CN17 đến CN18) thu hút các ngành nghề công nghiệp sạch, cụ thể như: Công nghiệp điện tử, vi điện tử; Công nghiệp may mặc (không có công đoạn dệt nhuộm) và các ngành nghề khác phù hợp với các ngành nghề trên.

+ Đồng thời, trong trường hợp khi các nhà xưởng của nhóm 1 đã lấp đầy mà các ngành nghề thuộc nhóm 1 có nhu cầu thuê xưởng của các nhà xưởng nhóm 2 và các ngành nghề cho thuê không xung khắc, tác động qua lại lẫn nhau thì Công ty có thể thu hút đầu tư các ngành nghề này (hoặc ngược lại).

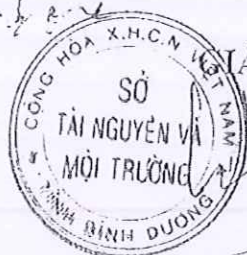
Qua xem xét cho thấy, cho thấy ngành nghề sản xuất sofa (ngành nghề sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất) phù hợp với định hướng ngành nghề thu hút đầu tư vào Cụm nhà xưởng cho thuê theo Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh và nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt; đồng thời, việc bố trí lại phân khu chức năng, định hướng thu hút ngành nghề đầu tư không xung đột, tác động qua lại lẫn nhau trong cụm nhà xưởng cho thuê, không làm gia tăng tác động môi trường so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt (tại Quyết định số 1253/QĐ-STNMT ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường). Trường hợp này theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường thì Công ty tự xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về những thay đổi, điều chỉnh của mình; tuân thủ các yêu cầu, điều kiện bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trong báo cáo ĐTM, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ thì dự án “Đầu tư Cụm nhà xưởng cho thuê 207.412 m² trong tổng số diện tích 384.561 m²” của Công ty TNHH Hoàng Hùng thuộc đối tượng phải lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường. Do vậy, sau khi hoàn thành các công trình xử lý chất thải đề nghị Công ty lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm và hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 16b và Điều 17 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến Công ty TNHH Hoàng Hùng để biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, CCBVMT, ThHa3.



CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ DÁN DẤU

Ngô Quang Sự

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 09/2019.. ngày 31. /12. /2019.. của: Công ty TNHH Hoàng Hùng.....

Người đại diện là Ông/Bà:..... Nguyễn Cảnh Thành..... Chức danh:..... Giám đốc.....

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

HỆ THỐNG HA TẦNG KỸ THUẬT CUM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ

Địa điểm xây dựng: TT. Lai Uyên, X. Long Nguyên, H. Bàu Bàng, T. Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Hoàng Hùng.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Mai Thanh Bình.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

... Giao thông, phục vụ chữa cháy;.....

... Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà.....

.....

.....

.....

.....

.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2. 

Bình Dương, ngày 15. tháng 01 năm 2020
TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

Công ty TNHH Hoàng Hùng;
C07: Công an huyện Bàu Bàng;
- Lưu: VT, C/TPC.



Thượng tá Nguyễn Anh Tuấn

[illegible]

Số: 92 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ..01/2020 ngày ..10 / 02 / 2020 của: Công ty TNHH Hoàng Hùng.....

Người đại diện là Ông/Bà:..... Nguyễn Cảnh Thành..... Chức danh:..... Giám đốc.....

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

CUM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ, CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ

Địa điểm xây dựng: ..TT. Lai Uyên và X. Long Nguyễn, H. Bàu Bàng, T. Bình Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Hoàng Hùng.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: ..Cty TNHH TV & XD Kiến Xanh, Cty TNHH Mai Thanh Bình

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy; điều kiện thoát nạn;
- Khoảng cách an toàn PCCC; ngăn cháy; trang bị phương tiện PCCC ban đầu;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy (trong nhà, ngoài nhà);
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;
- Biện pháp bảo vệ kết cấu thép: Toàn bộ cột thép chịu lực ốp gạch dày 200mm 04 mặt cột cao đến mái, GHCL ≥ 120 phút.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hoàng Hùng;
- CQT; Công an huyện Bàu Bàng;
- Lưu: VT, CTPC.

Bình Dương, ngày 24 tháng 02 năm 2020
TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Anh Tuấn

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

[illegible]

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 258 /PC07-CTPC

Bình Dương, ngày 15 tháng 4 năm 2021

V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu về
phòng cháy và chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Hùng

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 93/TD-PCCC ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bình Dương;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH Hoàng Hùng;

Người đại diện theo pháp luật là Ông: Nguyễn Cảnh Thành; Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 14 tháng 4 năm 2021, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bình Dương chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình: Nhà xưởng 8 (70m x 168,5m); Nhà xưởng 9 (70m x 153,5m) với các nội dung sau:

1. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Uyên và xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hoàng Hùng.

3. Đơn vị thi công:

- Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Hoàn Thiện.

- Đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH TM-DV Hùng Hưng Thịnh.

4. Quy mô công trình: Nhà xưởng 8 (70m x 168,5m), 01 tầng, cao 11m; Nhà xưởng 9 (70m x 153,5m), 01 tầng, cao 11m.

5. Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

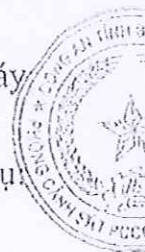
- Giao thông phục vụ chữa cháy; Điều kiện thoát nạn;
- Khoảng cách an toàn PCCC; Ngăn cháy; Trang bị phương tiện PCCC ban đầu;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy (trong nhà, ngoài nhà);

- Hệ thống báo cháy tự động;

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;

Chủ đầu tư thay đổi biện pháp bảo vệ kết cấu thép: Toàn bộ cột thép chịu



lực ốp gạch dày 200mm 04 mặt cột cao đến mái, GHCL ≥ 120 phút sang biển pháp toàn bộ cột thép chịu lực sơn chống cháy, GHCL ≥ 120 phút.

Các yêu cầu kèm theo:

Để bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy cho công trình, hạng mục công trình trong suốt quá trình sử dụng theo tuổi thọ, đề nghị Công ty TNHH Hoàng Hùng đơn vị quản lý sử dụng và các đơn vị có liên quan thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

+ Có nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an;

+ Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở tương ứng với loại hình cơ sở, được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ theo quy định.

+ Có phương án chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện, thiết bị sử dụng điện, sinh lửa, sinh nhiệt, việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an;

+ Có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố, hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, ngăn khói, thoát nạn, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người bảo đảm về số lượng, chất lượng phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an;

+ Có Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế và văn bản thẩm duyệt thiết kế (nếu có) và văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về PCCC theo quy định tại Điều 11 Nghị định số

136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, sau đó gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH để thẩm duyệt theo quy định.

Văn bản này là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Lưu: CTPC.

K. TRƯỞNG PHÒNG



Trưởng Nguyễn Văn Hùng



CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 302 /PC07-CTPC

Bình Dương, ngày 29 tháng 4 năm 2021

V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu về
phòng cháy và chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Hùng

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 93/TD-PCCC ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bình Dương và giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 41/TD-PCCC ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bình Dương

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Công ty TNHH Hoàng Hùng;

Người đại diện theo pháp luật là Ông: Nguyễn Cảnh Thành; Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 28 tháng 4 năm 2021, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bình Dương chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình: **Cụm nhà xưởng cho thuê, công trình phụ trợ; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cụm nhà xưởng cho thuê** với các nội dung sau:

1. Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Uyên và xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hoàng Hùng.

3. Đơn vị thi công:

- Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Hoàn Thiện.

- Đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH TM-DV Hùng Hưng Thịnh.

4. Quy mô công trình:

- Nhà xưởng 1 (60m x 203m), 01 tầng, cao 11m; Nhà xưởng 2 (65m x 169m), 01 tầng, cao 11m; 02 nhà xưởng 3 (70m x 169m), 01 tầng, cao 11m; Nhà xưởng 4 (70m x 179m), 01 tầng, cao 11m; 03 nhà xưởng 6 (70m x 168,5m), 01 tầng, cao 11m; 03 nhà xưởng 7 (70m x 168,5m), 01 tầng, cao 11m; Nhà xưởng 10 (70m x 135,5m), 01 tầng, cao 11m.



- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cụm nhà xưởng cho thuê: Lắp đặt 36 trụ cấp nước chữa cháy.

5. Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Giao thông phục vụ chữa cháy; Điều kiện thoát nạn;
- Khoảng cách an toàn PCCC; Ngăn cháy; Trang bị phương tiện PCCC ban đầu;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy (trong nhà, ngoài nhà);
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;
- Chủ đầu tư thay đổi biện pháp bảo vệ kết cấu thép: Toàn bộ cột thép chịu lực ốp gạch dày 200mm 04 mặt cột cao đến mái, GHCL ≥ 120 phút sang biện pháp toàn bộ cột thép chịu lực sơn chống cháy, GHCL ≥ 120 phút.

Các yêu cầu kèm theo:

Để bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy cho công trình, hạng mục công trình trong suốt quá trình sử dụng theo tuổi thọ, đề nghị Công ty TNHH Hoàng Hùng đơn vị quản lý sử dụng và các đơn vị có liên quan thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động và được duy trì trong suốt quá trình hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, cụ thể:

+ Có nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an;

+ Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở tương ứng với loại hình cơ sở, được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ theo quy định.

+ Có phương án chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện, thiết bị sử dụng điện, sinh lửa, sinh nhiệt, việc sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt phải bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an;

+ Có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố, hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, ngăn khói, thoát nạn, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người bảo đảm về số lượng, chất lượng phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy hoặc theo quy định của Bộ Công an;

+ Có Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế và văn bản thẩm duyệt thiết kế (nếu có) và văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về PCCC theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, sau đó gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH để thẩm duyệt theo quy định.

Văn bản này là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Lưu: CTPC.

TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Nguyễn Anh Tuấn

1. The first part of the document is a letter from the President of the United States to the Congress, dated January 3, 1863. It is a very important document, as it contains the President's message to the Congress regarding the state of the Union and the progress of the war.

2. The second part of the document is a report from the Secretary of the War Department, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the military operations of the Army during the year 1862, and the progress of the war.

3. The third part of the document is a report from the Secretary of the Navy Department, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the naval operations of the Navy during the year 1862, and the progress of the war.

4. The fourth part of the document is a report from the Secretary of the Department of the Interior, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the operations of the Department during the year 1862, and the progress of the war.

5. The fifth part of the document is a report from the Secretary of the Department of the Treasury, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the operations of the Department during the year 1862, and the progress of the war.

6. The sixth part of the document is a report from the Secretary of the Department of the State, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the operations of the Department during the year 1862, and the progress of the war.

7. The seventh part of the document is a report from the Secretary of the Department of the War, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the operations of the Department during the year 1862, and the progress of the war.

8. The eighth part of the document is a report from the Secretary of the Department of the Navy, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the operations of the Department during the year 1862, and the progress of the war.

9. The ninth part of the document is a report from the Secretary of the Department of the Interior, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the operations of the Department during the year 1862, and the progress of the war.

10. The tenth part of the document is a report from the Secretary of the Department of the Treasury, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the operations of the Department during the year 1862, and the progress of the war.

11. The eleventh part of the document is a report from the Secretary of the Department of the State, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the operations of the Department during the year 1862, and the progress of the war.

12. The twelfth part of the document is a report from the Secretary of the Department of the War, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the operations of the Department during the year 1862, and the progress of the war.

13. The thirteenth part of the document is a report from the Secretary of the Department of the Navy, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the operations of the Department during the year 1862, and the progress of the war.

14. The fourteenth part of the document is a report from the Secretary of the Department of the Interior, dated January 10, 1863. It contains a detailed account of the operations of the Department during the year 1862, and the progress of the war.

Số: 49 /NT-PC07-CTPC

Bình Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Hoàng Hùng

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 93/TD-PCCC ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an tỉnh Bình Dương.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Công ty TNHH Hoàng Hùng;

Người đại diện theo pháp luật là Ông: Nguyễn Cảnh Thành; Chức vụ: Giám đốc;

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và các đơn vị liên quan;

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của công trình Nhà xưởng 5 (133m x 179m); Nhà xưởng 11 (70m x 118,5m); Nhà xưởng 12 (70m x 102,5m); Nhà xưởng 13 (70m x 85,5m); 08 nhà văn phòng 3 (15m x 20m, 03 tầng) của các xưởng (03 nhà văn phòng xưởng 6, 03 nhà văn phòng xưởng 7, 01 nhà văn phòng xưởng 9, 01 nhà văn phòng xưởng 11) với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: Thị trấn Lai Uyên và xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Hoàng Hùng.

Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH tư vấn đầu tư xây dựng Hoàn Thiện

Đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH TM-DV Hùng Hưng Thịnh.

Quy mô công trình:

- Nhà xưởng 5 (133m x 179m, 01 tầng, cao 11m); Nhà xưởng 11 (70m x 118,5m, 01 tầng, cao 11m); Nhà xưởng 12 (70m x 102,5m, 01 tầng, cao 11m); Nhà xưởng 13 (70m x 85,5m, 01 tầng, cao 11m); 08 nhà văn phòng 3 (15m x 20m, 03 tầng, cao 10,8m) của các xưởng (03 nhà văn phòng xưởng 6, 03 nhà văn phòng xưởng 7, 01 nhà văn phòng xưởng 9, 01 nhà văn phòng xưởng 11).

- Các hệ thống, giải pháp phòng cháy và chữa cháy: Hệ thống báo cháy lắp đặt cho toàn bộ công trình; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn lắp đặt trên đường, lối ra thoát nạn; Hệ thống hòng nước chữa cháy trong nhà; Hệ

thống chữa cháy tự động Spinrkler lắp đặt cho toàn bộ công trình; Các giải pháp ngăn cháy chống cháy lan; Hệ thống điện phục vụ PCCC; Hệ thống chống sét; Trang bị phương tiện PCCC ban đầu; Biện pháp bảo vệ kết cấu thép.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Bậc chịu lửa; Giao thông phục vụ chữa cháy; Điều kiện thoát nạn;
- Khoảng cách an toàn PCCC; Ngăn cháy; Trang bị phương tiện PCCC ban đầu;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy (trong nhà, ngoài nhà);
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động Spinrkler.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, đồng thời liên hệ với Công an huyện Bàu Bàng để được hướng dẫn, lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy chữa cháy;

- Khi thi công, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, sau đó gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu theo quy định.

Văn bản này là một trong những căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Lưu: CTPC.

TRƯỞNG PHÒNG

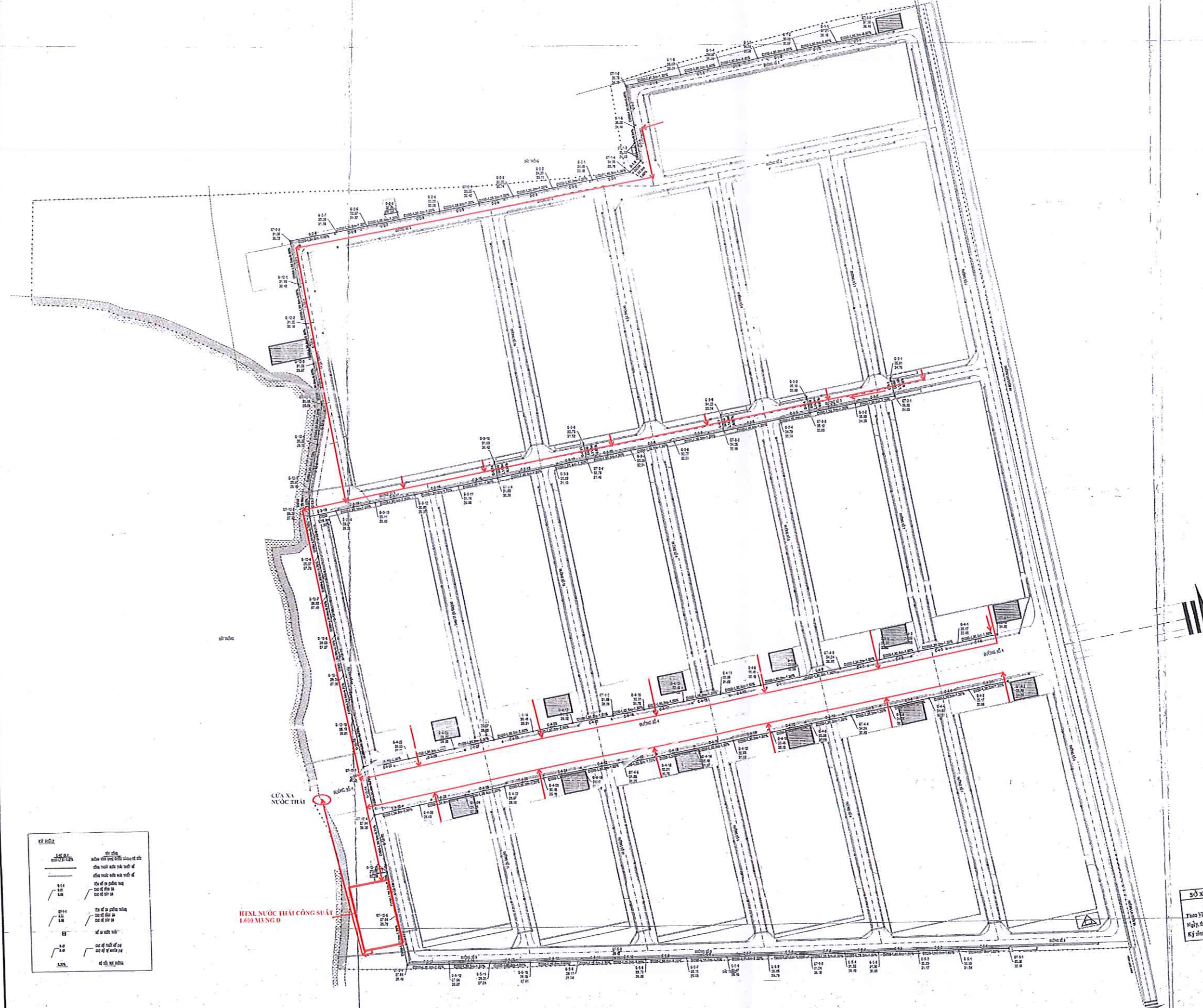


Thượng tá Nguyễn Minh Tuấn



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀN THIỆN BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày 25 tháng 02 năm 2022	
Người lập (Chữ in họ tên chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng Công trình (Chữ in họ tên chức vụ, chữ ký)
	
Ông <u>Nguyễn Văn Giáp</u> Giám đốc	Bà <u>Nguyễn Thị Bích Ngọc</u> Chỉ huy trưởng
Ông <u>Nguyễn Văn Giáp</u> Giám đốc	Bà <u>Nguyễn Thị Bích Ngọc</u> Chỉ huy trưởng

[illegible]



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HOÀN THIỆN			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày 25 tháng 02 năm 2011			
Người lập (Chức vụ, họ tên) Chức vụ, họ tên	Chủ Nhà thầu Công trình (Chức vụ, họ tên) Chức vụ, họ tên	Kỹ Viên Giám Sát Công trình (Chức vụ, họ tên) Chức vụ, họ tên	☐ Đã kiểm tra ☐ Đã nghiệm thu ☐ Đã nghiệm thu ☐ Đã nghiệm thu
[Signature] [Signature]	[Signature]	[Signature]	[Signature]
[Signature] [Signature]			[Signature]

Đã nghiệm thu và kiểm tra và được
 Giám sát viên chấp thuận



Họ và tên:
 NGUYỄN VĂN AN

Chức vụ:
 TR. LA SƠN, K. LƯU NGUYỄN - K. SÀI GÒN - K. SÀI GÒN

Chức vụ:
 NGUYỄN VĂN AN

Đã nghiệm thu và kiểm tra và được
 Giám sát viên chấp thuận

Đã nghiệm thu và kiểm tra và được Giám sát viên chấp thuận	[Signature]
--	-------------

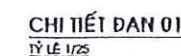
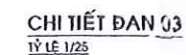
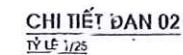
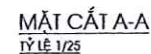
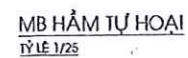
Đã nghiệm thu và kiểm tra và được
 Giám sát viên chấp thuận

Đã nghiệm thu và kiểm tra và được Giám sát viên chấp thuận	[Signature]
--	-------------

Đã nghiệm thu và kiểm tra và được
 Giám sát viên chấp thuận

Đã nghiệm thu và kiểm tra và được Giám sát viên chấp thuận	[Signature]
--	-------------

BẢN VE THIẾT KẾ KỸ THUẬT THI CÔNG	
CÔNG TRÌNH : CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ LONG NGUYÊN, HUYỆN BẮC ĐÔNG, THÀNH BÌNH DƯƠNG	
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG GIAI	
	 PHẠM QUANG NHẬT T. THỦ ĐẠU T. BÌNH DƯƠNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN :  CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & XÂY DỰNG KIẾN XANH 01/01/2019 - 31/12/2020 SỐ 01/01/2019 - 31/12/2020 TP. THỦ ĐẠU T. BÌNH DƯƠNG SỐ 01 698 069 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIẾN XANH TƯ VẤN & XÂY DỰNG KIẾN XANH M.S. 01/01/2019 - 31/12/2020 T. THỦ ĐẠU MỘT T. BÌNH DƯƠNG TRẦN HOÀNG THUỶ	
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN KTS. PHẠM QUANG NHẬT	 PHẠM QUANG NHẬT
CHỦ TRÍ THIẾT KẾ KTS. PHẠM QUANG NHẬT	
THUẾT KẾ KTS. PHẠM QUANG NHẬT	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT KTS. TRƯỜNG CÔNG VIÊN	
HẠNG MỤC : VỊ TRÍ GIÁM SÁT	
BẢN VẼ: SƠ ĐỒ VỊ TRÍ GIÁM SÁT	
LỜI BẢN VẼ	KIẾN TRÚC
SỐ HIỆU BV	KT 01/03
NGÀY PHÁT HÀNH	02/2020



BẢN VẼ THIẾT KẾ CƠ SỞ

DIỆU AN ĐẦU TƯ:
CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ

ĐIỂM XÂY DỰNG
XÃ LONG HUYỀN, HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ :

CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG

GIÁM ĐỐC:  CÔNG TY

(TRÁCH NHIỆM)

HOÀNG HÙNG



100-443887-100

ROSLIN T. CAMERON

DON VI TO VAN :

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & XÂY DỰNG

RIENG XANH
KINH DOANH PHU LIA 1. P. PHU LIA

0718982
THÀNH MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

115/ CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

TP. HỒ CHÍ MINH



DẤU MỘT-T. BÌNH
TRẦN HOÀNG THỦY

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

KTS. PHẠM QUANG NHẬT

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
------------------	--

KS. PHẠM QUỐC CƯỜNG

THIẾT KẾ

KS. PHẠM QUỐC CƯỜNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT	
------------------	--

KTS. BÙI TẤT THÀNH

HANG MUG :

LIÊN HỆ TỚI MỘT SỐ

HAM TỰ HOẠT

BẢN VẼ:

1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 26

1000

CHI TIẾT HẨM TỰ HOẠI

1000000	1000000
---------	---------

LOẠI BÀN VẼ	NƯỚC

ST. HIỆU BV	BTH-01/01
-------------	-----------

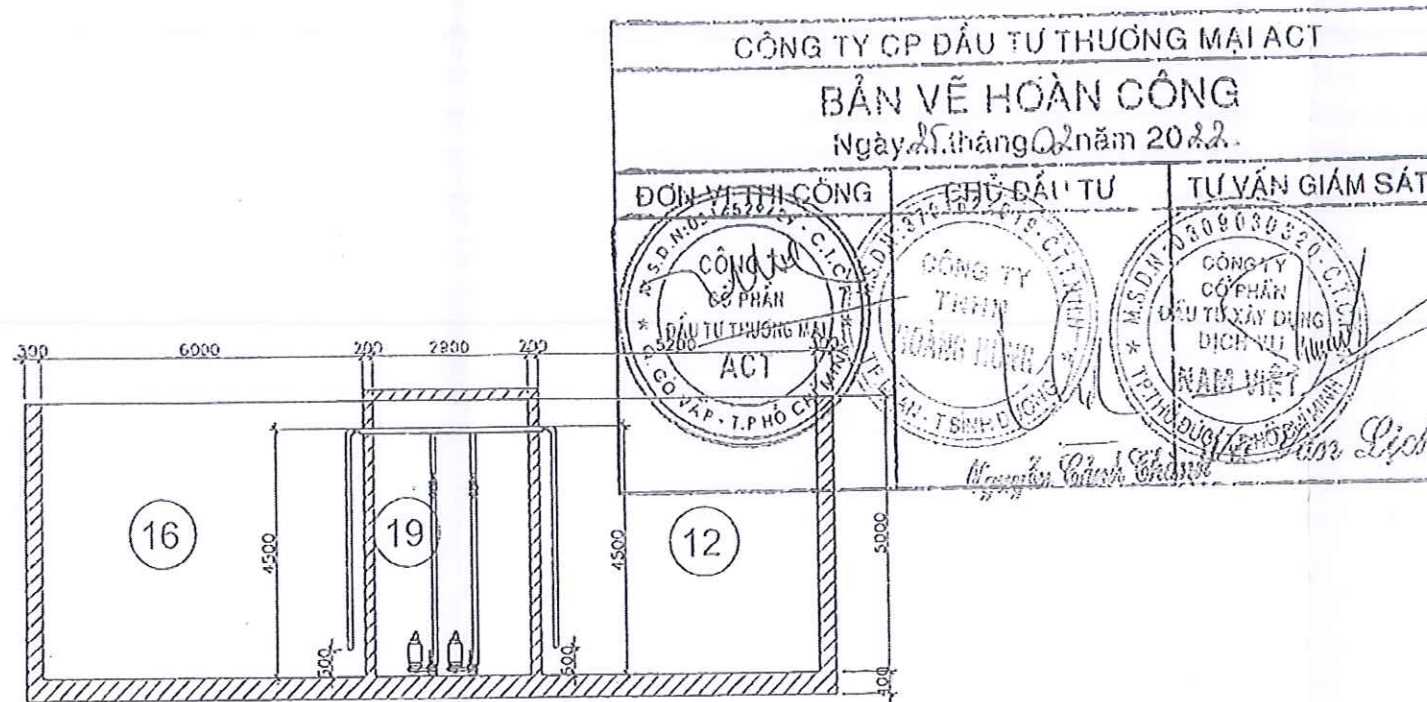
PHÁT HÀNH	02/2020
-----------	---------



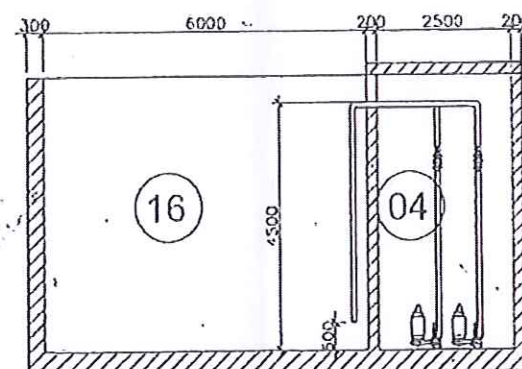
- (01) — BÊ THU GOM
- (02) — BÊ TÁCH MỜ
- (03) — BÊ CHỮA MỜ
- (04) — BÊ THU BÙN
- (05) — BÊ ĐIỀU HÒA
- (06) — BÊ LẮNG LÝ HÓA
- (07) — BÊ TRUNG HÒA 1
- (08) — BÊ TRUNG HÒA 2
- (09) — BÊ TẠO BÔNG
- (10) — BÊ KÝ KHÍ 1
- (11) — BÊ KÝ KHÍ 2
- (12) — BÊ HIẾU KHÍ 1
- (13) — BÊ HIẾU KHÍ 2
- (14) — BÊ HIẾU KHÍ 3
- (15) — BÊ HIẾU KHÍ 4
- (16) — BÊ NÉN BÙN
- (17) — BÊ QUAN TRẮC
- (18) — BÊ KHỬ TRÙNG
- (19) — BÊ THU BÙN
- (20) — BÊ LẮNG SINH HỌC
- (21) — HỒ SỰ CỎ

STT	NGÀY	ĐƠN VỊ	NGƯỜI ĐÓNG
HIỆU CHỨNG VÀ NGÀY HOÀN THIỆN			
A			B
C			D
E			F
G			H
MỤC DÍCH PHÁT HÀNH			
THUẬT KẾ SỐ SỰ		☐	
TRÌNH DUYỆT		☒	
TƯ CỘNG		☒	
KẾ QUẢ		☐	
KẾT QUẢ		☒	
			
			
BỊ BẢN			
CHỖ IN TC	---		
CHỖ IN CC	---		
THỜI GIAN	---		
CÔNG TRÌNH			
ĐẦU TƯ CUM NHÀ XƯỞNG CHIO THUẾ			
Đc: Trại Lữ Đoàn Lỵ Yên, H. Bình Bàng, T. Bình Dương			
MỤC MỤC			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
TÊN BẢN VẼ			
MẶT CẮT A-A, B-B, C-C, D-D			
THUẬT KẾ KỸ THUẬT - KẾT CẤU XD			
SỐ BẢNG VẼ		TÊN BẢN VẼ	
04		16	

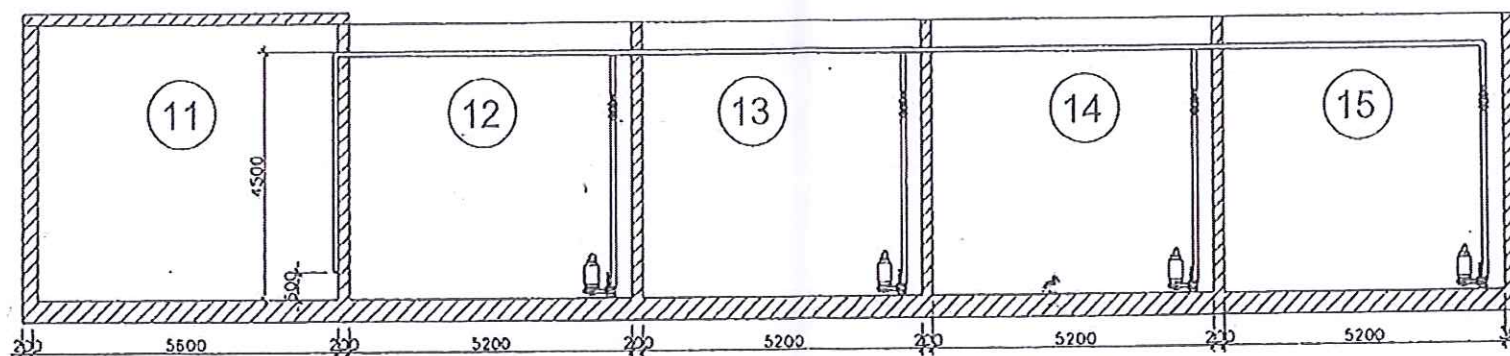
- (01) — BỂ THU GOM
- (02) — BỂ TÁCH MỠ
- (03) — BỂ CHỨA MỠ
- (04) — BỂ THU BÙN
- (05) — BỂ ĐIỀU HÒA
- (06) — BỂ LẮNG LÝ HÓA
- (07) — BỂ TRUNG HÒA 1
- (08) — BỂ TRUNG HÒA 2
- (09) — BỂ TẠO BÔNG
- (10) — BỂ KỸ KHÍ 1
- (11) — BỂ KỸ KHÍ 2
- (12) — BỂ HIẾU KHÍ 1
- (13) — BỂ HIẾU KHÍ 2
- (14) — BỂ HIẾU KHÍ 3
- (15) — BỂ HIẾU KHÍ 4
- (16) — BỂ NÉN BÙN
- (17) — BỂ QUAN TRẮC
- (18) — BỂ KHỬ TRÙNG
- (19) — BỂ THU BÙN
- (20) — BỂ LẮNG SINH HỌC
- (21) — HỒ SỰ CÓ



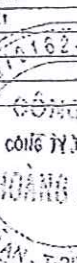
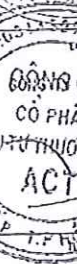
MẶT CẮT BỀ 16-19-12



MẶT CÁT BÈ 16-04



MẶT CÁT BÈ 11-12-13-14-15

CHỖ DÁN:			
STT	HỌ TÊN	ĐIỀU CHỈNH	HOÀN CHỈNH
HIỆU CHỈNH VÀ NGÀY HOÀN THIỆN			
A		B	
C		D	
E		F	
G		H	
MỤC DỊCH PHÁT HÀNH			
THIẾT KẾ SƠ ĐỒ			☐
TRÌNH CHUYỂN			☒
THI CÔNG			☐
HIỆU CHỈNH			☐
HOÀN CHỈNH			☐
			
			
HỌ TÊN			

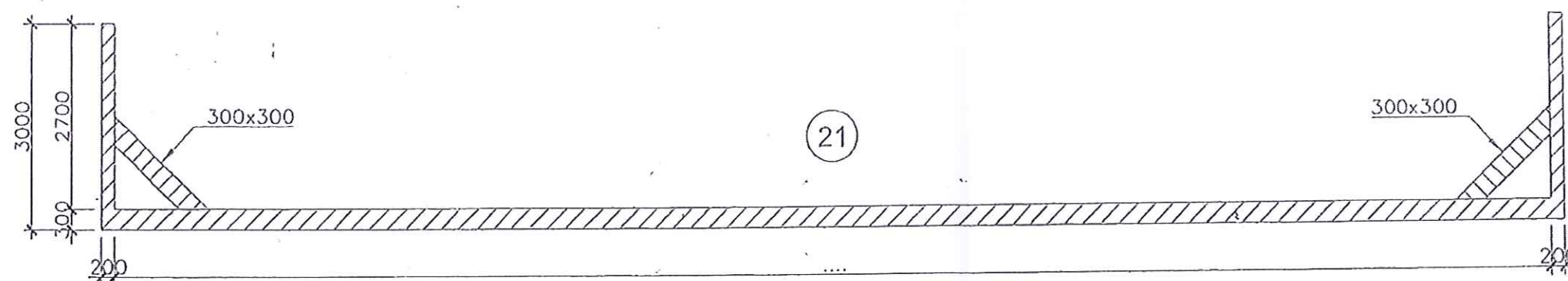
QUẢN LÝ	---		
THIẾT KẾ	---		
THỰC HIỆN	---		
CÔNG TRÌNH			
ĐẦU TƯ CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ			
Đc: Tọa độ Lai Uyên, H. Bàu Bàng, T. Bình Dương			
HẠNG MỤC			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
TÊN BẢN VẼ			
MẶT CẮT BÉ 16-19-12			
MẶT CẮT BÉ 16-04			
MẶT CẮT BÉ 11-12-13-14-15			
THIẾT KẾ KỸ THUẬT - KẾT CẤU XD			
SỐ BẢN VẼ		TỔNG SỐ BẢN VẼ	
11		16	
NGÀY: .../.../...			

Ngày 25 tháng 02 năm 2022.

0303030320



1890



MẶT CÁT NGANG HỒ SỰ CỐ

- | | | | | |
|------------------|---------------------|--------------------|-----------------------|---------------|
| (01)—BỂ THU GOM | (06)—BỂ LẮNG LÝ HÓA | (11)—BỂ KỸ KHÍ 2 | (16)—BỂ NÉN BÙN | (21)—HỒ SỰ CỐ |
| (02)—BỂ TÁCH MỠ | (07)—BỂ TRUNG HÒA 1 | (12)—BỂ HIẾU KHÍ 1 | (17)—BỂ QUAN TRẮC | |
| (03)—BỂ CHỨA MỠ | (08)—BỂ TRUNG HÒA 2 | (13)—BỂ HIẾU KHÍ 2 | (18)—BỂ KHỬ TRÙNG | |
| (04)—BỂ THU BÙN | (09)—BỂ TẠO BÔNG | (14)—BỂ HIẾU KHÍ 3 | (19)—BỂ THU BÙN | |
| (05)—BỂ ĐIỀU HÒA | (10)—BỂ KỸ KHÍ 1 | (15)—BỂ HIẾU KHÍ 4 | (20)—BỂ LẮNG SINH HỌC | |

SIT	DATA	RECEIÇÃO	RECEIÇÃO

HIỆU CẢNH VÀ NGUY HỒN THÂN

A		B	
C		D	
E		F	
G		H	

MỤC DỊCH PHẢI HÀNH

TRƯỜNG	☐
TRƯỜNG	☒
TRƯỜNG	☐
TRƯỜNG	☐
TRƯỜNG	☐

1	10-10-10	10-10-10
2	10-10-10	10-10-10
3	10-10-10	10-10-10
4	10-10-10	10-10-10
5	10-10-10	10-10-10
6	10-10-10	10-10-10
7	10-10-10	10-10-10
8	10-10-10	10-10-10
9	10-10-10	10-10-10
10	10-10-10	10-10-10
11	10-10-10	10-10-10
12	10-10-10	10-10-10
13	10-10-10	10-10-10
14	10-10-10	10-10-10
15	10-10-10	10-10-10
16	10-10-10	10-10-10
17	10-10-10	10-10-10
18	10-10-10	10-10-10
19	10-10-10	10-10-10
20	10-10-10	10-10-10
21	10-10-10	10-10-10
22	10-10-10	10-10-10
23	10-10-10	10-10-10
24	10-10-10	10-10-10
25	10-10-10	10-10-10
26	10-10-10	10-10-10
27	10-10-10	10-10-10
28	10-10-10	10-10-10
29	10-10-10	10-10-10
30	10-10-10	10-10-10
31	10-10-10	10-10-10
32	10-10-10	10-10-10
33	10-10-10	10-10-10
34	10-10-10	10-10-10
35	10-10-10	10-10-10
36	10-10-10	10-10-10
37	10-10-10	10-10-10
38	10-10-10	10-10-10
39	10-10-10	10-10-10
40	10-10-10	10-10-10
41	10-10-10	10-10-10
42	10-10-10	10-10-10
43	10-10-10	10-10-10
44	10-10-10	10-10-10
45	10-10-10	10-10-10
46	10-10-10	10-10-10
47	10-10-10	10-10-10
48	10-10-10	10-10-10
49	10-10-10	10-10-10
50	10-10-10	10-10-10
51	10-10-10	10-10-10
52	10-10-10	10-10-10
53	10-10-10	10-10-10
54	10-10-10	10-10-10
55	10-10-10	10-10-10
56	10-10-10	10-10-10
57	10-10-10	10-10-10
58	10-10-10	10-10-10
59	10-10-10	10-10-10
60	10-10-10	10-10-10
61	10-10-10	10-10-10
62	10-10-10	10-10-10
63	10-10-10	10-10-10
64	10-10-10	10-10-10
65	10-10-10	10-10-10
66	10-10-10	10-10-10
67	10-10-10	10-10-10
68	10-10-10	10-10-10
69	10-10-10	10-10-10
70	10-10-10	10-10-10
71	10-10-10	10-10-10
72	10-10-10	10-10-10
73	10-10-10	10-10-10
74	10-10-10	10-10-10
75	10-10-10	10-10-10
76	10-10-10	10-10-10
77	10-10-10	10-10-10
78	10-10-10	10-10-10
79	10-10-10	10-10-10
80	10-10-10	10-10-10
81	10-10-10	10-10-10
82	10-10-10	10-10-10
83	10-10-10	10-10-10
84	10-10-10	10-10-10
85	10-10-10	10-10-10
86	10-10-10	10-10-10
87	10-10-10	10-10-10
88	10-10-10	10-10-10
89	10-10-10	10-10-10
90	10-10-10	10-10-10
91	10-10-10	10-10-10
92	10-10-10	10-10-10
93	10-10-10	10-10-10
94	10-10-10	10-10-10
95	10-10-10	10-10-10
96	1	

* CÔNG TY TNHH HOÀNG HƯNG *



CONG. J. THE CONG.

ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI

१५५३

COBEN

CHỦ TÀI LIỆC	---	
NGÀY VIẾT	---	
THỜI GIAN	---	

CÔNG TRÌNH

DẦU TƯ CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ

Đo: Thị trấn Lai Uyên, H. Bàu Bàng, T. Bình Dương

KHÔNG LỖC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

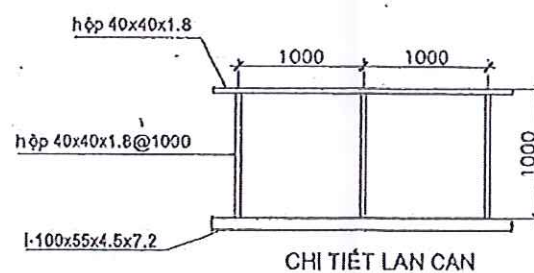
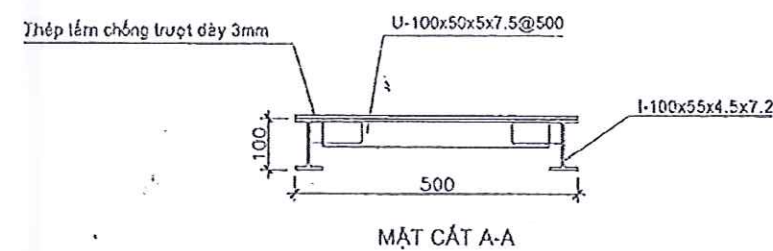
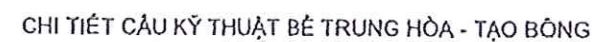
ΤΕΚ ΕΛΛ ΥΕ

MẶT CẮT NGANG HỒ SỰ CỐ

THIẾT KẾ KỸ THUẬT - KẾT CẤU XD

SỐ HẸN VÉ	TỔNG SỐ LINH V
12	16

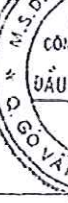
$$N_2H_4$$

[illegible]

STT	NGÀY	ĐIỀU CHỈNH	NGOẠI DƯỚI

HIỆU CHỨNG VÀ NGÀY HOÀN THIỆN	
A	B
C	D
E	F
G	H

MỤC DỊCH PHÁT HÀNH	
THIẾT KẾ (1/2)	☐
THIẾT KẾ (1/2)	☒
THIẾT KẾ (1/2)	☐
THIẾT KẾ (1/2)	☐
THIẾT KẾ (1/2)	☐

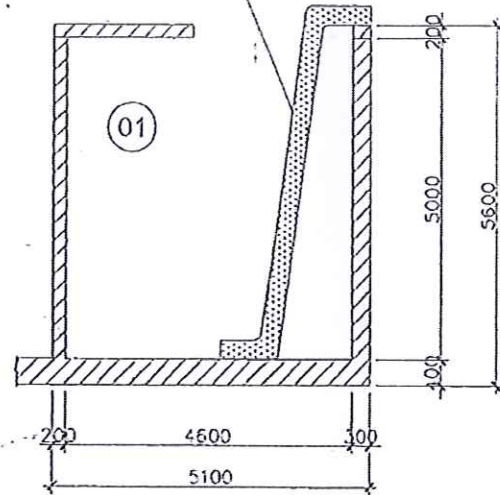
(CHỖ DẤU)	

CÓ THỂ TẠO	---	
THIẾT KẾ TẠO	---	
THIẾT KẾ TẠO	---	

CÔNG TÍNH	
ĐẦU TƯ CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ	
Đc: Thị trấn Lai Uyên, H. Bàu Bàng, T. Bình Dương	
HẠNG MỤC	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	
CẦU KỸ THUẬT	
BỀ TRUNG HÒA - TẠO BÓNG	
THIẾT KẾ KỸ THUẬT - KẾT CẤU XD	
SỐ BẢN VẼ	TỔNG SỐ BẢN VẼ
14	16

Ngày 25 tháng 02 năm 2022

02 Mây lược rác tinh (2mm)

[illegible]

(01) — BỂ THU GOM	(06) — BỂ LẮNG LÝ HÓA	(11) — BỂ KỸ KHÍ 2	(16) — BỂ NÉN BÙN	(21) — HỒ SỰ CỎ
(02) — BỂ TÁCH MỖ	(07) — BỂ TRUNG HÒA 1	(12) — BỂ HIẾU KHÍ 1	(17) — BỂ QUAN TRẮC	
(03) — BỂ CHỨA MỖ	(08) — BỂ TRUNG HÒA 2	(13) — BỂ HIẾU KHÍ 2	(18) — BỂ KHỬ TRÙNG	
(04) — BỂ THU BÙN	(09) — BỂ TẠO BÓNG	(14) — BỂ HIẾU KHÍ 3	(19) — BỂ THU BÙN	
(05) — BỂ ĐIỀU HÒA	(10) — BỂ KỸ KHÍ 1	(15) — BỂ HIẾU KHÍ 4	(20) — BỂ LẮNG SINH HỌC	

STT	Ngày	Nội Dung	Người Duyệt

A		E	
C		D	
F		F	
G		H	

INSTRUMENT	☐
TRAILER	☒
TRUCK	☐
WAGON	☐
TRUCK	☐

[illegible]

S. D. N. 031:52947
 CÔNG TY
 CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN DTH ICT

CONG HOA VIET NAM
CỘNG HÒA VIỆT NAM
CỘNG HÒA
DÂN CHỦ THƯƠNG MẠI
ACT



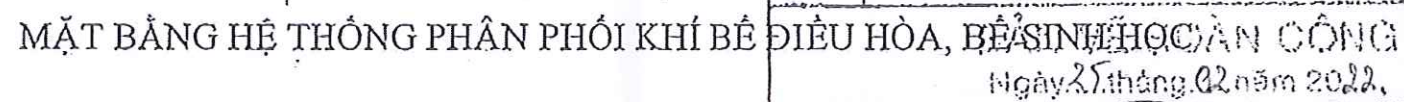
ĐÁP ÁN TC	---	
ĐÁP ÁN BT	---	
ĐÁP ÁN BT	---	

ĐẦU TƯ CỤM NHÀ XƯỞNG
CHO THUÊ

TÊN BÀI VÊ

THIẾI KẾ KỶ THUYẾT - KẾT CẤU XO

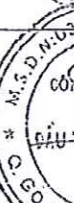
05	16
----	----



- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI ACT

ĐIỀU HÒA, BẰNG SINH HỌC VÀN CÔNG

Ngày 25 tháng 02 năm 2022.

CÔNG TRÌNH			
STT	NGÀY	DIỆN TÍCH	NGƯỜI CHỌN
ĐIỀU CHỈNH VÀ NGÀY HOÀN THÀNH			
A		B	
C		D	
E		F	
G		H	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH			
THIẾT KẾ SẴN		☐	
TRÌNH Duyệt		☒	
THI CÔNG		☐	
KHUẾCH ĐẠI		☐	
HƯỚNG DẪN		☒	
 ĐƠN VỊ: CÔNG TY TNHH HOANG HUNG HOANG HUNG  ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TM ACT CÓ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI ACT			
LẠI ĐƠN			
...			
CƠ TẾ TH		---	
THIẾT KẾ K		----	
THI CÔNG		----	
CÔNG TRÌNH			
ĐẦU TƯ CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ			
Địa : Thị trấn Lai Uyên, H. Bàu Bàng, T. Bình Dương			
HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
TÊN BẢN VẼ			
MẶT BẰNG HỆ THỐNG PHÂN PHỐI KHÍ BÊ ĐIỀU HÒA, BÊ SINH HỌC			
THIẾT KẾ KỸ THUẬT - KẾT CẤU XD			
KẾ LẠC VẼ		TỔNG SỐ BẢN VẼ	
06		16	

Số phiếu: 02029-10/2021/PKQ-THH (21.7100)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
- Địa chỉ lấy mẫu : Thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 05/10/2021
- Ngày trả kết quả : 13/10/2021
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	211006.NT.056	Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02029-10/2021/PKQ-THH (21.7100)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 211006.NT.056)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
1	Lưu lượng nước thải ^(b)	m ³ /h	HDCV-TB-07	38	-
2	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	9,1	50
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,02	6 ÷ 9
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	12	27
5	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	23	67,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	7	45
7	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,10 (LOQ=0,10)	1,8
8	Kẽm (Zn) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,016)	2,7
9	Niken (Ni) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0020)	0,18
10	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,20	0,9
11	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	KPH (MDL=0,3)	4,5
12	Sunfua (S ²⁻) ^(a,b)	mg/L	SMEWW4500-S2-.B&D:2017	KPH (MDL=0,03)	0,18
13	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,12	4,5
14	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	4,01	18
15	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,21	3,6

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 02029-10/2021/PKQ-THH (21.7100)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2021

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
16	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	27	450
17	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3 : 2011	0,64	0,9
18	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	3,9 x 10 ²	3.000
19	Magie (Mg)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	3,79	-

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 211006.NT.056: Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 03307/2021/PKQ-THH (21.6951)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
- Địa chỉ lấy mẫu : Thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 21/12/2021
- Ngày trả kết quả : 29/12/2021
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	211222.NT.013	Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang 2 – 3/3

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 03307/2021/PKQ-THH (21.6951)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 211222.NT.013)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
1	Lưu lượng nước thải ^(b)	m ³ /h	HDCV-TB-07	38	-
2	Màu ^(a,b)	Đu/Co	SMEWW 2120C:2017	<9,0 (LOQ=9,0)	50
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,00	6 ÷ 9
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	10	27
5	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	22	67,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	6	45
7	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,10 (LOQ=0,10)	1,8
8	Kẽm (Zn) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	KPH (MDL=0,016)	2,7
9	Niken (Ni) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0020)	0,18
10	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,20	0,9
11	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	KPH (MDL=0,3)	4,5
12	Sunfua (S ²⁻) ^(a,b)	mg/L	SMEWW4500-S2-.B&D:2017	KPH (MDL=0,03)	0,18
13	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,13	4,5
14	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	4,28	18
15	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,20	3,6

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 03307/2021/PKQ-THH (21.6951)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2021

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
16	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	26	450
17	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3 : 2011	0,50	0,9
18	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	4,3 x 10 ²	3.000
19	Magie (Mg)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	4,16	-

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 211222.NT.013: Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01138/2022/PKQ-THH (22.1474)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
- Địa chỉ lấy mẫu : Thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 12/04/2022
- Ngày trả kết quả : 20/04/2022
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	220413.NT.043	Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01138/2022/PKQ-THH (22.1474)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220413.NT.043)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
1	Lưu lượng nước thải ^(b)	m ³ /h	HDCV-TB-07	8,12	-
2	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	14	50
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,48	6 ÷ 9
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6	27
5	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	13	67,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	7	45
7	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,10 (LOQ=0,10)	1,8
8	Kẽm (Zn) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,049 (LOQ=0,049)	2,7
9	Niken (Ni) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0020)	0,18
10	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,28	0,9
11	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	<1,0 (LOQ=1,0)	4,5
12	Sulfua (S ²⁻) ^(a,b)	mg/L	SMEWW4500-S2-.B&D:2017	KPH (MDL=0,03)	0,18
13	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,12	4,5
14	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,20	18
15	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,39	3,6

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01138/2022/PKQ-THH (22.1474)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2022

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
16	Clorua (Cl) ^(a)	mg/L	TCVN 6194:1996	36	450
17	Clo đit ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3 : 2011	0,43	0,9
18	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	4,6 x 10 ²	3.000
19	Magie (Mg)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	6,25	-

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 220413.NT.043: Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01141/2022/PKQ-THH (22.1475)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
3. Địa chỉ lấy mẫu : Thị trấn Lai Uyên, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
4. Ngày lấy mẫu : 13/04/2022
5. Ngày trả kết quả : 20/04/2022
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	220414.NT.002	Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01141/2022/PKQ-THH (22.1475)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220414.NT.002)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
1	Lưu lượng nước thải ^(b)	m ³ /h	HDCV-TB-07	8,25	-
2	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	13	50
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,09	6 ÷ 9
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	7	27
5	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	14	67,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	10	45
7	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,10 (LOQ=0,10)	1,8
8	Kẽm (Zn) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,049 (LOQ=0,049)	2,7
9	Niken (Ni) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0020)	0,18
10	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,42	0,9
11	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	<1,0 (LOQ=1,0)	4,5
12	Sunfua (S ²⁻) ^(a,b)	mg/L	SMEWW4500-S2-.B&D:2017	KPH (MDL=0,03)	0,18
13	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,32	4,5
14	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,19	18
15	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,45	3,6

98

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01141/2022/PKQ-THH (22.1475)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2022

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
16	Clorua (Cl) ^(a)	mg/L	TCVN 6194:1996	36	450
17	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3 : 2011	0,35	0,9
18	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	4,6 x 10 ²	3.000
19	Magie (Mg)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	6,08	-

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 220414.NT.002: Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01185/2022/PKQ-THH (22.1476)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
- Địa chỉ lấy mẫu : Thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 14/04/2022
- Ngày trả kết quả : 23/04/2022
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	220415.NT.002	Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01185/2022/PKQ-THH (22.1476)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220415.NT.002)



STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
				Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
1	Lưu lượng nước thải ^(b)	m ³ /h	HDCV-TB-07	8,1
2	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	14
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,49
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8
5	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	16
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	8
7	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,10 (LOQ=0,10)
8	Kẽm (Zn) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,049 (LOQ=0,049)
9	Niken (Ni) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0020)
10	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,41
11	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	<1,0 (LOQ=1,0)
12	Sunfua (S ²⁻) ^(a,b)	mg/L	SMEWW4500-S2-.B&D:2017	KPH (MDL=0,03)
13	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,41
14	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,86
15	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,35

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01185/2022/PKQ-THH (22.1476)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
16	Clorua (Cl) ^(b)	mg/L	TCVN 6194:1996	38	450
17	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3 : 2011	0,50	0,9
18	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	4,6 x 10 ²	3.000
19	Magie (Mg)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	6,14	-

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 220415.NT.002: Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01184/2022/PKQ-THH (22.1477)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
- Địa chỉ lấy mẫu : Thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 15/04/2022
- Ngày trả kết quả : 23/04/2022
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	220416.NT.002	Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01184/2022/PKQ-THH (22.1477)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220416.NT.002)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
1	Lưu lượng nước thải ^(b)	m ³ /h	HDCV-TB-07	8,25	-
2	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	14	50
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,38	6 ÷ 9
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	6	27
5	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	14	67,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	9	45
7	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,10 (LOQ=0,10)	1,8
8	Kẽm (Zn) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,049 (LOQ=0,049)	2,7
9	Niken (Ni) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0020)	0,18
10	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,28	0,9
11	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	<1,0 (LOQ=1,0)	4,5
12	Sunfua (S ²⁻) ^(a,b)	mg/L	SMEWW4500-S2-.B&D:2017	KPH (MDL=0,03)	0,18
13	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,13	4,5
14	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,12	18
15	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,39	3,6

98

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01184/2022/PKQ-THH (22.1477)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2022

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
16	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	44	450
17	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3 : 2011	0,43	0,9
18	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	3,9 x 10 ²	3.000
19	Magie (Mg)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	6,60	-

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 220416.NT.002: Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01214/2022/PKQ-THH (22.1478)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2022

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM XƯỜNG
- Địa chỉ lấy mẫu : Thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 16/04/2022
- Ngày trả kết quả : 26/04/2022
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	220418.NT.001	Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01214/2022/PKQ-THH (22.1478)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 220418.NT.001)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
1	Lưu lượng nước thải ^(b)	m ³ /h	HDCV-TB-07	8,3	-
2	Màu ^(a,b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2017	14	50
3	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,12	6 ÷ 9
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	9	27
5	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	16	67,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	10	45
7	Đồng (Cu) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,10 (LOQ=0,10)	1,8
8	Kẽm (Zn) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	<0,049 (LOQ=0,049)	2,7
9	Niken (Ni) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,0020)	0,18
10	Sắt (Fe) ^(a,b)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,56	0,9
11	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5520B&F: 2017	<1,0 (LOQ=1,0)	4,5
12	Sunfua (S ²⁻) ^(a,b)	mg/L	SMEWW4500-S2-.B&D:2017	KPH (MDL=0,03)	0,18
13	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,15	4,5
14	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	7,46	18
15	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,39	3,6

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

Số phiếu: 01214/2022/PKQ-THH (22.1478)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2022

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
16	Clorua (Cl) ^(a)	mg/L	TCVN 6194:1996	39	450
17	Clo dư ^(b)	mg/L	TCVN 6225-3 : 2011	0,50	0,9
18	Coliform ^(a,b)	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996	4,3 x 10 ²	3.000
19	Magie (Mg)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	6,25	-

Chú thích: (a)- Thông số được chứng nhận Vilas; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 220418.NT.001: Sau xử lý của HTXLNTTT (X = 1244 562; Y = 592 077)

VIMCERTS 076

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng